

LỜI MỞ ĐẦU

Hoà cùng với sự phát triển của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam trong những năm qua đã có những chuyển biến mạnh mẽ, chúng ta đã từng bước công nghiệp hoá - hiện đại hoá nền kinh tế và hội nhập kinh tế một cách sâu rộng. Trên trường quốc tế, Việt Nam cũng được đánh giá là một nước giàu tiềm lực phát triển, là nơi thu hút vốn đầu tư từ khắp các châu lục. Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế vừa có yếu tố hợp tác chặt chẽ vừa có yếu tố cạnh tranh quyết liệt ấy, các nhà kinh doanh phải năng động và sáng tạo hơn, sáng suốt với những phương án kinh doanh phù hợp để sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả nhất, tạo khả năng chiếm lĩnh thị trường làm cho doanh nghiệp ngày càng phát triển đi lên vững mạnh. Bởi vậy, các doanh nghiệp phải quan tâm đến tính hiệu quả trong hoạt động kinh tế, chú trọng đến chi phí bỏ ra, doanh thu đạt được và kết quả kinh doanh trong kỳ. Do đó, hạch toán kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là vấn đề không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đặt ra cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, sau khi đi sâu và tìm hiểu về công tác này tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện, em chọn nghiên cứu đề tài: "Hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện".

1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Nền kinh tế nước ta vận hành theo cơ chế thị trường có sự điều tiết và quản lý của nhà nước. Vì vậy phát triển sản xuất kinh doanh là một yếu tố hết sức quan trọng phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực có sẵn của công ty để đạt được kết quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

Trong nền kinh tế thị trường điều quan tâm nhất đó là làm thế nào để hàng hoá tiêu thụ trên thị trường thu được lợi nhuận cao nhất, để đạt được mục đích và lợi nhuận cao thì doanh nghiệp cần phải biết được mình đang kinh doanh sản phẩm hàng hoá nào? Kết quả và xu hướng chúng ra sao? Để có thể kinh doanh chúng hay chuyển

hướng kinh doanh sản phẩm hàng hoá khác.

Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện là một đơn vị kinh tế hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Bản thân doanh nghiệp cũng như bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tham gia vào thị trường cũng đều muốn có kết quả cao nhất với chi phí bỏ ra là thấp nhất. Kết quả kinh doanh của công ty không những là thước đo phản ánh trình độ tổ chức quản lý của ban lãnh đạo công ty mà nó còn mang ý nghĩa sống còn với bản thân doanh nghiệp. Muốn tồn tại và phát triển thì việc kinh doanh của công ty phải có lãi, lãi càng cao thì doanh nghiệp càng có điều kiện phát triển, tăng vốn mở rộng kinh doanh đồng thời cải thiện đời sống cán bộ công nhân viên thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước.

Do đó việc tổ chức "Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh" của công ty là điều hết sức quan trọng để cung cấp những thông tin kinh tế tài chính cho chủ doanh nghiệp và ban quản trị xem xét, đánh giá và chọn lựa phương án kinh doanh tốt nhất, đưa ra các kế hoạch kinh doanh ở kỳ tiếp theo nhằm đưa kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao hơn.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài:

- Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh số 1 công ty cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Chi nhánh số 1 công ty cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

🚦 Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh số 1 công ty cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện.

🚦 Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Đề tài nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác

định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính được thực hiện tại Chi nhánh số 1 công ty cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện.

- Về thời gian: Đề tài được thực hiện từ ngày 01/04/2012 đến ngày 20/06/2012.
- Việc phân tích được lấy từ số liệu của năm 2011.

4. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp thu thập thông tin
- Phương pháp phân tích
- Phương pháp so sánh
- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia
- Tìm hiểu tài liệu

5. Kết cấu của đề tài nghiên cứu khoa học:

Ngoài lời mở đầu và kết luận, kết cấu của đề tài nghiên cứu khoa học gồm 3 chương như sau:

Chương I: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp và lý luận về quản lý tài chính.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện.

Chương III: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện.

CHƯƠNG I:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VÀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

* *Bán hàng:*

Là quá trình chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hoá từ người bán sang người mua, đồng thời người bán có quyền đòi tiền về số hàng đã chuyển giao quyền sở hữu.

* *Doanh thu:*

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

* *Doanh thu thuần:*

Doanh thu thuần là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), doanh thu nội bộ (TK 512), sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

* *Thời điểm ghi nhận doanh thu:*

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hoá, lao vụ từ người bán sang người mua. Nói cách khác, thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua trả tiền cho người bán hay người mua chấp nhận thanh toán số sản phẩm hàng hoá, dịch vụ... mà người bán đã chuyển giao.

* *Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:*

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng

hoá, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

○ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (lãi hay lỗ về tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, cung ứng lao vụ dịch vụ) là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong báo cáo kết quả kinh doanh chỉ tiêu này được gọi là "*Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh*".

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần - (Giá vốn hàng bán + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp)

➤ **Kết quả hoạt động tài chính:**

○ Hoạt động tài chính là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

○ Kết quả hoạt động tài chính (lãi hay lỗ từ hoạt động tài chính) là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần thuộc hoạt động tài chính với các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động tài chính = Thu nhập hoạt động tài chính - Chi phí hoạt động tài chính

➤ **Kết quả hoạt động khác:**

○ Hoạt động khác là hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện, các hoạt động khác như: thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu được tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, thu được khoản nợ khó đòi đã xoá sổ,...

○ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập hoạt động khác - Chi phí hoạt động khác

*** Ý nghĩa của việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát

triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và hoạt động của các doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí đã bỏ ra phục vụ cho sản xuất kinh doanh nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp sẽ có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ. Việc xác định kết quả kinh doanh được làm vào cuối kì kinh doanh thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm phụ thuộc vào đặc điểm kinh doanh hoặc yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Với việc xác định kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp như: xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động. Tóm lại việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp tránh hiện tượng “lãi giả lỗ thật”. Hơn nữa nó còn có ý nghĩa với toàn bộ nền kinh tế quốc dân giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

○ Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý như: Người sở hữu hàng

hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

○ Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao

dịch cung cấp dịch vụ đó.

○ Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

Doanh thu của doanh nghiệp được ghi nhận khi hàng hoá, thành phẩm...thay đổi chủ sở hữu và khi việc mua bán hàng hoá, thành phẩm được trả tiền. Hay nói cách khác, doanh thu được ghi nhận khi người bán mất quyền sở hữu hàng hoá, thành phẩm, đồng thời được nhận quyền sở hữu về tiền hoặc sự chấp nhận thanh toán của

người mua.

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu đó và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Việc ghi nhận doanh thu phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính;
- Chỉ ghi nhận doanh thu trong kỳ kế toán khi thoả mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức và lợi nhuận được chia đã quy định theo chuẩn mực kế toán số 14 và các quy định của chế độ kế toán hiện hành;
- Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu;
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công;
- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa

hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ và cuối mỗi kỳ phải xác định kết quả kinh doanh của hoạt động kinh doanh làm căn cứ để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để xử lý, hệ thống hoá, cung cấp thông tin về tình hình hiện có và biến động của hàng hoá, tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý hàng hoá còn trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Khi thực hiện tốt các yêu cầu trên nó sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác tiêu thụ nói riêng và cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng sử dụng thông tin.

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

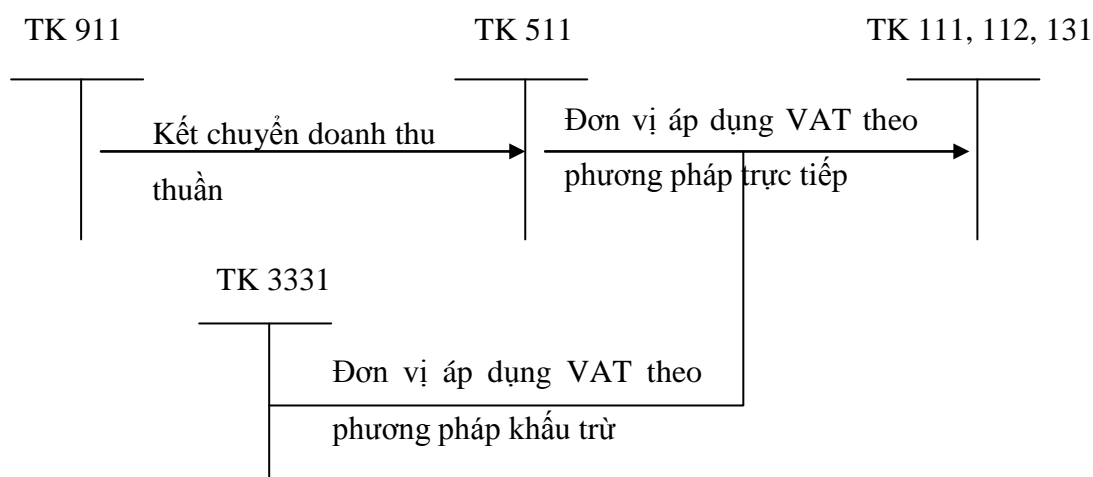
**** Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp:***

- Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng :

Trường hợp giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách

hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm nào đó đã quy định trước trong hợp đồng: sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

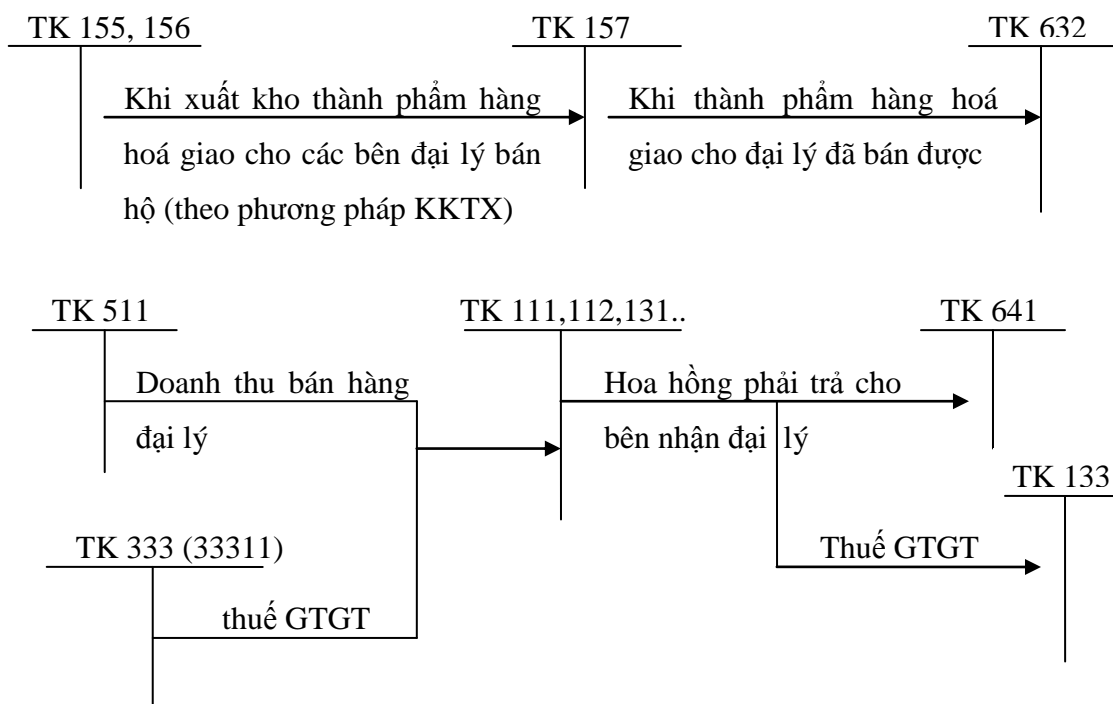


Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương pháp trực tiếp

- Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng:

Đối với đơn vị có hàng ký gửi (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ % trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

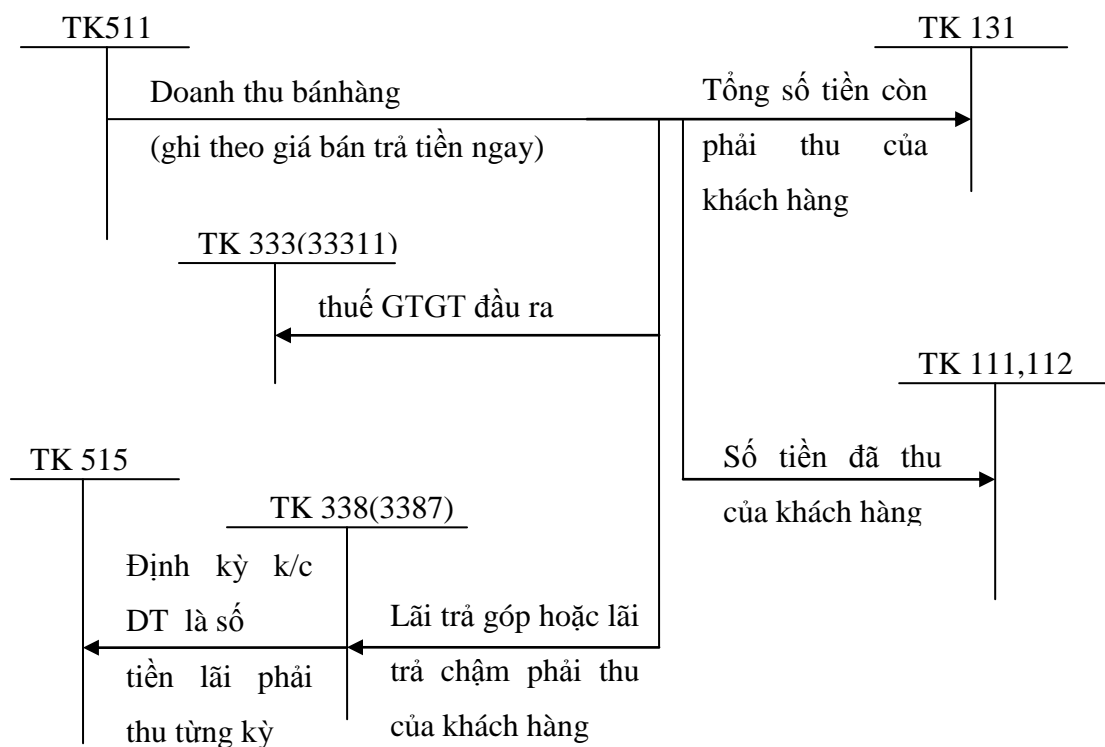
Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: số sản phẩm, hàng hoá nhận bán ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.



Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

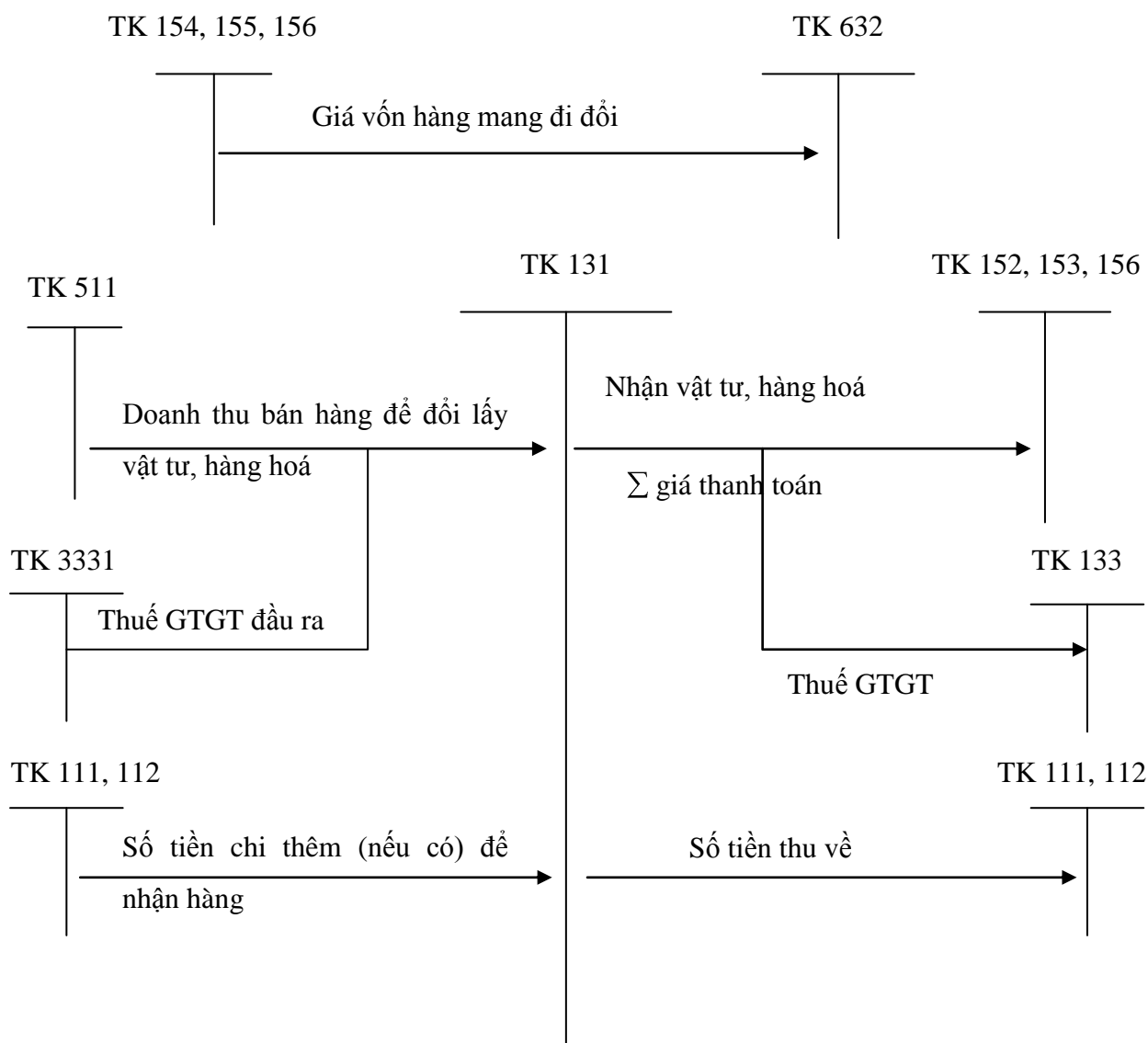
Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm (hoặc trả góp)

- Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá để đổi lấy vật tư, hàng hoá khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hoá tương ứng trên thị trường.



Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng

*** Các loại hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

+ Các hoạt động bán hàng: bán các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.

+ Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

*** Các loại doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

- + Doanh thu bán hàng hoá
- + Doanh thu bán thành phẩm
- + Doanh thu cung cấp dịch vụ

- + Doanh thu trợ cấp trợ giá
- + Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

*** Chứng từ và tài khoản sử dụng:**

- Chứng từ sử dụng:

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

+ Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

+ Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).

+ Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Kế toán sử dụng TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ.

➤ **TK 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có). Số tiền bán hàng được ghi trên Hoá đơn (GTGT), Hoá đơn bán hàng hoặc trên các chứng từ khác có liên quan tới việc bán hàng, hoặc giá thoả thuận giữa người mua và người bán.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng (521, 531, 532).
- Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang bên Có Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp hai như sau:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá.
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm.
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

➤ **TK 512** – Doanh thu bán hàng nội bộ: được sử dụng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang bên Có Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

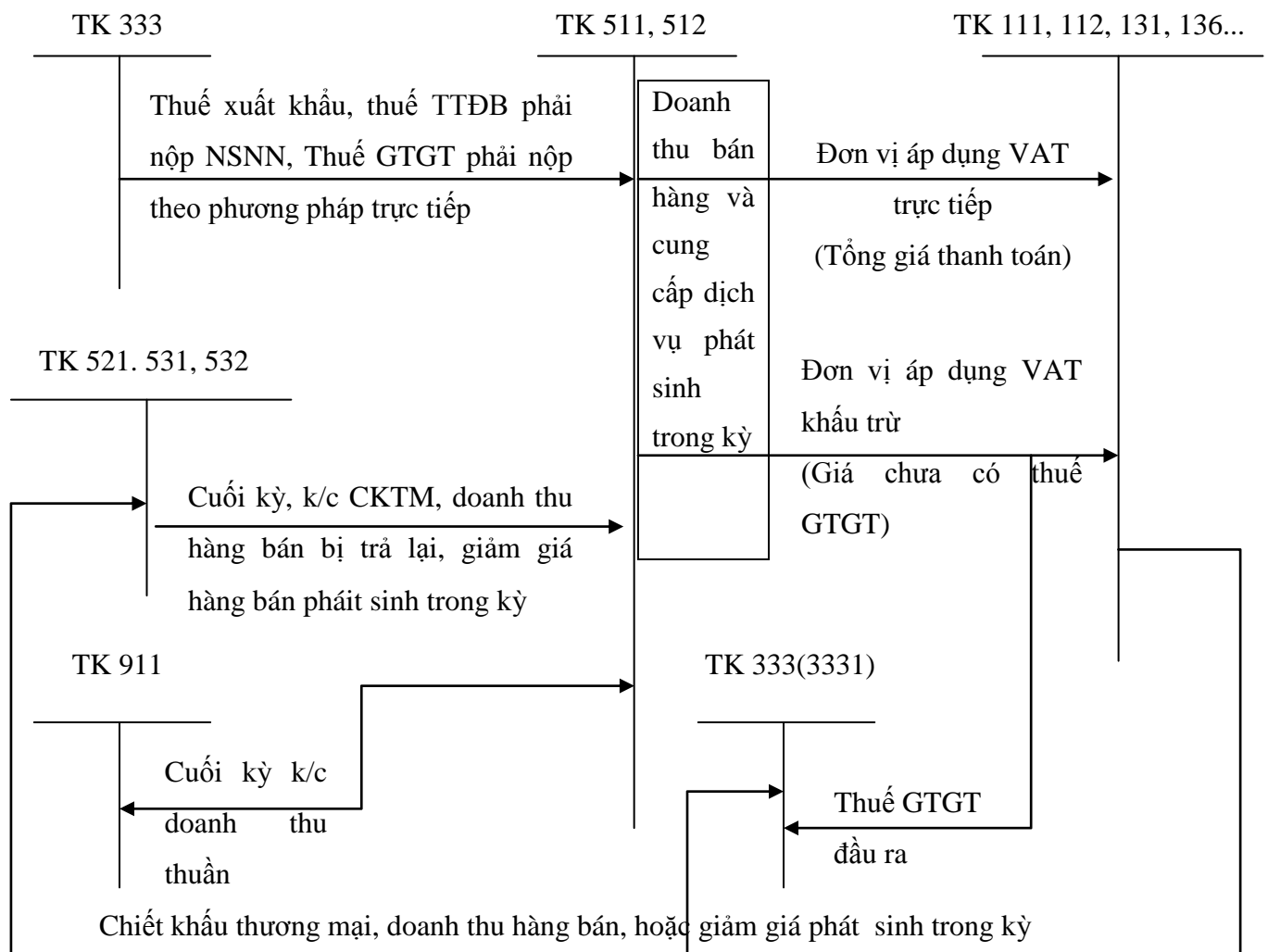
- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 512 có ba tài khoản cấp hai:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá nội bộ.
- TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm nội bộ.
- TK 5123: Doanh thu dịch vụ nội bộ

*** Phương pháp hạch toán:**

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng được khái quát qua sơ đồ 1.5



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ

1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trong quá trình kinh doanh, doanh nghiệp bị giảm doanh thu bán hàng do các nguyên nhân: thực hiện chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, doanh nghiệp nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp hoặc thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm cơ sở tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh theo dõi trực tiếp, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp để lập trên báo cáo tài chính.

1.5.2.1. Kế toán chiết khấu thương mại (CKTM) - TK 521

❖ Khái niệm:

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng.

Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 521- "Chiết khấu thương mại" để phản ánh.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang bên Nợ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại không có số dư cuối kỳ. TK 521 có ba tài khoản cấp hai:

- TK 5211: Chiết khấu hàng hoá.
- TK 5212: Chiết khấu thành phẩm.
- TK 5213: Chiết khấu dịch vụ.

1.5.2.2. Kế toán hàng bán bị trả lại (HBBTL) - TK 531

❖ Khái niệm:

Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

❖ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng Tài khoản 531 - "Hàng bán bị trả lại" để phản ánh.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng hoá bị trả lại sang bên Nợ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", hoặc sang bên Nợ Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ" để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại, không có số dư cuối kỳ.

1.5.2.3. Kế toán giảm giá hàng bán (GGHB) - TK532

❖ Khái niệm:

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách... đã ghi trong hợp đồng.

❖ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng Tài khoản 532 - "Giảm giá hàng bán" để phản ánh.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

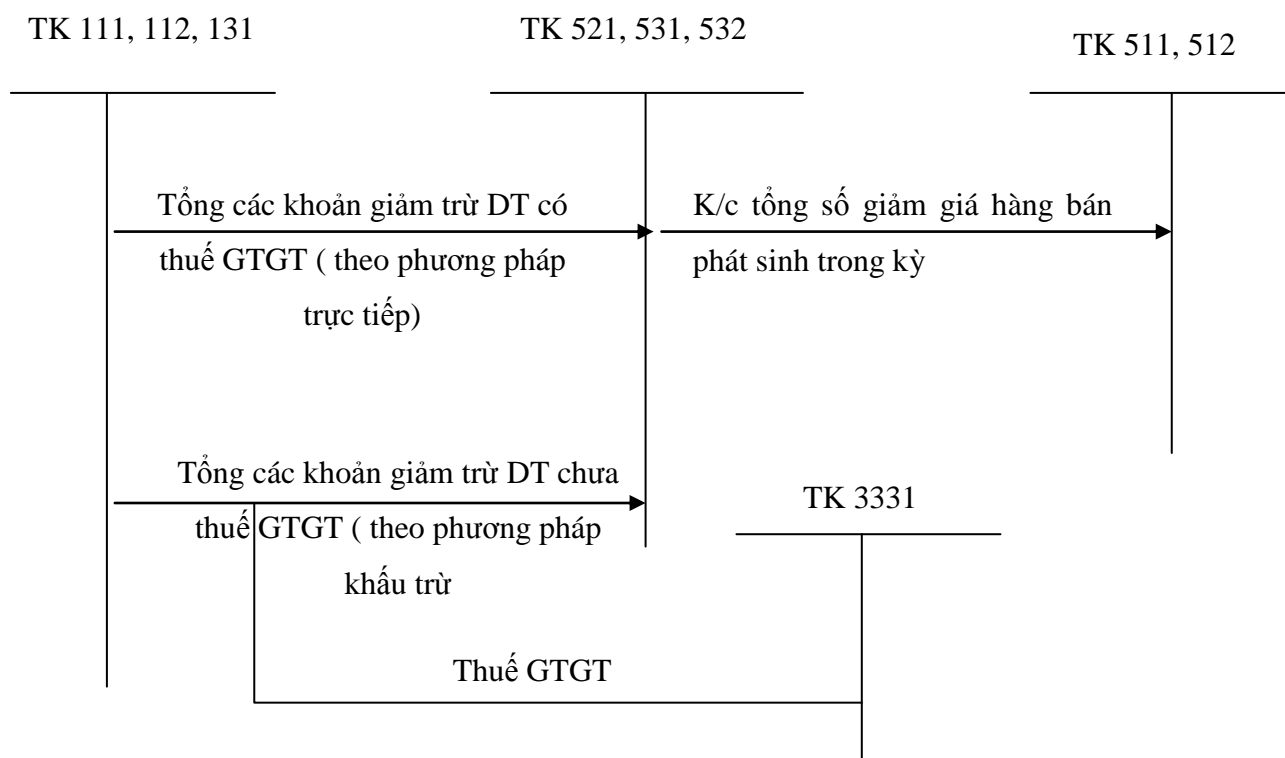
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng bán kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang bên Nợ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" hoặc sang bên Nợ Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ".

Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán không có số dư cuối kỳ.

1.5.2.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.5.2.5. Các khoản thuế làm giảm doanh thu

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hoá, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)}$$

$$\text{GTGT} = \text{Giá thanh toán của hàng hoá dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng}$$

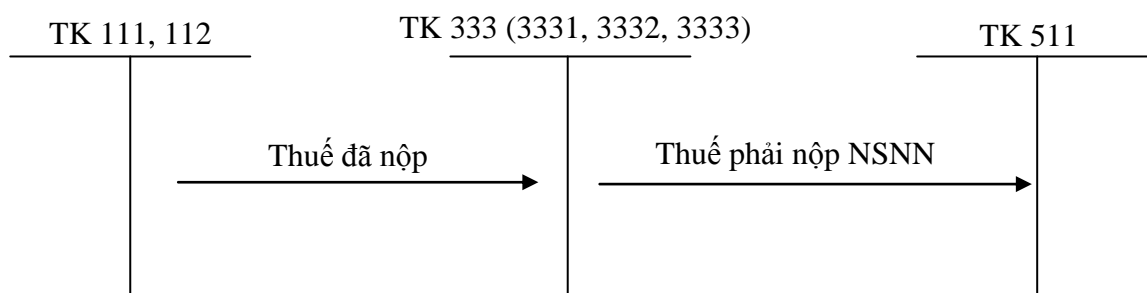
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

Cách tính:

- Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB x Thuế suất thuế TTĐB (%)

- Thuế XK phải nộp = Giá tính thuế XK x Thuế suất thuế XK (%)



Sơ đồ 1.7: Hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.5.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Hàng hoá khi xuất kho hay gửi bán đều phải xác định giá vốn thực tế để phục vụ cho việc hạch toán kịp thời và các mục tiêu khác của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán luôn chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán có thể thông qua một

trong bốn phương pháp sau:

➤ Phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{của hàng xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng xuất} \\ \text{kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân của} \\ \text{hàng hoá xuất kho trong} \\ \text{kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng hoá} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hoá tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hoá nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}$$

Nếu sau mỗi lần nhập, xuất sản phẩm kế toán xác định lại đơn giá thực tế bình quân thì giá đó là giá thực tế bình quân gia quyền liên hoàn.

Nếu đến cuối kỳ kế toán mới xác định đơn giá thì đơn giá bình quân đó là đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ.

➤ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO).

Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy, đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của những lần nhập sau cùng.

➤ Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO).

Theo phương pháp này kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho, kế toán tính giá xuất kho theo nguyên tắc trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của các lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá của các lần nhập đầu tiên.

➤ Phương pháp thực tế đích danh.

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhân diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

1.5.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu xuất kho
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

Giá vốn hàng bán là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hoá (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Kế toán sử dụng TK 632 – "Giá vốn hàng bán" để hạch toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632 có sự khác nhau giữa 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ:

*** Theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX):**

Kết cấu Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán:

Bên Nợ:

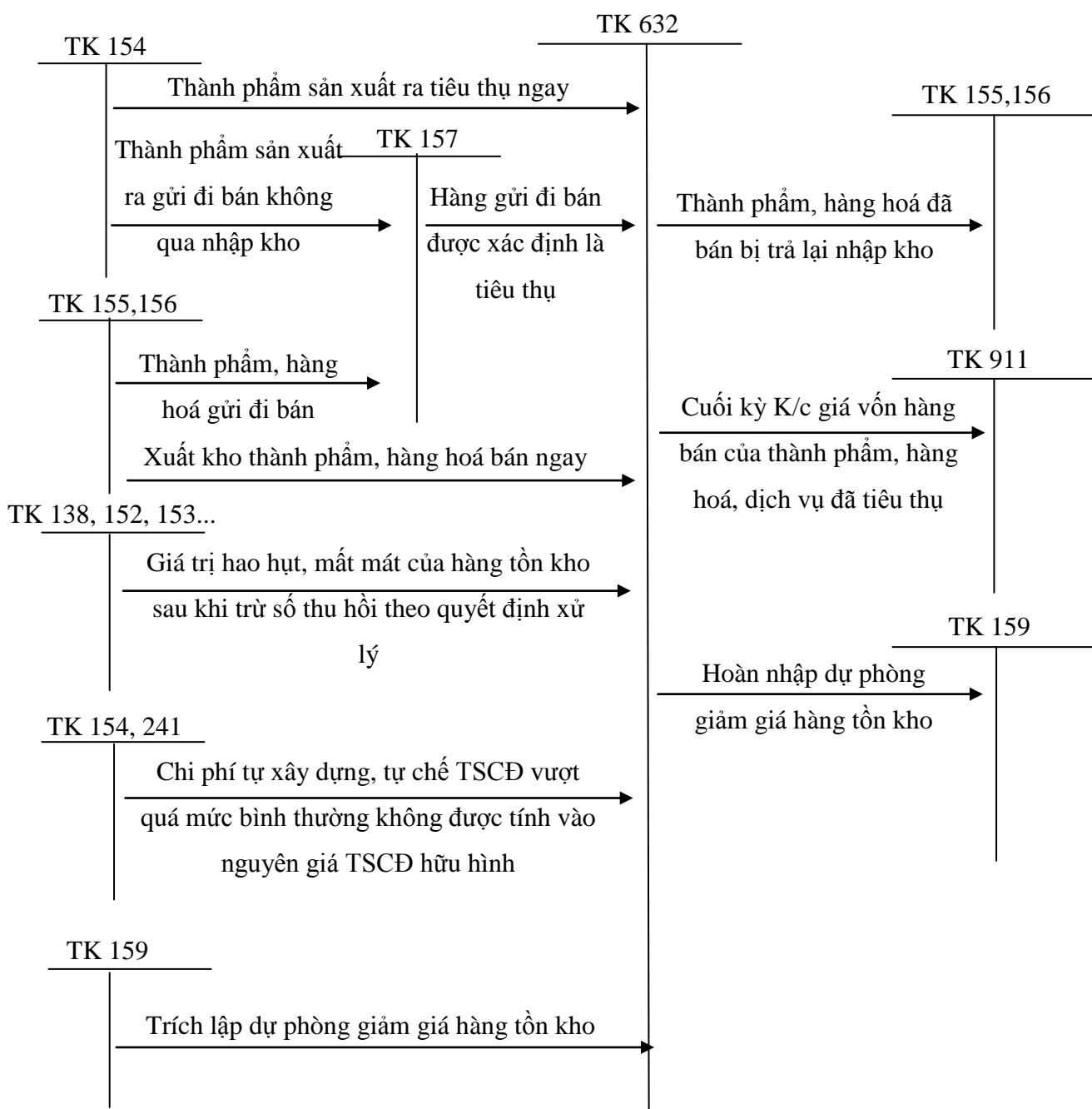
- Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ;
- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán;
- Phản ánh khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐHH tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

Bên Có:

- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
- Giá vốn của hàng bán bị trả lại
- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán không có số dư.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.8: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX

*** Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

Kết cấu Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Bên Nợ:

- Trị giá vốn thành phẩm tồn kho
- Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ
- Tổng giá thành thực tế thành phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành

Bên Có:

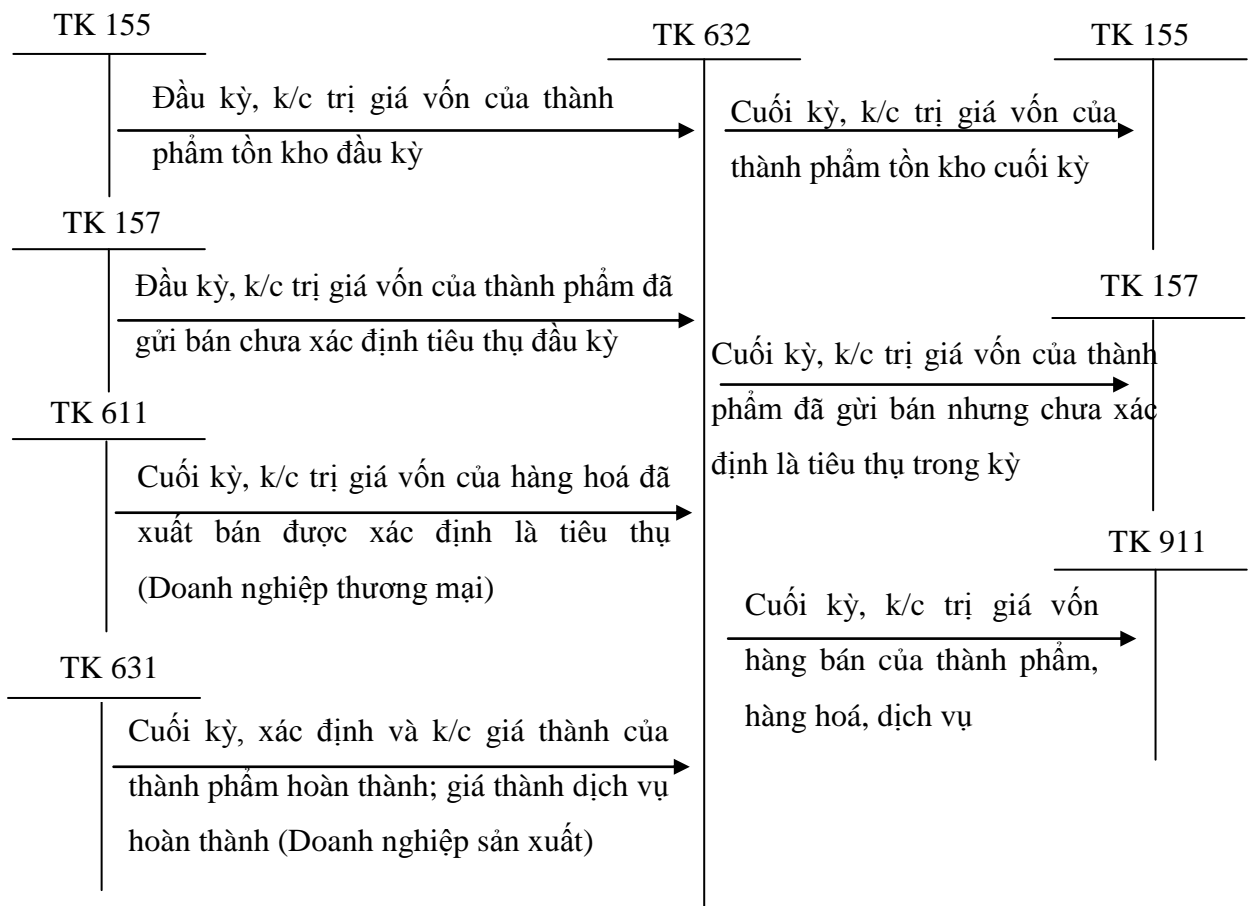
- Kết chuyển trị giá vốn thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK 155
- Kết chuyển trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ vào bên Nợ

TK157

- Kết chuyển giá vốn hàng hoá, thành phẩm, dịch vụ đã xuất bán sang Nợ TK 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.9: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK

1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng (CPBH)

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm,...

Kế toán sử dụng Tài khoản 641 - "Chi phí bán hàng" để hạch toán.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ

Bên Có:

- Kết chuyển giảm chi phí bán hàng (nếu có).
- Kết chuyển chi phí bán hàng sang bên Nợ TK 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2 như sau:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên.
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6415: Chi phí bảo hành.
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN)

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Căn cứ vào các bảng phân bổ (bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ vật liệu và CCDC, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

Kế toán sử dụng Tài khoản 642 - "Chi phí quản lý doanh nghiệp" để hạch toán.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2 như sau:

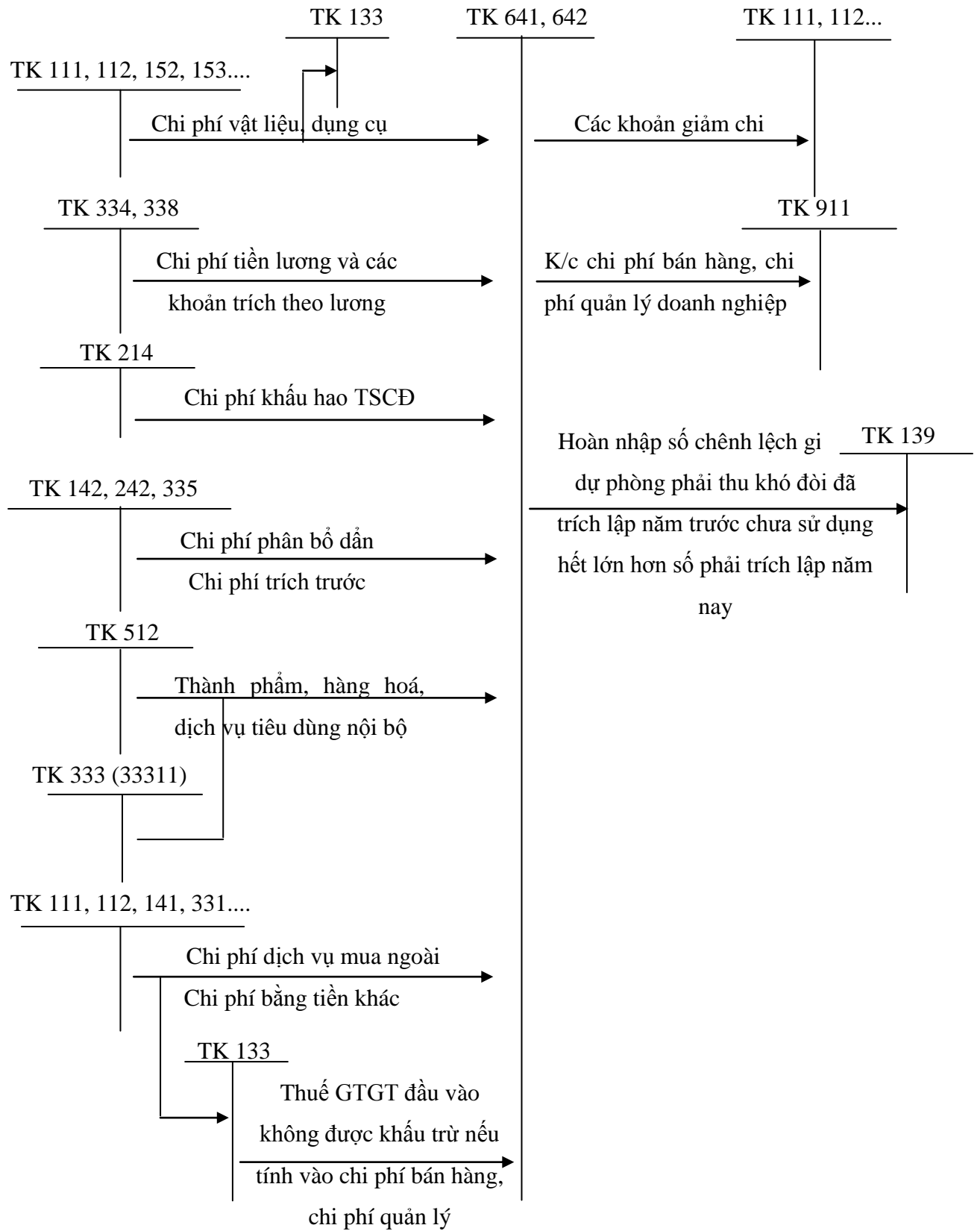
- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- + TK 6426: Chi phí dự phòng

+ TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.


Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các tiêu thức phân bổ như: phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

1.5.4.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



Sơ đồ 1.10: Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN

1.5.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

 **Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan.

1.5.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi; Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn; ...

❖ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng Tài khoản 515 - "Doanh thu hoạt động tài chính" để phản ánh.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp;
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Có Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ khi bán ngoại tệ;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết...;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu hoạt động tài

chính;

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính không có số dư cuối kỳ.

1.5.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

❖ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng Tài khoản 635 - "Chi phí hoạt động tài chính" để phản ánh

Kết cấu tài khoản:

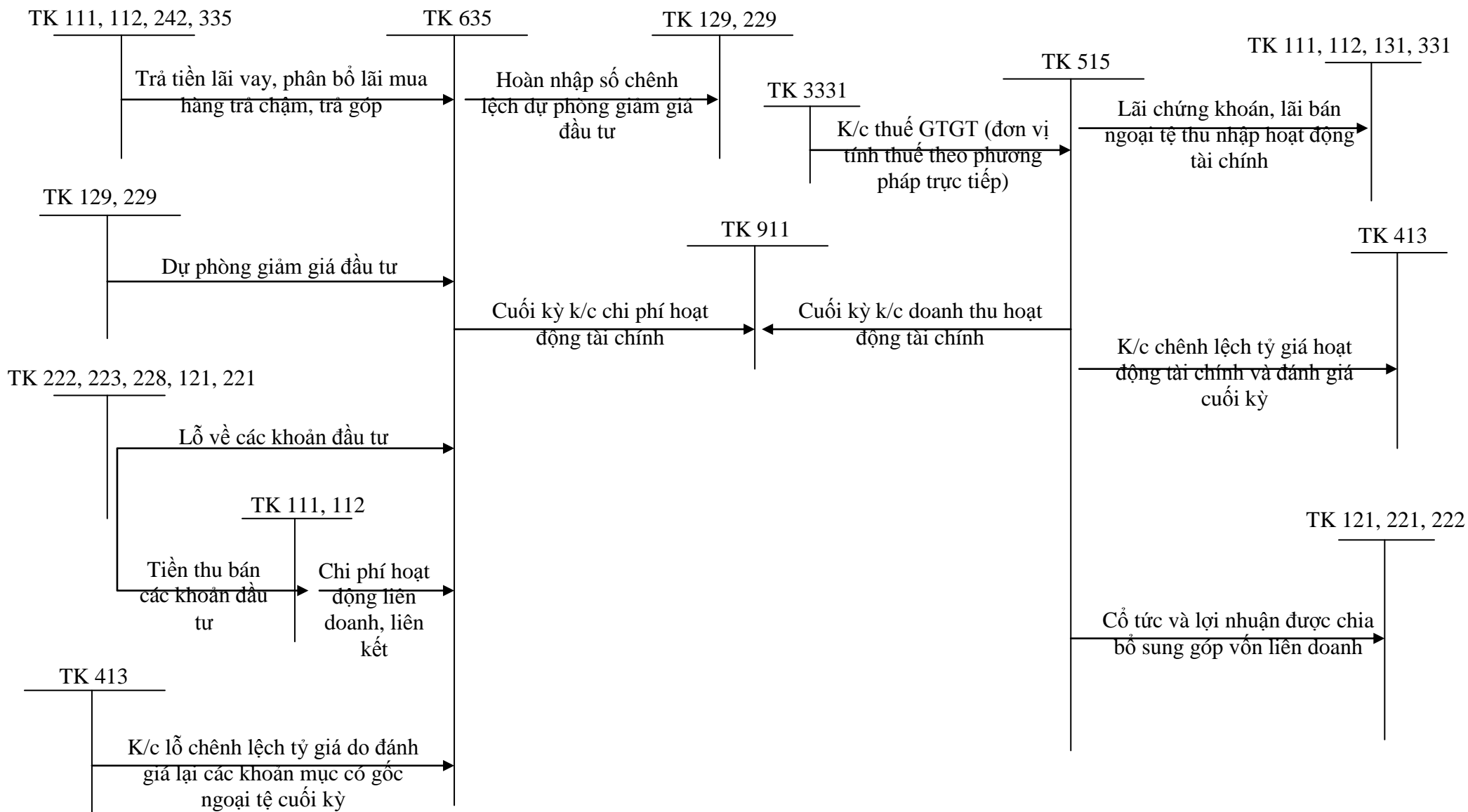
Bên Nợ:

- Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:


- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (CL giữa số dự phòng phải nộp năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 - Chi phí hoạt động tài chính không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.11: Hạch toán hoạt động tài chính

1.5.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động khác

 *Chứng từ sử dụng:*

- Biên bản đánh giá lại tài sản
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu....

1.5.6.1. Kế toán thu nhập khác

Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ; Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ HH, SP, DV không tính trong doanh thu (nếu có); Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho DN; Các khoản thu nhập khác.

❖ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 711 – Thu nhập khác. Kết cấu TK 711 như sau:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Có TK 911- "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 - Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.

1.5.6.2. Kế toán chi phí khác

Là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của DN, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của DN gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do

vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; Các khoản chi phí khác.

❖ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 811 – "Chi phí khác" để hạch toán.

Kết cấu TK 811 như sau:

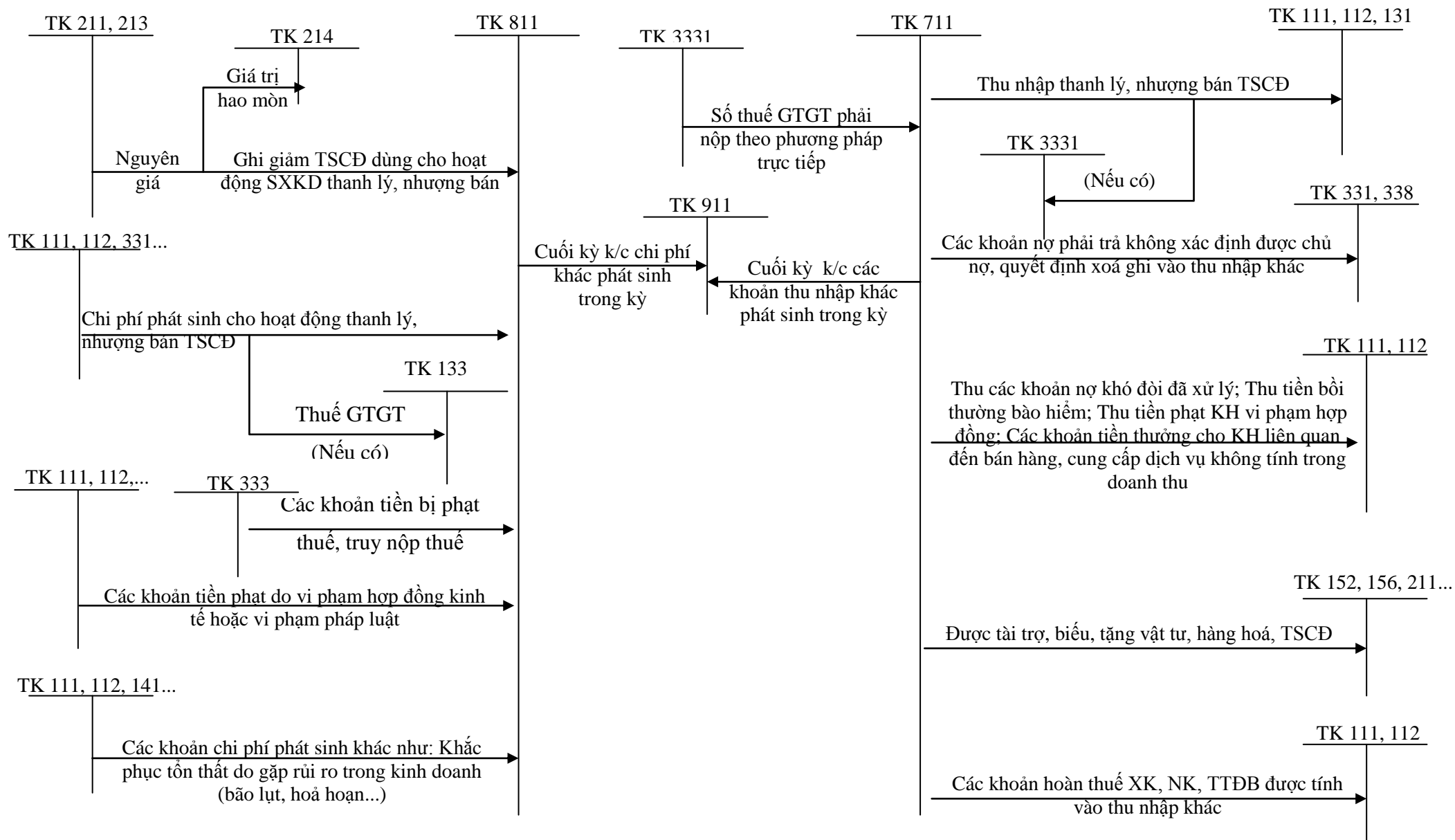
Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh

Bên Có:

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang bên Nợ Tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 811 - Chi phí khác không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác và thu nhập khác

1.5.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng:

Kế toán sử dụng Tài khoản 821 - "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp" để phản ánh.

Kết cấu tài khoản sử dụng:

Bên Nợ:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm
- Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có lớn hơn bên Nợ TK 8212 phát sinh trong năm vào bên Có TK 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

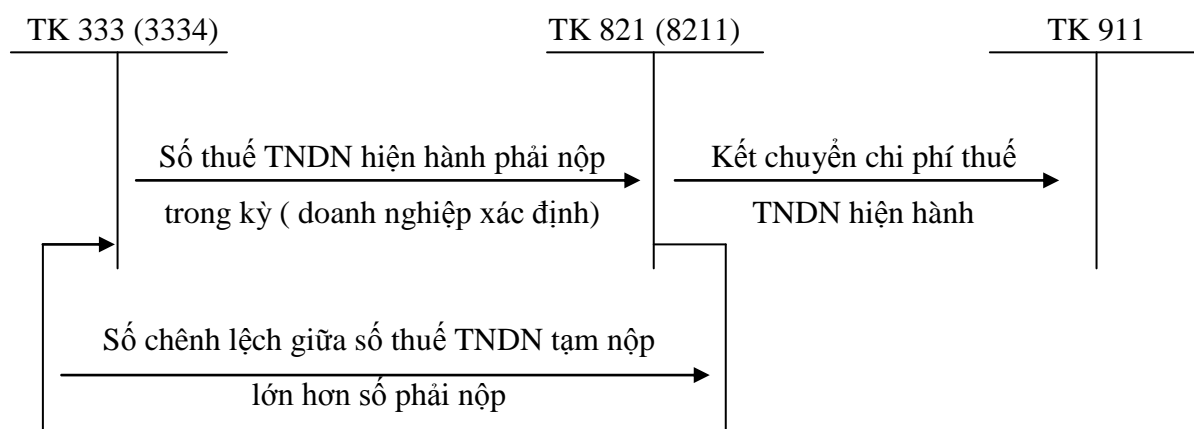
Bên Có:

- Số thuế TNDN phải nộp trong năm;
- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện các sai sót của năm trước;
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại;
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ lớn hơn bên Có TK 8212 phát sinh trong năm vào bên Nợ TK 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

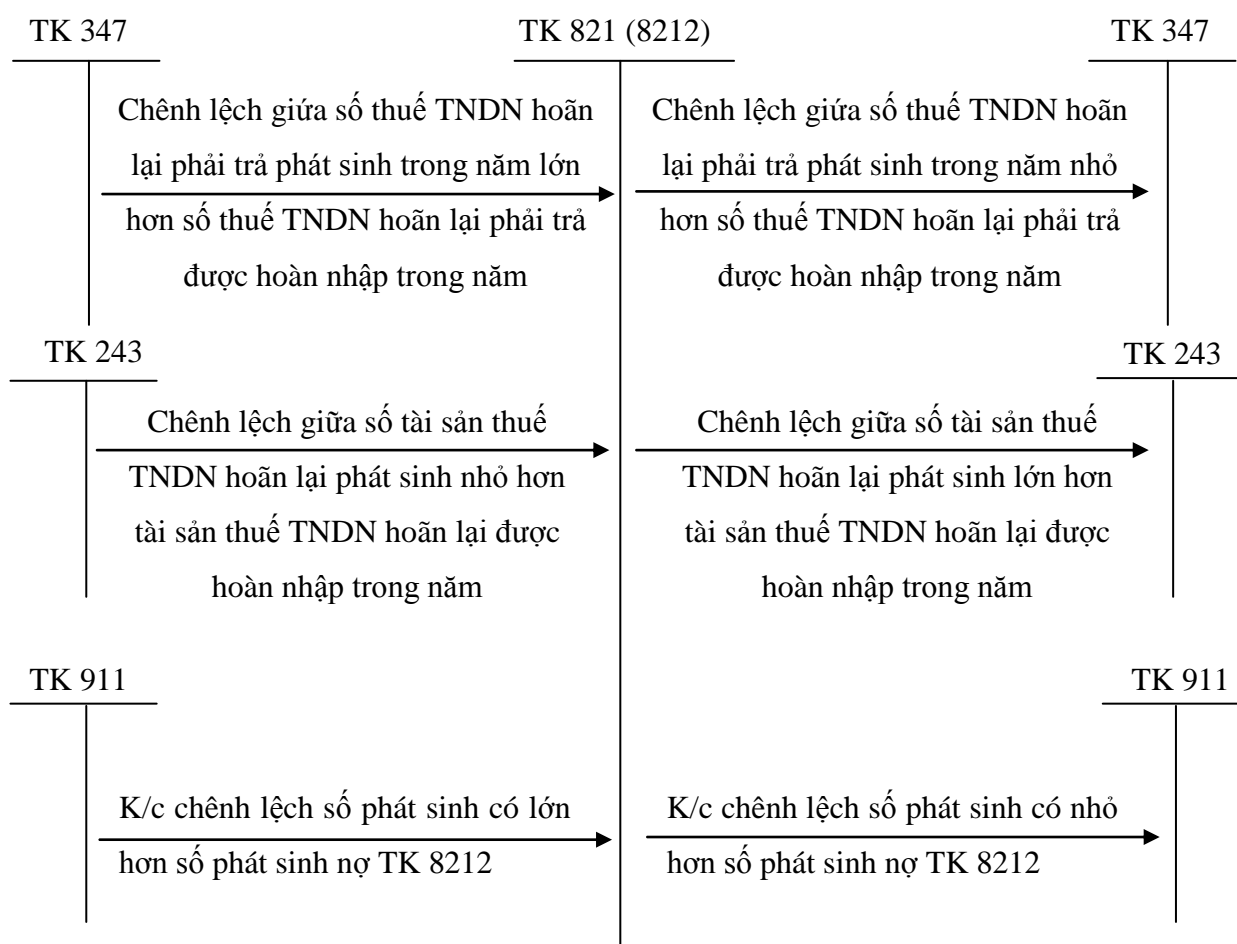
TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp không có số dư. TK 821 - chi phí thuế TNDN bao gồm hai tài khoản cấp 2 như sau:

- + TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- + TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.13.1: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.13.2: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

1.5.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.5.8.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán kết chuyển

1.5.8.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng Tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh" để hạch toán.

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Kết chuyển lãi.

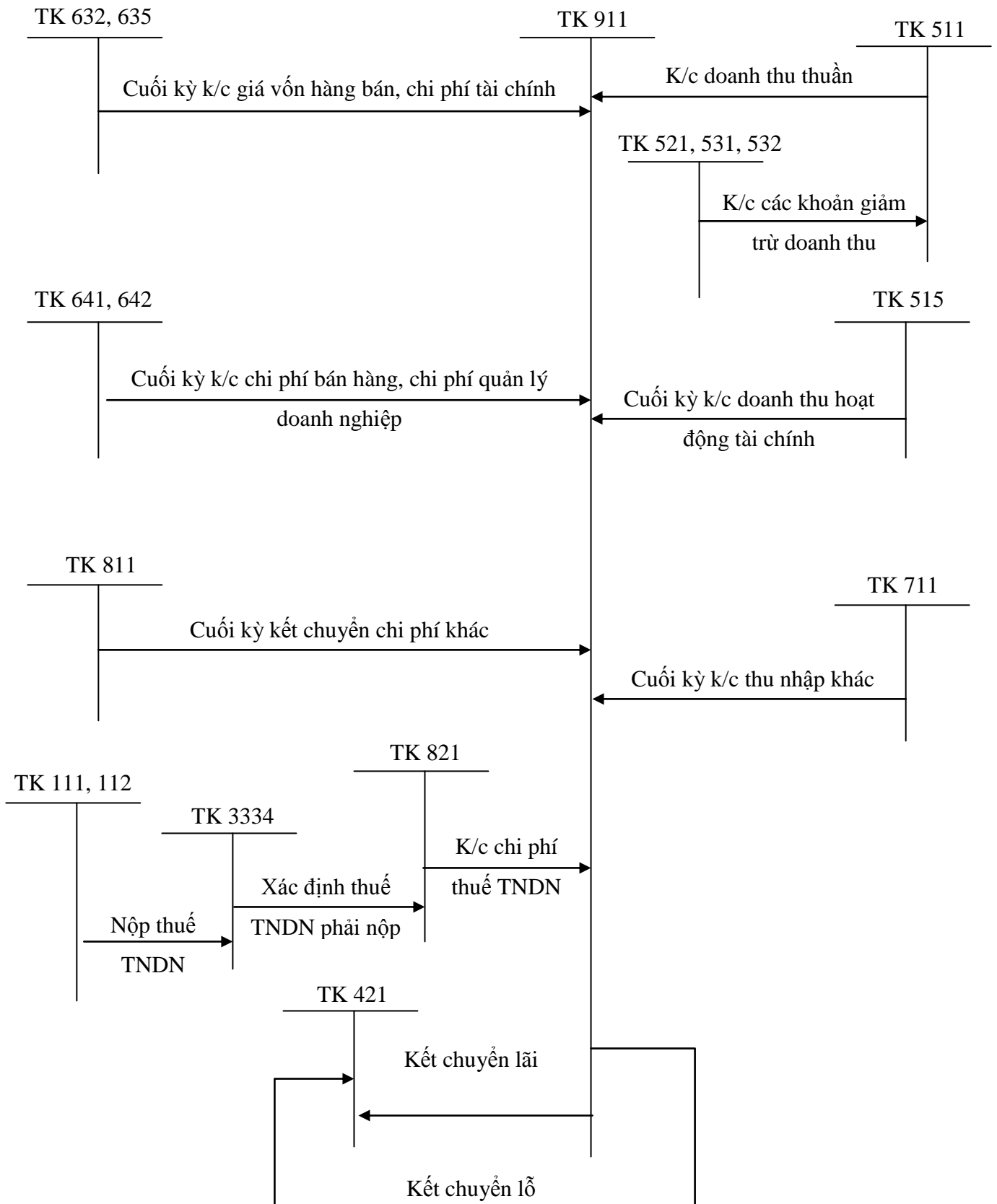
Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các Tài khoản liên quan khác như: TK 111, 112, 333, 414, 415, 431, 511,....

1.5.8.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán kết quả kinh doanh

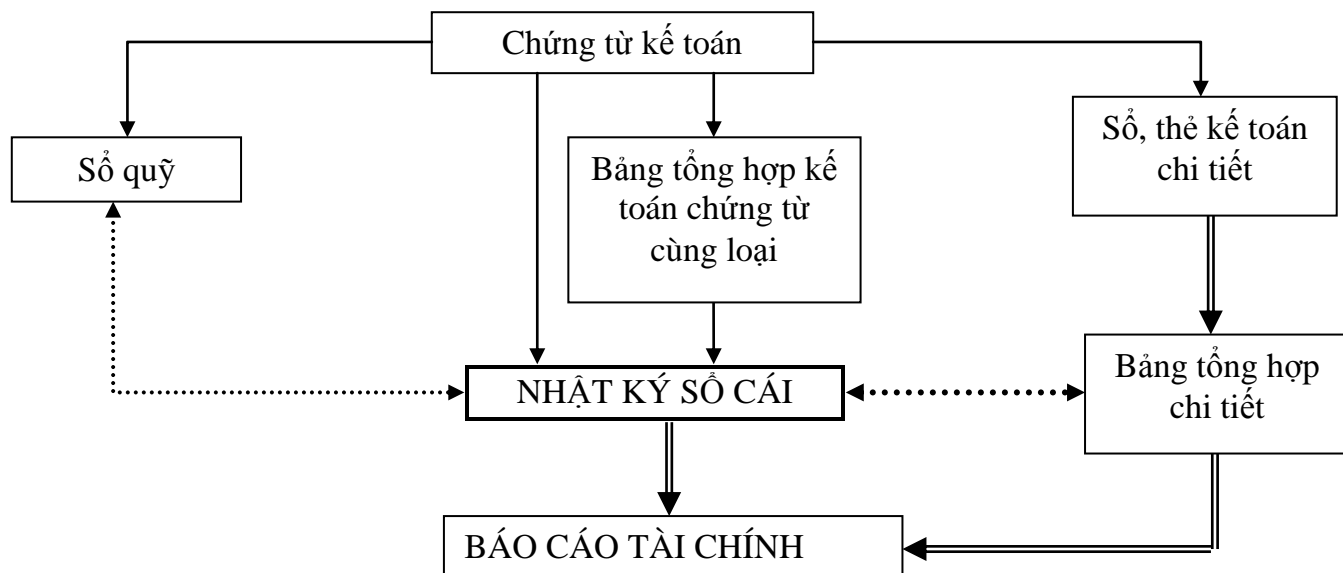
1.6. Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp

Việc sử dụng sổ chi tiết và sổ tổng hợp tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu khách quan, nhanh chóng, giúp phân tích các hoạt động kinh tế, từ đó có sự điều chỉnh hợp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. DN được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán như sau:

1.6.1. Hình thức Nhật ký - sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái: các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại. Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.16: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

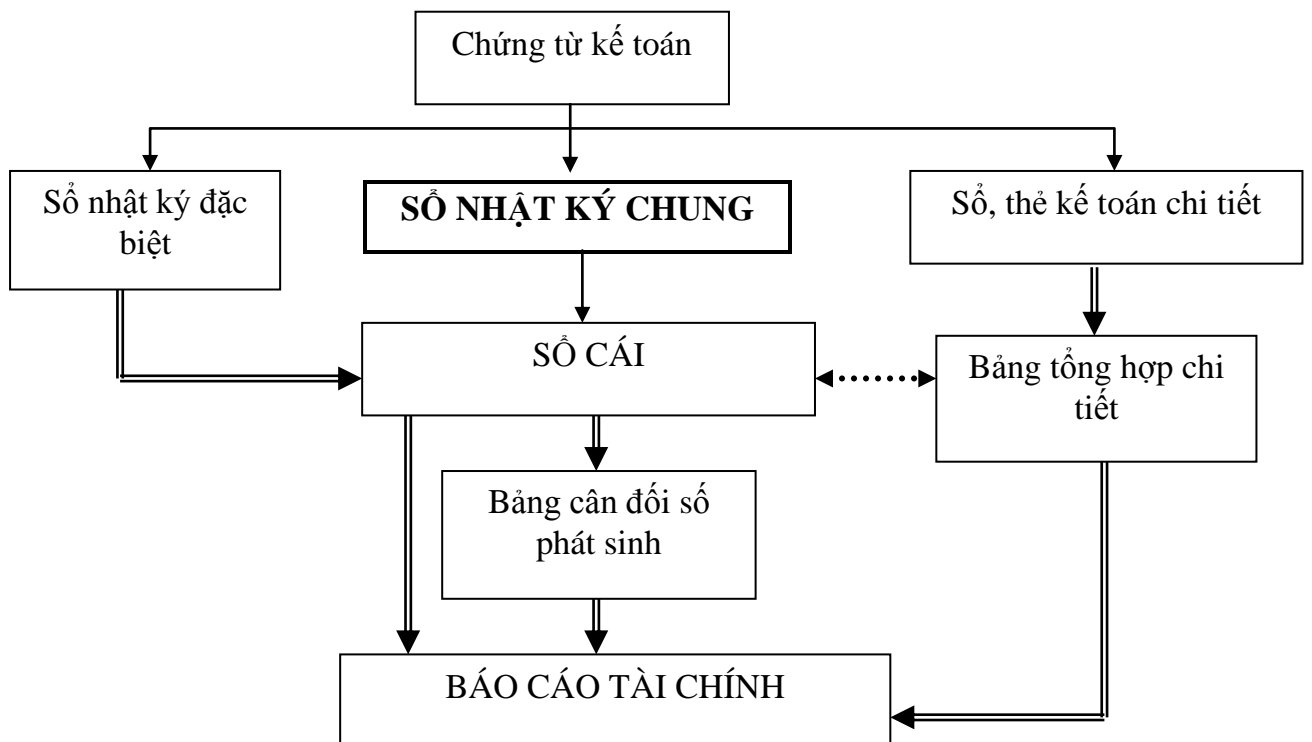
Chú thích:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.6.2. Hình thức Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh. Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.17: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

Chú thích:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow \dots \longrightarrow$

1.6.3. Hình thức Nhật ký chứng từ

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

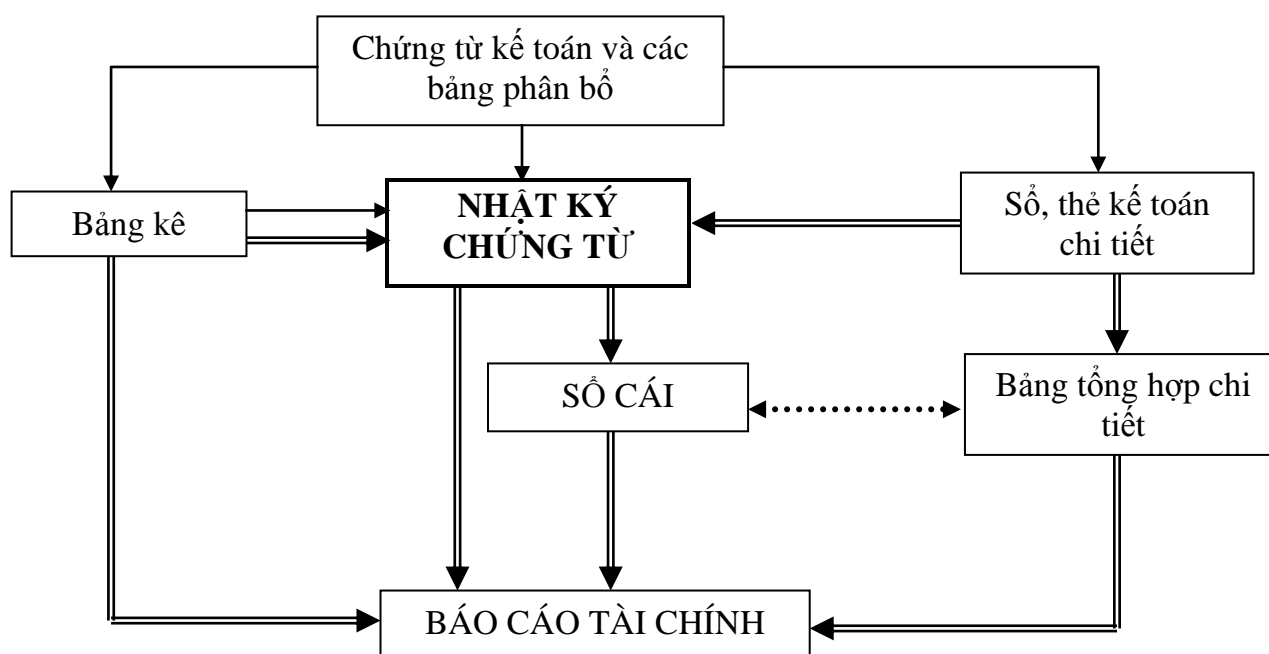
Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn có quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính

Hình thức kế toán Nhật lý - chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- + Nhật ký chứng từ
- + Bảng kê
- + Sổ cái
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.18: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.

Chú thích:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.6.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

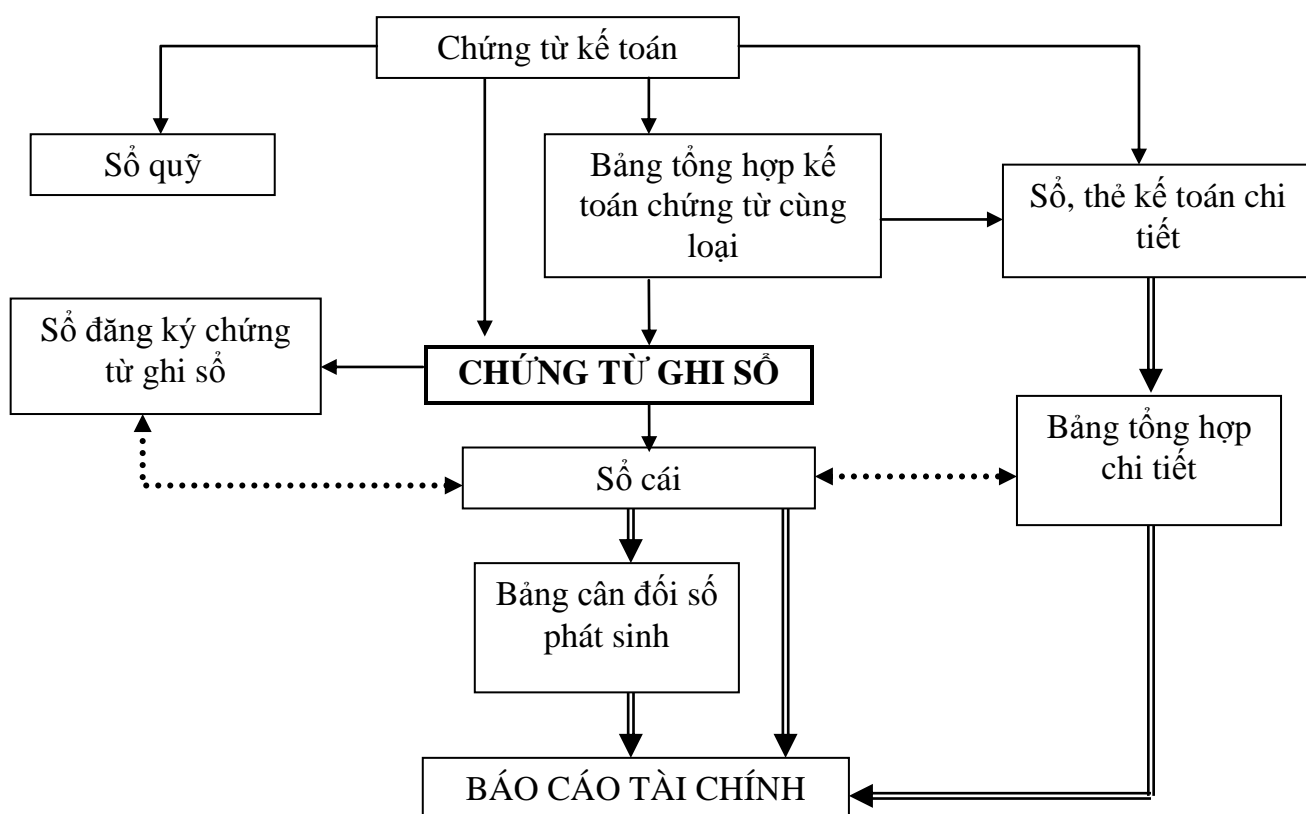
Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số theo từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái
- + Các sổ,thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.19: Trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Chú thích:

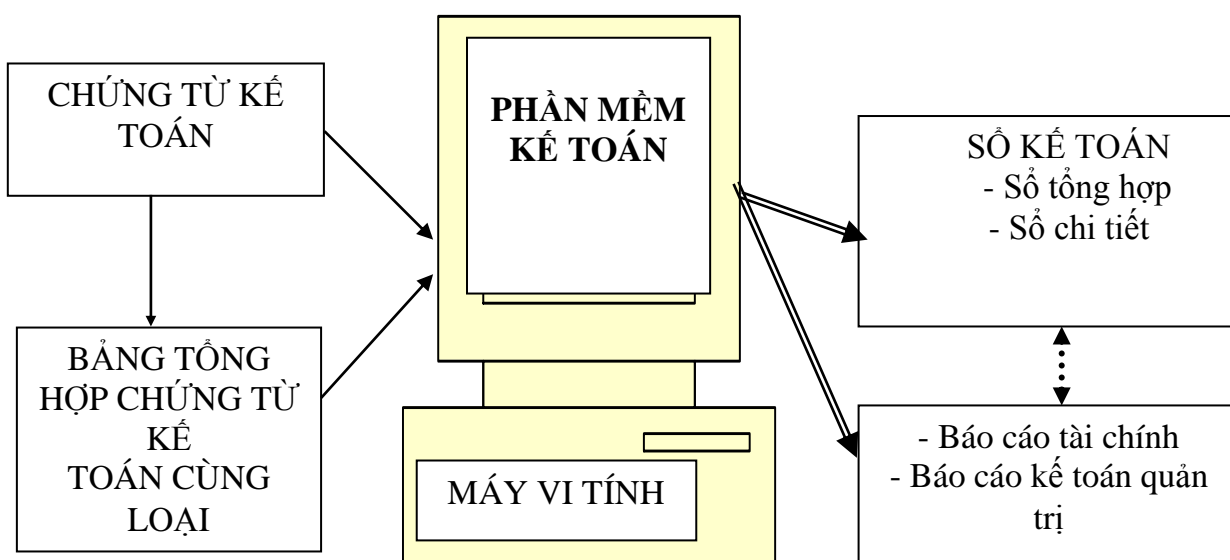
- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.6.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiện thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo các tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.20: Trình tự hạch toán theo hình thức Kế toán trên máy vi tính

Chú thích:

Nhập số liệu hàng ngày: \longrightarrow

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.7. Tài chính và quản lý tài chính trong doanh nghiệp

Tài chính công ty là hệ thống các quan hệ kinh doanh nảy sinh trong quá trình phân phối các khoản tiền gắn liền với việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền mặt của công ty để phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, trong đó, bộ máy kế toán sẽ điều hành toàn bộ hoạt động tài chính công ty.

Quản lý tài chính là việc sử dụng các thông tin phản ánh chính xác tình trạng tài chính của một doanh nghiệp để phân tích điểm mạnh điểm yếu của nó và lập các kế hoạch kinh doanh; Là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất trong công tác quản lý công ty, bao gồm lên kế hoạch sử dụng các nguồn vốn, đảm bảo thực hiện các dự án sản xuất và kinh doanh, theo dõi, đánh giá và điều chỉnh kịp thời kế hoạch tài chính, quản lý công nợ của khách hàng, của các đối tác để từ đó thực hiện báo cáo cho các cấp lãnh đạo....

Tình hình tài chính doanh nghiệp lành mạnh là một trong những điều kiện tiên quyết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp diễn ra một cách nhịp nhàng, đồng bộ, đạt hiệu quả cao. Vì vậy một trong những nhiệm vụ quan trọng của quản lý tài chính là phải xem xét, lựa chọn cơ cấu sử dụng vốn sao cho tiết kiệm, hiệu quả nhất:

- Quản lý tài chính trong công ty phải tiến hành phân tích và đưa ra một cơ cấu nguồn vốn huy động tối ưu cho công ty trong từng thời kỳ.

- Quản lý tài chính phải thiết lập một chính sách phân chia lợi nhuận một cách hợp lý đối với công ty, vừa bảo vệ được quyền lợi của chủ công ty và các cổ đông, vừa đảm bảo được lợi ích hợp pháp cho nhân viên; xác định phân lợi nhuận để lại từ sự phân phối này là nguồn quan trọng cho phép công ty mở rộng sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư vào những lĩnh vực kinh doanh mới, sản phẩm mới, tạo điều kiện cho công ty có mức độ tăng trưởng cao và bền vững.

- Quản lý tài chính trong công ty còn có nhiệm vụ kiểm soát việc sử dụng cả các tài sản trong công ty, tránh tình trạng sử dụng lãng phí, sai mục đích.

Quản lý hiệu quả tài chính là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu của bất kỳ doanh nghiệp nào. Với hệ thống quản lý tài chính được định hướng cho giải pháp đồng bộ các nhiệm vụ kế toán, kiểm soát và lập kế hoạch thu chi, hệ thống cho phép doanh nghiệp sử dụng hiệu quả tiền vốn của doanh nghiệp và thu hút đầu tư, nâng cao việc quản lý kinh doanh, lợi nhuận và khả năng cạnh tranh.

Nội dung của quản lý tài chính bao gồm:

- **Thứ nhất:** Cơ chế quản lý nguồn vốn của công ty đó là cơ chế quản lý điều hành nguồn vốn và các chi phí sản xuất kinh doanh hướng điều chỉnh cơ cấu thu chi phù hợp với việc cắt giảm các chi phí đầu vào. Cơ chế quản lý chi của công ty phải

đảm bảo kế hoạch chi hợp lý, hiệu quả, đảm bảo kiểm soát được bội chi, tiến tới cân bằng vốn và doanh thu.

- **Thứ hai:** Cơ chế quản lý các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả.

- **Thứ ba:** Nâng cao năng lực của bộ máy quản lý tài chính trong công ty. Đặc biệt phải khẩn trương hình thành đội ngũ chuyên gia quản lý tài chính có năng lực, trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của các hoạt động kinh doanh.

- **Thứ tư:** Việc quản lý hàng tồn kho tại các doanh nghiệp.

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH SỐ 1 CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG - NHÀ MÁY CÁP THÉP FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN

2.1. Đặc điểm chung tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng là một trong nhiều doanh nghiệp được thành lập khi có chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về luật Doanh nghiệp đối với các công ty cổ phần - công ty TNHH. Từ một thành viên của Công ty kim khí Hải Phòng, 15 cán bộ công nhân viên đã làm đơn tự nguyện xin thành lập công ty cổ phần.

Ngày 12/04/2001, Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng được thành lập theo quyết định số 222 Sở kế hoạch đầu tư thành phố.

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng
- Đăng ký kinh doanh: Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp: Số 020300060
- Đơn vị quản lý: Sở Kế hoạch và đầu tư Hải phòng
- Tổng Giám đốc: Nguyễn Kim Tinh , kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Trụ sở chính: Km 92 Đường 5 mới, phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
- Nhà máy: Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - Hải Phòng
- Tel: 031- 3850185
- Fax: 031- 3749017
- Email: htchaiphong@hn.vnn.vn

Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có quyền và nghĩa vụ dân sự theo luật định. Hạch toán độc lập, có tài khoản

bằng tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ, được sử dụng con dấu riêng theo quy định của nhà nước và hoạt động theo điều lệ công ty.

Số vốn điều lệ ban đầu là: 1,4 tỷ đồng do các cổ đông đóng góp.

Qua 11 năm hoạt động với sự cố gắng năng động, sáng tạo và đoàn kết, tập thể CBCNV Công ty đã xây dựng lên một thương hiệu HTC Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng với doanh số và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước (bình quân 25% hàng năm).

Cơ sở vật chất ngày càng mở rộng, công ty đã có 3 cơ sở với diện tích trên 30.000m² được đầu tư nâng cấp cùng trang thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Bạn hàng đến với công ty ngày một nhiều, hình ảnh HTC đã để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp, là địa chỉ đáng tin cậy, lòng tin và uy tín với bạn hàng gần xa.

Sản xuất kinh doanh ngày một phát triển, đời sống CBCNV ngày càng tăng được cải thiện với thu nhập bình quân từ 3,5 ÷ 5,0 triệu đồng/ người/ tháng.

Sau 11 năm thành lập và đi vào hoạt động, thời gian chưa phải là dài, nhưng những bước đi ban đầu và sự ổn định phát triển của Công ty đã gạt hái được một số thành công nhất định. Song công ty vẫn còn áp ủ cho hướng đi của doanh nghiệp cần đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, lấy ngắn nuôi dài, lấy mặt hàng chiến lược, sản phẩm chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và khu vực là mục tiêu chiến lược của mình thích ứng với nền kinh tế khi Việt Nam đã trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO. Đây là cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam định hướng cho sự phát triển của các sản phẩm phục vụ cho nền kinh tế quốc dân. Qua nhiều năm khảo sát và tìm hiểu thị trường với sản phẩm cáp thép chịu lực phục vụ cho công nghiệp và dân sinh, cả nước chưa có doanh nghiệp nào đầu tư trong lĩnh vực này và nhận thấy mặt hàng cáp thép chịu lực nói chung Việt Nam vẫn phải nhập khẩu 100% vì thế Công ty CP thép và vật tư Hải Phòng đã quyết định đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cáp thép FCT và que hàn điện với công suất 12.000 tấn/ năm (đối với cáp thép) và 1.500 tấn/ năm (đối với que hàn điện) trong giai đoạn 1. Đây là một dự án lớn đối với Công ty vì nó là Nhà máy sản xuất cáp thép đầu tiên ở Việt Nam, với số vốn lên đến hàng trăm tỷ đồng.

+ Tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

➤ Lịch sử hình thành, phát triển của chi nhánh

Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện được thành lập vào năm 2007 ở xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - Hải Phòng. Nhà máy sản xuất cáp thép FCT và que hàn điện đã được xây dựng và hoàn tất cơ sở hạ tầng kỹ thuật gồm 2 khu nhà xưởng với diện tích: 10.000m²; Nhà điều hành 3 tầng với diện tích sử dụng 1.500m²; nhà ở tập thể và nhà ăn 3 tầng diện tích sử dụng 1.800m² cùng với các cơ sở hạ tầng kỹ thuật của nhà máy đã được hoàn thiện trên diện tích 22.500m². Đây chính là công trình chào mừng kỷ niệm 77 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2007).

Với hai dây chuyền sản xuất của Nhà máy đã được thiết kế bởi công nghệ tiên tiến của thế giới đã được lắp đặt hoàn chỉnh, chạy thử đạt và vượt các thông số kỹ thuật đã được chuyên gia nước ngoài đánh giá cao. Cùng với bộ máy cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật được biên chế gọn, nhẹ được đào tạo ở nước ngoài, đủ khả năng quản lý, vận hành và làm chủ dây chuyền đưa Nhà máy đi vào sản xuất chính thức.

Khi Nhà máy chính thức đi vào hoạt động, hàng năm tăng doanh thu cho công ty từ 30÷40%; nộp ngân sách nhà nước tăng 20÷25%; lợi nhuận tăng 30%; giải quyết thêm việc làm cho 70 lao động ÷ 100 lao động với trình độ kỹ thuật cao.

Các sản phẩm chính của Nhà máy: Dây cáp thép, thép cường độ cao, dây thép dự ứng lực, thép nan hoa, que hàn thép kết cấu.

➤ Thuận lợi:

- Thị trường xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng được dự báo sẽ phát triển trong thời gian tới, do đó các nhu cầu về mặt hàng thép đang ngày một cao, thị trường tiêu thụ sẽ được mở rộng.

- Sản phẩm cáp thép chịu lực, cáp thép mạ kẽm và que hàn điện của công ty nhận được Giải thưởng chất lượng vàng Việt Nam năm 2008 do Bộ Khoa học và công nghệ trao tặng, là sản phẩm đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam. Uy tín và chất lượng sản phẩm của Công ty đã được khẳng định trên thị trường.

- Ban lãnh đạo Công ty có đường lối phát triển đúng đắn, tâm huyết với sự

ngành phát triển ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam. Cán bộ quản lý của Công ty có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đội ngũ kỹ sư trình độ kỹ thuật cao, công nhân lành nghề và đã được đào tạo bài bản.

➤ **Khó khăn:**

- Chi phí sử dụng vốn quá cao, giá các vật tư nhiên liệu đầu vào tăng ở mức hai con số, giá than, giá xăng dầu, giá điện đều tăng vài chục phần trăm. Kể từ đầu năm giá nguyên liệu đầu vào của ngành thép như quặng sắt, than cốc, phôi thép và thép phế tăng hơn năm 2010 từ 20-30%.

- Hơn nữa, do tình hình lạm phát trong nước tăng cao, Chính phủ vẫn phải áp dụng nhiều biện pháp để kiềm chế, trong đó có việc thực hiện chính sách cắt giảm đầu tư công, tạm dừng, hoãn các công trình chưa thật sự cần thiết làm cho thị trường bất động sản năm 2011 đã thực sự rơi vào tình trạng đóng băng. Điều này đã tác động làm cho lượng tiêu thụ thép của công ty giảm.

- Do lượng vốn đầu tư của công ty không lớn, phần lớn là sử dụng vốn đi vay để xây dựng và mua sắm máy móc thiết bị thậm chí cả phần vốn lưu động cũng phụ thuộc một phần vào vốn đi vay do đó phần lãi suất phải trả là rất lớn.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện

Ngành nghề kinh doanh:

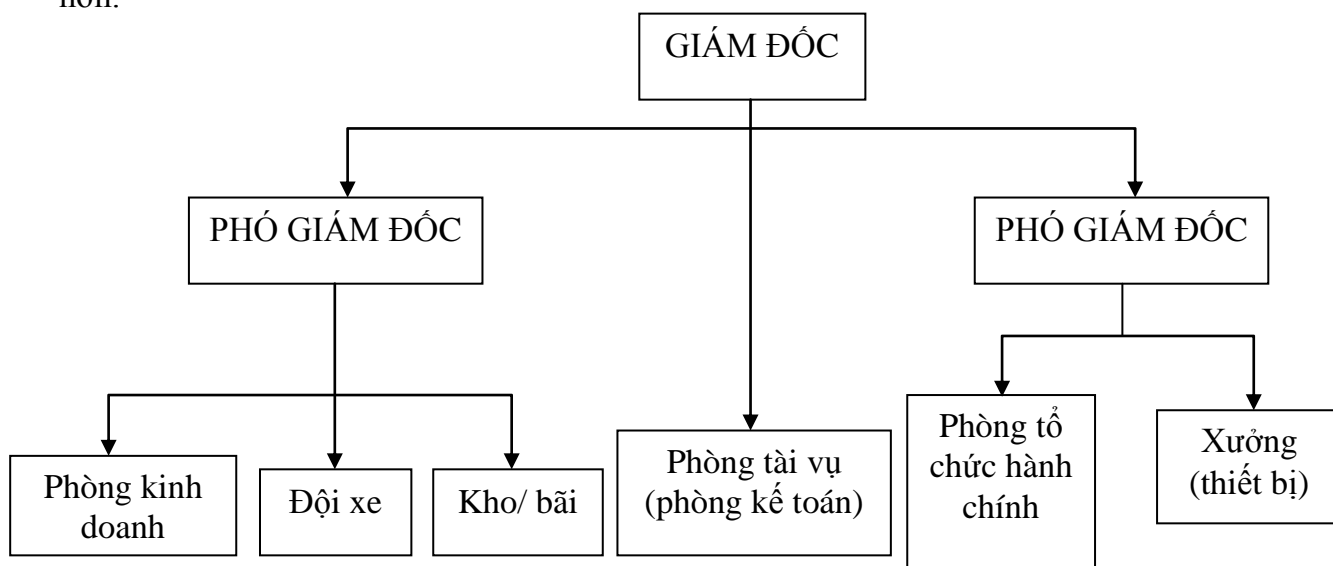
Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện có nhiệm vụ chuyên sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm như: Dây cán thép, thép cường độ cao, dây thép dự ứng lực, thép nan hoa, que hàn thép kết cấu.

Lĩnh vực kinh doanh: Được chia ra làm hai mảng độc lập và tách biệt nhau đó là: Mảng sản xuất và mảng kinh doanh thương mại. Mảng kinh doanh thương mại chủ yếu là hoạt động mua đi bán lại các sản phẩm thép như thép tấm các loại và thép tròn....

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện

Để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả đòi hỏi công ty phải tổ chức bộ

máy quản lý gọn nhẹ, phù hợp với điều kiện sản xuất và kinh doanh của công ty nhằm giảm thiểu chi phí, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng tốt hơn.



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn điện

Đứng trước sự cạnh tranh gay gắt về chất lượng của các sản phẩm cả trong và ngoài nước hiện nay, song song với việc thực hiện các chính sách khác, công ty tiến hành chính sách về quản lý lao động theo hướng giảm số lượng lao động dư thừa trong các bộ phận quản lý. Cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, bố trí sắp xếp lao động được xem xét điều chỉnh hàng năm, nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động hiệu quả nhất.

Chức năng của các phòng ban như sau:

- *Giám đốc*: Là người đứng đầu bộ máy quản lý, là người chịu trách nhiệm cao nhất về hoạt động kinh doanh tại công ty và là người chỉ huy cao nhất, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Giám đốc có nhiệm vụ đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty có hiệu quả, việc làm cho cán bộ công nhân viên và sử dụng vốn có hiệu quả và thực hiện nghĩa vụ của công ty đối với ngân sách nhà nước. Giám đốc nhà máy là người quản lý trực tiếp hoạt động của phòng kế toán, phòng sản xuất kinh doanh và phòng hành chính tổng hợp. Giám đốc có quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền; Ký kết các hợp đồng kinh tế theo luật định; Giám đốc có quyền tuyển dụng, thuê mướn và bố trí

sử dụng lao động phù hợp với bộ luật lao động.

- *Phó giám đốc*: là người có trách nhiệm giúp đỡ Giám đốc trong việc phụ trách và điều hành một số lĩnh vực hoạt động cụ thể của công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc với nhiệm vụ được phân công.

- *Phòng kinh doanh*: Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, phòng kinh doanh còn phụ trách giao dịch thương thảo, ký kết các hợp đồng với khách hàng. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng các hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

- *Đội xe*: Đội xe có nhiệm vụ thực hiện việc vận chuyển hàng hoá cho công ty từ kho của nhà máy đến kho của khách hàng khi phát sinh việc bán hàng hoặc vận chuyển nguyên vật liệu, hàng hoá từ kho của khách hàng về công ty.

- *Kho/bãi*: là nơi để chứa nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất hoặc là nơi để chứa thành phẩm, hàng hoá công ty nhập về để bán.

- *Phòng tài vụ (phòng kế toán)*: Thực hiện công tác kế toán, thống kê của công ty theo quy định của pháp lệnh kế toán thống kê hiện hành, quản lý toàn bộ vốn và tài sản của công ty; Xây dựng và triển khai kế hoạch thu chi tài chính tháng, quý, năm; theo dõi, hạch toán việc mua bán, chi phí, kinh doanh của công ty; hạch toán toàn bộ quá trình kinh doanh, dịch vụ của công ty; phân tích hoạt động kinh tế và tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động tài chính kế toán theo quy định của Nhà nước; tổ chức kiểm kê định kỳ, kiểm kê đột xuất theo yêu cầu của cấp trên.

- *Phòng tổ chức hành chính*: Tham mưu giúp việc cho giám đốc về công tác cán bộ, sắp xếp bố trí cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đề ra. Đảm bảo cho các bộ phận, cá nhân trong nhà máy thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ đạt hiệu quả trong công việc. Các bộ phận thực hiện đúng nhiệm vụ tránh chông chéo. Đảm bảo tuyển dụng và xây dựng, phát triển đội ngũ CBCNV theo yêu cầu, chiến lược của công ty.

- *Xưởng (thiết bị)*: là hệ thống dây chuyền sản xuất được thực hiện từ khâu đưa nguyên vật liệu vào sản xuất cho đến khi ra thành phẩm cuối cùng.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

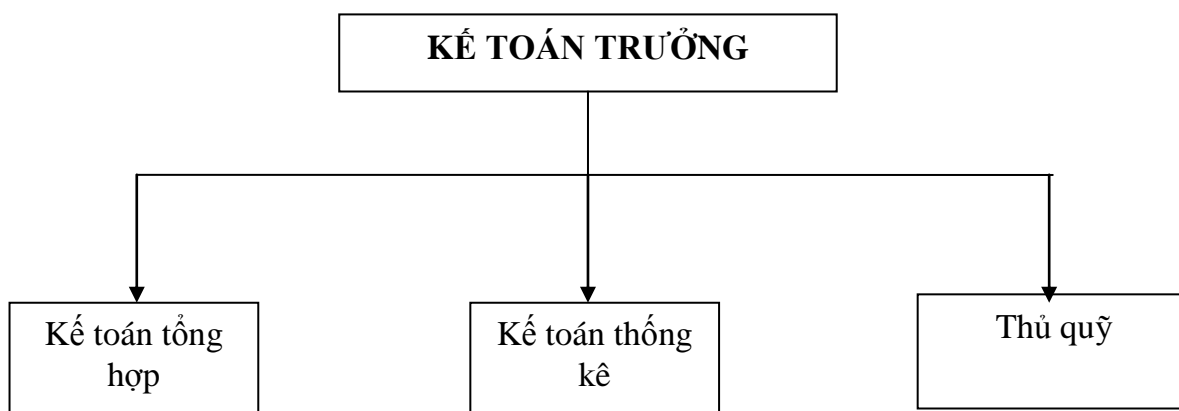
Phòng kế toán là một bộ phận của công ty mang tính chất hoạt động theo một nghiệp vụ kinh tế có tính khoa học độc lập, trực tiếp chịu sự quản lý điều hành của Giám đốc công ty, chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan tài chính và các cơ quan chức năng cấp trên của Nhà nước về mặt tài chính trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty, thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phòng kế toán còn là trung tâm cung cấp các thông tin về sự vận động của tài sản, các thông tin về hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty cũng như hiệu quả sử dụng vốn. Đây là những căn cứ giúp ban lãnh đạo công ty đề ra quyết định kịp thời, đúng đắn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.1.4.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty gồm 04 người: 01 kế toán trưởng, 01 kế toán tổng hợp, 01 kế toán thống kê và 01 thủ quỹ.

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung theo sơ đồ 2.2



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

Kế toán trưởng:

- Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ công nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của

cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

- Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của công ty.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

Kế toán tổng hợp:

- Giúp kế toán trưởng kiểm soát cập nhật hạch toán các số liệu thông qua các chứng từ ghi chép ban đầu hợp pháp vào sổ sách kế toán có liên quan kịp thời phải đảm bảo độ chính xác để báo cáo với kế toán trưởng.

- Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phát hiện kịp thời những sai sót vi phạm về nguyên tắc, nghiệp vụ quản lý KTTC...

- Căn cứ vào chứng từ thanh toán đã được Giám đốc duyệt và kế toán trưởng kiểm soát, lập phiếu thu và phiếu chi theo quy định sau đó chuyển cho thủ quỹ thực hiện.

- Lập phiếu nhập, xuất hàng hoá, thành phẩm theo lệnh của Giám đốc. Lập biên bản công nợ cho khách hàng. Chủ động liên hệ với khách hàng thu hồi công nợ.

- Theo dõi công tác thuế, lập bảng kê khai thuế hàng tháng. Quản lý hoá đơn, viết hoá đơn bán hàng.

- Giúp kế toán trưởng hướng dẫn các phòng ban ghi chép các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh đảm bảo chính xác đúng mẫu biểu quy định.

Kế toán thống kê:

- Lập hợp đồng kinh tế, lập báo cáo giá bán hàng cho khách hàng, lập giấy giới thiệu cho các CBCNV trong công ty một cách kịp thời và chính xác.

- Theo dõi tình hình nhập xuất hàng hoá.

- Quản lý con dấu và đóng dấu vào các văn bản của công ty, không được tự ý đưa con dấu cho người khác đóng dấu.

- Mở sổ theo dõi công văn đi, công văn đến. Bảo mật các nội dung văn bản, công văn theo đúng nguyên tắc hành chính văn phòng.

- Hỗ trợ kế toán tổng hợp để hoàn thiện chứng từ đầu vào, đầu ra và các nghiệp vụ kế toán trong phòng kế toán.

Thủ quỹ:

- Phải tuyệt đối đảm bảo nguyên tắc về thu, chi tiền trong kết quỹ theo chế độ hiện hành.

- Kiểm tra các phiếu thu, chi khi các phiếu thu đã đầy đủ chữ ký duyệt kèm theo chứng từ gốc thủ quỹ mới được mở kết để cấp phát tiền.

- Thường xuyên cập nhật sổ quỹ kịp thời, cuối ngày rút số dư báo tồn quỹ. Cuối tháng lập biên bản kiểm kê quỹ đối chiếu số tiền tồn quỹ thực tế và tồn quỹ trên sổ kế toán.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện áp dụng chế độ kế toán ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ Tài chính.

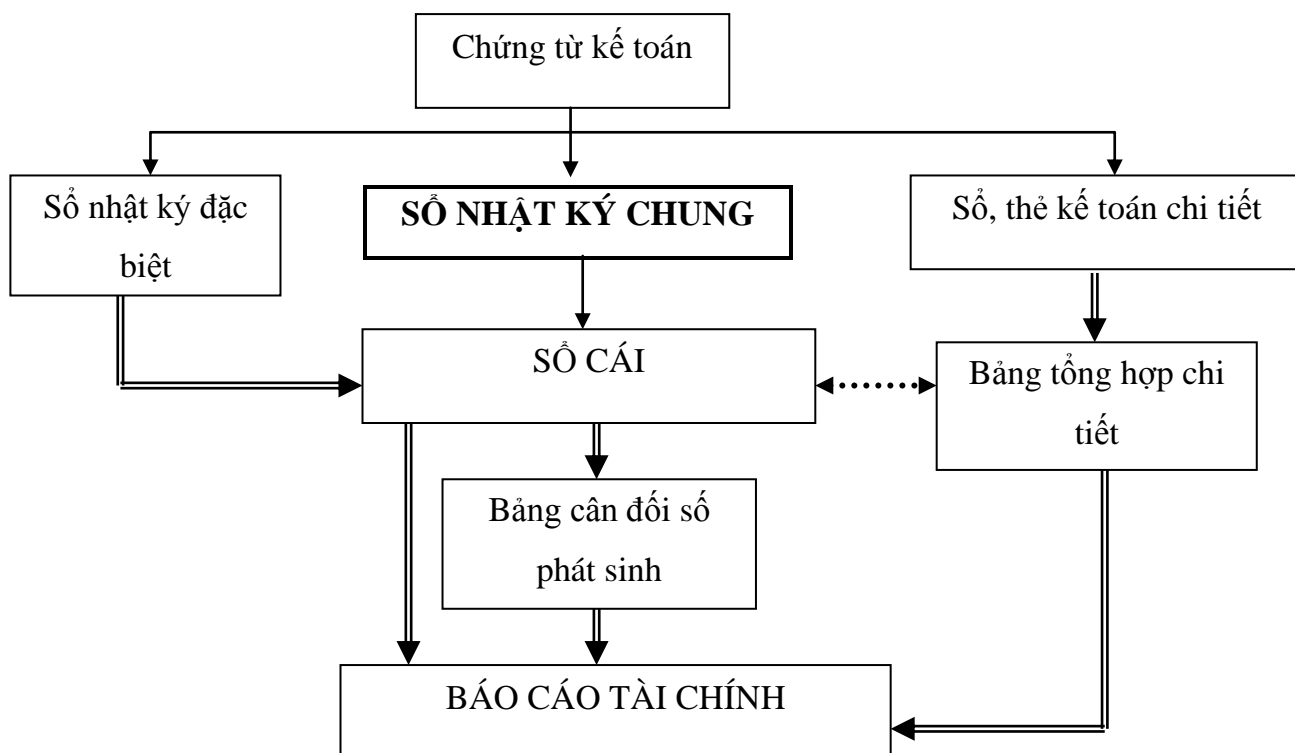
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện tổ chức và vận dụng hệ thống sổ kế toán theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ Tài chính.

Công tác kế toán tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện không áp dụng phần mềm kế toán mà được thực hiện phần lớn trên máy vi tính thao tác hạch toán trên bảng tính Excel, phần mềm hỗ trợ kê khai thuế của Tổng Cục Thuế Việt Nam.

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý và tạo điều kiện cho công tác hạch toán được

thuận lợi Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện áp dụng hình thức kế toán "Nhật ký chung" cho phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh.



Sơ đồ 2.3: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

Chú thích:

- Ghi hàng ngày: —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ◀.....▶

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ kế toán, ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết. Sau đó căn cứ vào đó để ghi vào sổ cái, sổ tổng hợp kế toán chi tiết theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và lập bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

2.2.1.1. Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh

Bán hàng và xác định kết quả kinh doanh được xem là một trong những phần quan trọng của doanh nghiệp. Bởi lẽ có tiêu thụ được sản phẩm, hàng hoá, có thu hút được khách hàng, có chiến lược tiêu thụ thích hợp thì doanh nghiệp mới có thể tạo ra doanh thu lớn, trên cơ sở đó để tăng lợi nhuận. Có tiêu thụ được hàng hoá thì doanh nghiệp mới có khả năng thu hồi vốn thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, ổn định tình hình tài chính trong doanh nghiệp.

2.2.1.2. Các phương thức tiêu thụ hàng hoá tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

Hiện nay Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp. Theo phương thức này công ty có thể bán buôn với số lượng lớn hoặc bán lẻ với xuất bán trực tiếp cho đối tượng khách hàng có khối lượng nhỏ. Cụ thể như sau:

*** Bán buôn**

Thông qua việc ký kết hợp đồng kinh tế và các đơn đặt hàng công ty lập kế hoạch bán hàng hoá tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tiêu thụ và kết quả kinh doanh của đơn vị mình.

Phương thức bán buôn chủ yếu mà công ty đang áp dụng gồm:

- + Bán buôn trực tiếp qua kho
- + Bán buôn không qua kho (vận chuyển thẳng) có tham gia thanh toán.

*** Bán buôn trực tiếp qua kho của công ty:**

Kho của công ty đặt ngay tại công ty. Đây là kho để dự trữ toàn bộ nguồn hàng của công ty. Khi phát sinh nghiệp vụ này, kế toán bán hàng của công ty viết hoá đơn GTGT gồm 3 liên và xuất hàng tại kho, thủ kho lập phiếu xuất kho xuất hàng tại kho,

và ngày giao hàng theo như đơn đặt hàng đã ký. Khi giao xong, cuối ngày thủ kho nộp bản kê xuất hàng hàng ngày lên cho phòng kế toán.

* *Bán buôn không qua kho của công ty:*

Để tiết kiệm chi phí bốc dỡ và thuê kho bến bãi, công ty vận dụng điều chỉnh hàng hoá đi đến nơi bán buôn, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký của các đơn đặt hàng, kế toán bán hàng của công ty lập hoá đơn GTGT gồm 3 liên và giao hàng trực tiếp không qua kho.

* **Bán lẻ:** Việc bán lẻ của công ty được thực hiện ngay tại công ty.

Công ty sẽ giao hàng tới các khách hàng mua với số lượng ít và thông thường đó là những khách hàng vắng lai. Kế toán sẽ sử dụng hoá đơn GTGT để lập phiếu thu tiền mặt.

2.2.1.3. Phương thức thanh toán

Để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, đồng thời cũng để phù hợp với khả năng thanh toán của mọi khách hàng, công ty đa dạng hoá các phương thức thanh toán để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng. Các phương thức thanh toán chủ yếu:

Công ty áp dụng 3 phương thức thanh toán:

+ *Bán hàng thu tiền ngay (thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt):* áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức thanh toán này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

+ *Thanh toán chậm:* phương thức thanh toán này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín đối với doanh nghiệp.

+ *Thanh toán qua ngân hàng:* hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người mua hàng sang tài khoản của người bán hàng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi công ty thực hiện giao hàng xong, bản thân người bán ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Đồng tiền phát sinh là tiền ghi sổ chứ không phải là tiền thực tế.

2.2.1.4. Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng vào hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá

Để hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả kinh doanh, công ty đã thực hiện theo đúng chế độ kế toán. Các tài khoản được sử dụng trong hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong công ty:

- TK 131: Phải thu khách hàng
- TK 111, 112: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- TK 156: Hàng hoá
- TK 333: Thuế và khoản phải nộp nhà nước
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 632: Giá vốn hàng bán
- Các tài khoản khác có liên quan

2.2.1.5. Chứng từ kế toán sử dụng:

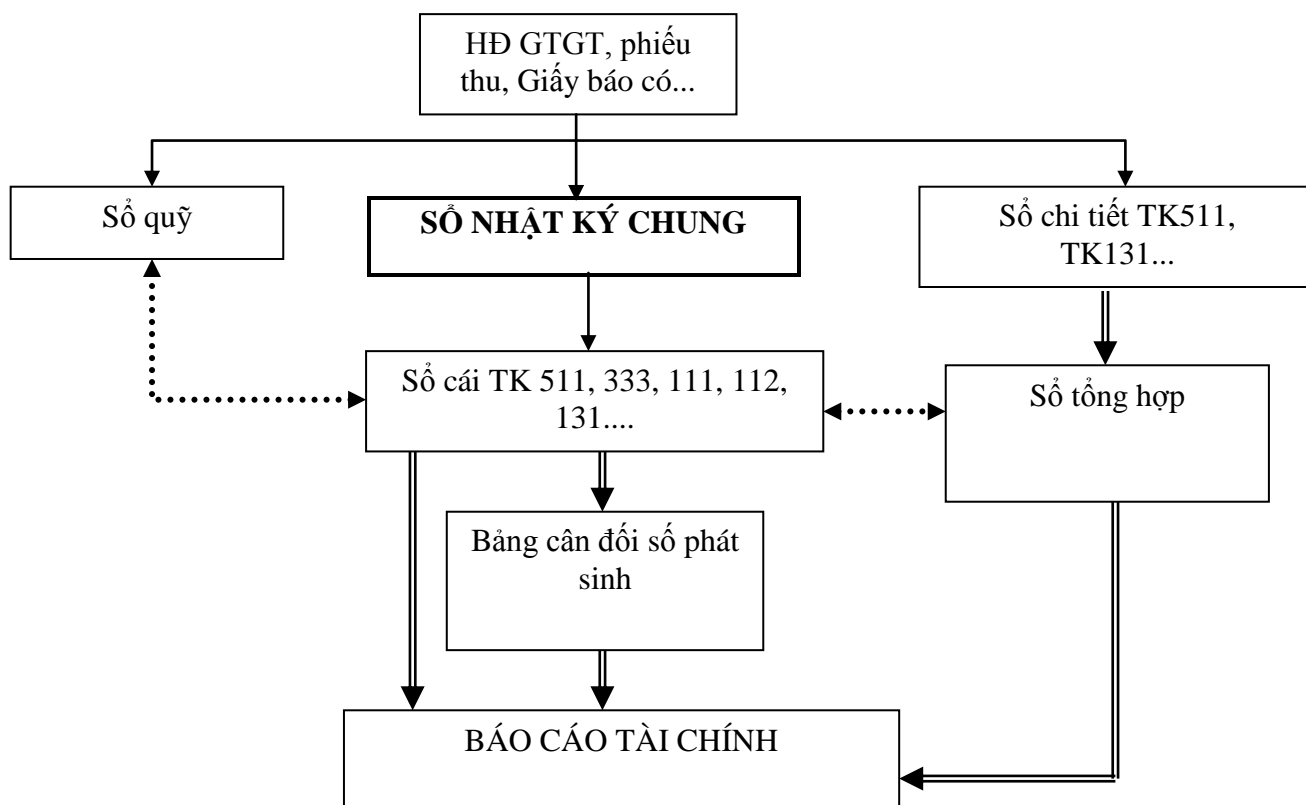
- Hoá đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan

Quy trình lập hoá đơn GTGT:

Người bán sẽ viết hoá đơn GTGT, được lập 3 liên:

- + Liên 1: Lưu tại sổ gốc (màu tím)
- + Liên 2: Giao cho khách hàng (màu đỏ)
- + Liên 3: Làm căn cứ xuất hàng hoá và ghi sổ kế toán (màu xanh)

Trình tự ghi sổ kế toán:



Chú thích:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.3: Trình tự hạch toán doanh thu tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn điện

Hàng ngày, căn cứ vào hoá đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết bán hàng, từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các TK 632, 511, 3331,....

Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 15/12/2011, Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn điện bán các loại thép tấm, thép góc và thép ống cho Công ty chế tạo máy Vinacomen, giá chưa có VAT 10% là 139.127.600đ. Công ty chế tạo máy Vinacomen đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Ví dụ 2: Ngày 20/12/2011, Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện xuất kho 1.000 kg thép tròn C45 $\phi 40\div\phi 110$ bán cho Doanh nghiệp tư nhân Tiến Độ, đơn giá: 16.577 đồng (Chưa bao gồm VAT 10%).

Biểu số 2.1: Hoá đơn GTGT

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0069936			
Ngày 15 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng:	CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG NHÀ MÁY CẤP THÉP FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP MST: 0200421693				
Địa chỉ:.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại.....MS.....					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần chế tạo máy Vinacomen.....					
Địa chỉ: 486 Đường Trần Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh.....					
Số tài khoản:102010000223645 Ngân hàng Quốc tế CN Cẩm Phả					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.....MS.....5700495999.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Thép tấm ss400δ10×1500×6000TQ	Kg	7.065	17.600	124.344.000
2	Thép góc CT3L75×75×6 A Khánh	Kg	496	17.000	8.432.000
3	Thép ống φ34×3,5 TQ	Kg	316	20.100	6.351.600
Cộng tiền hàng					139.127.600
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		13.912.760	
Tổng cộng tiền thanh toán					153.040.360
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm năm mươi ba triệu, không trăm bốn mươi ngàn ba trăm sáu mươi đồng.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn điện

Email: htchaiphong@hn.vnn.vn - Website: htchaiphong.com

Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn điện chuyên sản xuất, kinh doanh - phân phối và nhập khẩu các loại sản phẩm thép, sản phẩm cấp thép chịu lực mạ kẽm và không mạ kẽm từ φ8÷φ52 (Đăng kiểm Nhật Bản); sản phẩm dây hàn điện bảo vệ khí CO2 từ φ8÷φ2.4 (Đăng kiểm Na Uy).



Biểu số 2.2: Giấy báo có

GIẤY BÁO CÓ
CREDIT ADVICE

Số (Seq. No./Ref No.) 0091000437644
Ngày (date) 15/12/2011
Giờ (time) 11:39:20 AM

Chi nhánh (Branch name): Chi nhánh Hai Phong
Mã số thuế (Branch VAT code): 0100233488-002
Mã số khách hàng: 00176110
Client No.
Số tài khoản: 009704060021728
RB A/C No
Tên tài khoản: CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THEP & VẬT TƯ HẢI PHÒNG - NHÀ MÁY CẤP THÉP
RB A/C Name: FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Nội dung: THANH TOAN HD 0069936 CTY CP CHE TAO MAY VINACOMEN
Narrative/Description
Tên và địa chỉ người chuyển CTY CP CHE TAO MAY VINACOMEN
Ordering Name and Address
Số tiền bằng chữ:
Credit amount in words **Số tiền** (Credit amount in figures & ccy code): VND 153,040,360
Một trăm năm mươi ba triệu, không trăm bốn mươi ngàn ba trăm sáu mươi đồng.
Số dư (Ledger Balance & ccy) VND

GIAO DỊCH VIÊN/NV NGHIỆP VỤ
User ID
GDVC 16100

KIỂM SOÁT
Override user ID
KSV10432

Biểu số 2.3: Hoá đơn GTGT

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/11P		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0073804		
Ngày 20 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng:		CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG NHÀ MÁY CẤP THÉP FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP MST: 0200421693		
Địa chỉ:.....				
Số tài khoản:.....				
Điện thoại.....				
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị:Doanh nghiệp tư nhân Tiến Độ.....					
Địa chỉ: Mỹ Đồng - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng.....					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt.....MS.....0200442069.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Thép tròn C45φ40÷φ110	kg	1.000	16.577	16.577.000
Cộng tiền hàng					16.577.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.657.700	
Tổng cộng tiền thanh toán					18.234.700
Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu hai trăm ba tư ngàn bảy trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn điện

Email: htchaiphong@hn.vnn.vn - Website: htchaiphong.com

Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn điện chuyên sản xuất, kinh doanh - phân phối và nhập khẩu các loại sản phẩm thép, sản phẩm cấp thép chịu lực mạ kẽm và không mạ kẽm từ φ8÷φ52 (Đăng kiểm Nhật Bản); sản phẩm dây hàn điện bảo vệ khí CO2 từ φ8÷φ2.4 (Đăng kiểm Na Uy).

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0073804 ngày 20/12 kế toán tiến hành viết phiếu thu (Biểu số 2.4)

Biểu số 2.4: Phiếu thu

**CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP**

Mẫu số: 01-TT
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Số CT 98/T12

Ngày 20/12/ 2011

TK ghi nợ : 111

TK ghi có: 511, 3331

Người nộp tiền: ...Nguyễn Văn Độ.....

Địa chỉ: Mỹ Đồng - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Lý do: Thanh toán tiền hàng theo HĐ 0023804

Số tiền: 18.234.700 VNĐ.....

Bằng chữ: Mười tám triệu hai trăm ba tư ngàn bảy trăm đồng chẵn.....

Kèm theo.....01.....chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--	--	---------------------------------------	---	------------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)...Mười tám triệu hai trăm ba tư ngàn bảy trăm đồng chẵn

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

Số tiền quy đổi:.....

Biểu số 2.5: Trích nhật ký chung năm 2011

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03a-DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		
03/12	03/12	PC29/T12	Chi phí tiếp khách	6428 1331 1111	5.470.000 547.000	6.017.000
04/12	04/12	PXK66/T12	Xuất kho bán thép cho công ty CP chế tạo máy Vinacom	632 156	334.092.500	334.092.500
04/12	04/12	GBC86/T12	Bán thép cho công ty CP chế tạo máy Vinacom đã thanh toán bằng chuyển khoản	112 5111 3331	383.387.125	348.533.750 34.853.375
		
15/12	15/12	PXK120/T12	Xuất kho bán thép cho công ty CP chế tạo máy Vinacom	632 156	132.208.950	132.208.950
15/12	15/12	GBC159/T12	Bán thép cho công ty CP chế tạo máy Vinacom đã thanh toán bằng chuyển khoản	112 5111 3331	153.040.360	139.127.600 13.912.760
		
20/12	20/12	PXK132/T12	Xuất kho Thép tròn C45 $\phi 40 \div \phi 110$	632 156	15.234.000	15.234.000
20/12	20/12	PT98/T12	Bán thép tròn C45 $\phi 40 \div \phi 110$ cho doanh nghiệp tư nhân Tiến Độ thu bằng tiền mặt	111 5111 3331	18.234.700	16.577.000 1.657.700
		
			Cộng		987.341.605.712	987.341.605.712

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6: Trích Sổ cái TK 511

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03b-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng****Năm 2011****Đơn vị tính: VNĐ**

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
	
GBC86/T12	04/12	Bán hàng cho công ty CP chế tạo máy Vinacom đã thanh toán bằng chuyển khoản	112		348.533.750
	
HD 0044913	07/12	Bán hàng cho Công ty CP cơ khí thương mại Hợp tiến chưa thanh toán	131		111.600.000
GBC115/T12	10/12	Bán hàng cho công ty CP thiếp bị điện thanh toán bằng chuyển khoản	112		64.850.300
GBC159/T12	15/12	Bán thép cho công ty CP chế tạo máy Vinacom đã thanh toán bằng chuyển khoản	112		139.127.600
PT98/T12	20/12	Bán thép tròn C45 $\phi 40 \div \phi 110$ cho doanh nghiệp tư nhân Tiến Độ thu bằng tiền mặt	111		16.577.000
	
PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng sang TK 911	911	478.081.318.736	
		Cộng		478.081.318.736	478.081.318.736
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.7: Sổ cái TK 111

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03b-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**Tài khoản 111 - Tiền mặt****Năm 2011****Đơn vị tính: VNĐ**

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		935.884.334	
	
PT15/T12	03/12	Thu tiền hàng của công ty TNHH Dũng Cường	131	6.609.660	
PT36/T12	05/12	Thu rút TGNH Công thương Hồng Bàng-HP	1121	60.000.000	
		
PT98/T12	20/12	Thu tiền từ việc bán thép tròn C45 $\phi 40 \div \phi 110$ cho doanh nghiệp tư nhân Tiến Độ	511	16.577.000	
PT98/T12	20/12	Thuế GTGT đầu ra	3331	1.657.700	
	
PC126/T12	31/12	Chi trả tiền gia công lập là	6418		13.549.900
PC126/T12	31/12	Thuế GTGT đầu vào	1331		1.354.990
PC143/T12	31/12	Chi trả tiền Cổ đông cho Ông Tỉnh	41111		300.000.000
	
		Cộng số phát sinh		10.989.853.395	11.578.994.920
		Số dư cuối kỳ		346.742.806	

Ngày 31.tháng 12.năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.8: Sổ cái TK 112

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CÁP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03b-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng**

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		1.963.681.600	
	
UNC39/T12	01/12	Chi trả tiền hàng cho công ty CP thương mại và vật tư công nghiệp Việt	331		28.552.095
PT24/T12	04/12	Công ty rút TGNH về nhập quỹ tiền mặt	1111		90.000.000
PT38/T12	05/12	Thu rút tiền từ TKNH Công thương - CNHP về nhập quỹ tiền mặt	1111		60.000.000
	
GBC159/T12	15/12	Bán thép cho công ty CP chế tạo máy Vinacom đã thanh toán bằng chuyển khoản	511		139.127.600
GBC159/T12	15/12	Thuế GTGT đầu ra	3331		13.912.760
	
		Cộng số phát sinh		62.623.468.527	46.662.087.468
		Số dư cuối kỳ		17.925.062.659	

Ngày 31.tháng 12.năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.9: Sổ chi tiết bán hàng

**CHI NHÁNH SỐ 1 CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI
PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - Hải Phòng**

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Thép tròn C45 ϕ 40÷ ϕ 110

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	C	D	1	2	3	4	5
			
14/12	GBC141/T12	14/12	Thép tròn C45 ϕ 40÷ ϕ 110	45.125	16.577	748.037.125	74.803.712	
14/12	GBC142/T12	14/12	Thép tròn C45 ϕ 40÷ ϕ 110	30.831	16.577	511.085.487	51.108.548	
18/12	PT63/T12	18/12	Thép tròn C45 ϕ 40÷ ϕ 110	7.678	16.577	127.278.206	12.727.820	
20/12	PT98/T12	20/12	Thép tròn C45 ϕ 40÷ ϕ 110	1.000	16.577	16.577.000	1.657.700	
			
			Cộng	691.910		11.469.792.070	1.146.979.207	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

2.2.2.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng bán là giá gốc của hàng hoá hoặc nguyên giá của thành phẩm nhập kho. Giá vốn có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Vì vậy phải theo dõi chặt chẽ và xác định đúng giá vốn của hàng bán ra trong kỳ.

- Giá vốn của hàng bán được xác định theo phương pháp Nhập trước - xuất trước. Theo phương pháp này dựa trên giá định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Những chi phí không được tính vào giá vốn của hàng tồn kho:

+ Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

+ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trong quá trình mua hàng.

+ Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất trực tiếp và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.

+ Chi phí bán hàng

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chính.

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT

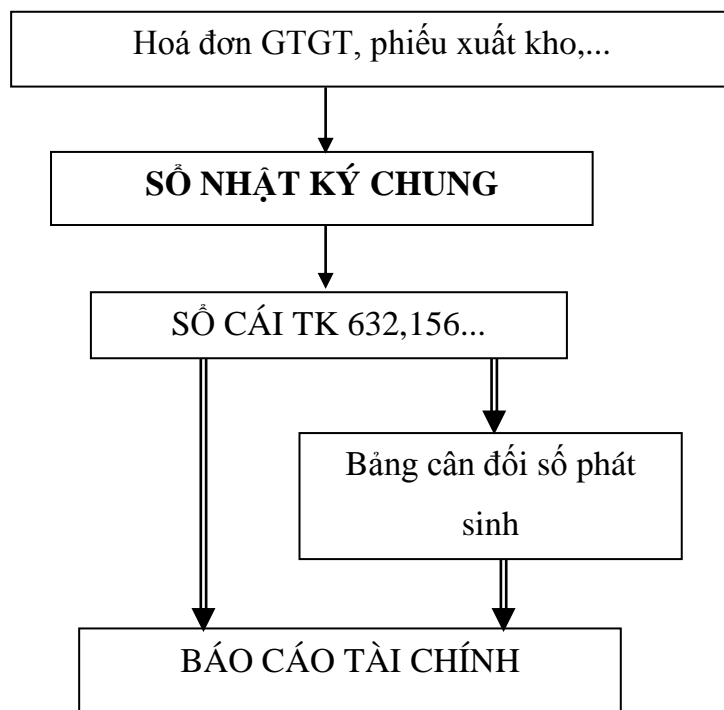
- Phiếu xuất kho

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- Để hạch toán giá vốn hàng bán kế toán sử dụng TK 632 - "Giá vốn hàng bán". Tài khoản này công ty không theo dõi chi tiết trên tài khoản cấp 2.

- Sổ sách sử dụng: Nhật ký chung, sổ chi tiết TK (156, 111,...), sổ cái các tài khoản liên quan.

2.2.2.3. Quy trình hạch toán



Chú thích:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

2.2.2.4. Ví dụ

Lấy lại ví dụ 1 và 2 ở trên:

Lấy lại ví dụ 1: Ngày 15/12/2011, Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện bán các loại thép tấm, thép góc và thép ống cho Công ty chế tạo máy Vinacomen, giá chưa có VAT 10% là 139.127.600đ. Công ty chế tạo máy Vinacomen đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Lấy lại ví dụ 2: Ngày 20/12/2011, Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện xuất kho 1.000 kg thép tròn C45 $\phi 40 \div \phi 110$ bán cho Doanh nghiệp tư nhân Tiến Độ, đơn giá: 16.577 đồng (Chưa bao gồm VAT 10%).

Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số: 02 -VT
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Số CT: 120/T12

TK ghi nợ: 632

TK ghi có: 156

Họ tên người nhận hàng: A Mạnh

Diễn giải: Xuất hàng bán cho Công ty Cổ phần chế tạo máy Vinacomem

Xuất tại kho: Kho công ty

TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
				Yêu cầu	Thực xuất			
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	Thép tấm ss400δ10×1500×6000TQ		Kg	7.065		16.750	118.338.750	
2	Thép góc CT3L75×75×6 A Khánh		Kg	496		15.700	7.787.200	
3	Thép ống φ34×3,5 TQ		Kg	316		19.250	6.083.000	
	Cộng			7.877			132.208.950	

Xuất ngày 15 tháng 12 năm 2011

Số tiền bằng chữ: Một trăm ba hai triệu hai trăm linh tám nghìn chín trăm năm mươi đồng.

Phụ trách phòng
(Ký, họ tên)

Phụ trách cung tiêu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số: 02 -VT
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Số CT: 132/T12

TK ghi nợ: 632

TK ghi có: 156

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Độ

Diễn giải: Xuất hàng bán cho doanh nghiệp tư nhân Tiến Độ

Xuất tại kho: **Kho công ty**

TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
				Yêu cầu	Thực xuất			
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	Thép tròn C45 φ40÷φ110		Kg	1.000		15.234	15.234.000	
	Cộng			1.000			15.234.000	

Xuất ngày 20 tháng 12 năm 2011

Số tiền bằng chữ: Mười năm triệu hai trăm ba tư ngàn đồng chẵn.

Phụ trách phòng **Phụ trách cung tiêu** **Người giao hàng** **Người lập** **Thủ kho**
(ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

Biểu số 2.12: Trích nhật ký chung năm 2011

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03a-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Ngày	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		
04/12	04/12	PXK66/T12	Xuất kho bán hàng cho công ty cổ phần chế tạo máy Vinacom	632 156	334.092.500	334.092.500
04/12	04/12	GBC86/T12	Bán hàng cho công ty cổ phần chế tạo máy Vinacomen đã thanh toán bằng chuyển khoản	112 5111 3331	383.387.125	348.533.750 34.853.375
		
15/12	15/12	PXK120/T12	Bán hàng cho công ty cổ phần chế tạo máy Vinacomen đã thanh toán bằng chuyển khoản	632 156	132.208.950	132.208.950
15/12	15/12	GBC159/T12	Bán hàng cho công ty cổ phần chế tạo máy Vinacomen đã thanh toán bằng chuyển khoản	112 5111 3331	153.040.360	139.127.600 13.912.760
		
20/12	20/12	PXK132/T12	Xuất kho Thép tròn C45 $\phi 40 \div \phi 110$	632 156	15.234.000	15.234.000
20/12	20/12	PT98/T12	Bán thép tròn C45 $\phi 40 \div \phi 110$ cho doanh nghiệp tư nhân Tiến Độ thu bằng tiền mặt	111 5111 3331	18.234.700	16.577.000 1.657.700
		
			Cộng số phát sinh quý IV		987.341.605.712	987.341.605.712

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: Trích Sổ cái TK 632

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03b-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán****Năm 2011****Đơn vị tính: VND**

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SH TK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
	
PXK66/T12	04/12	Bán hàng cho công ty cổ phần chế tạo máy Vinacom đã thanh toán bằng chuyển khoản	156	334.092.500	
	
PXK70/T12	07/12	Bán hàng cho cty cổ phần cơ khí thương mại Hợp tiến chưa thanh toán	156	109.238.900	
PXK73/T12	10/12	Bán thép cuộn cho công ty CP thiếp bị điện thanh toán bằng chuyển khoản	156	62.145.300	
PXK120/T12	15/12	Bán hàng cho công ty cổ phần chế tạo máy Vinacomen đã thanh toán bằng chuyển khoản	156	132.208.950	
PXK132/T12	20/12	Bán thép tròn C45 $\phi 40 \div \phi 110$ cho doanh nghiệp tư nhân Tiến Độ thu bằng tiền mặt	156	15.234.000	
	
PKT04	31/12	Kết chuyển giá vốn sang TK 911	911		450.963.455.811
		Cộng		450.963.455.811	450.963.455.811
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.14: Trích Sổ cái TK 156

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03b-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**Tài khoản 156 – Hàng hóa**

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SH TK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		41.887.011.918	
	
PXK 120/T12	15/12	Bán hàng cho công ty cổ phần chế tạo máy Vinacomen đã thanh toán bằng chuyển khoản	632		132.208.950
	
PXK 132/T12	20/12	Xuất bán Thép tròn C45φ40÷φ110 cho doanh nghiệp Tiến Độ	632		15.234.000
	
PNK 139/T12	29/12	Nhập hàng của Cty Cp thép Thiên Phú	331	133.216.340	
PNK 156/T12	29/12	Nhập hàng Cty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	331	176.21.178	
	
		Cộng số phát sinh		27.253.073.438	42.193.796.878
		Số dư cuối kỳ		26.946.288.478	

Ngày 31.tháng 12.năm 2011

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.15: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

**CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI
PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN**
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S36-DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ): *Thép tròn C45 ϕ 40÷ ϕ 110*

Năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ tài khoản 632	
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chi ra
A	B	C	D	E	1	2
		
14/12	PXK101/T12	14/12	Xuất bán Thép tròn C45 ϕ 40÷ ϕ 110	156	687.434.250	687.434.250
14/12	PXK102/T12	14/12	Xuất bán Thép tròn C45 ϕ 40÷ ϕ 110	156	469.679.454	469.679.454
18/12	PXK129/T12	18/12	Xuất bán Thép tròn C45 ϕ 40÷ ϕ 110	156	116.966.652	116.966.652
20/12	PXK132/T12	20/12	Xuất bán Thép tròn C45 ϕ 40÷ ϕ 110	156	15.234.000	15.234.000
		
			Cộng phát sinh		10.540.556.940	10.540.556.940

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

Đối với những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thì chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là những loại chi phí không thể thiếu được và thường chiếm một tỉ trọng không nhỏ. Vì vậy việc theo dõi và hạch toán các loại chi phí này một cách chính xác rất quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

2.2.3.1. Chứng từ sổ sách sử dụng

- + Các chứng từ thánh toán : Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, hoá đơn GTGT
- + Bảng thanh toán lương
- + Bảng trích khấu hao TSCĐ
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 641,111,112.....

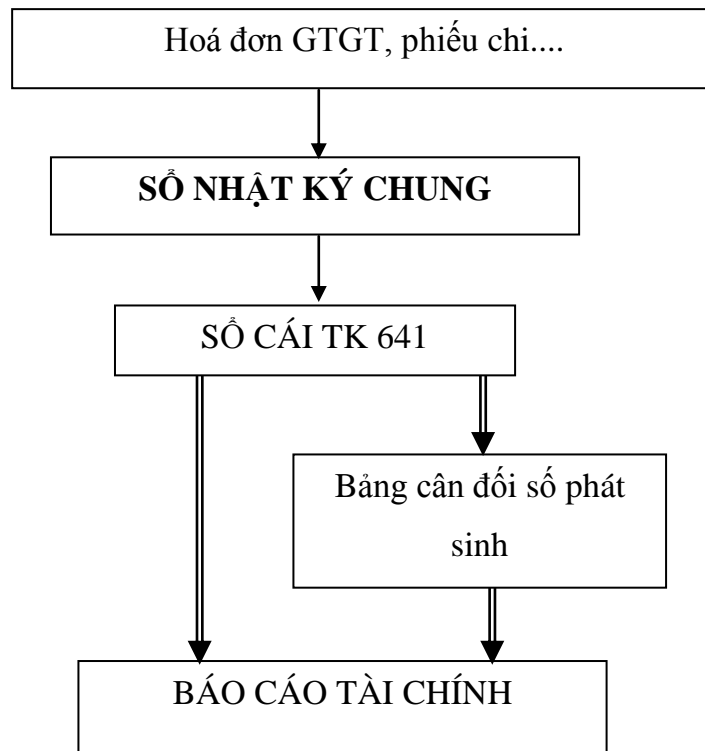
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí bán hàng kế toán dùng tài khoản 641 - "Chi phí bán hàng"

➤ **Chi phí bán hàng của công ty bao gồm các loại chi phí :**

- + TK 6411: Chi phí nhân viên bán hàng
- + TK 6414: Chi phí Khấu hao TSCĐ
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

2.2.3.3. Quy trình hạch toán



Chú thích:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

2.2.3.4. Ví dụ:

Ví dụ 1: Ngày 02/12/2011, Chi nhánh số 1 Cty CP thép & vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hoá của Công ty TNHH vận tải Minh Khang theo hoá đơn GTGT số 0038584 (Biểu số 2.16). Tổng số tiền phải thanh toán là 11.062.700đ (đã bao gồm VAT 10%), đã trả bằng tiền mặt.

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2011 chi tiền gia công lập là cho Công ty TNHH MTV XD Thương mại và dịch vụ Anh Việt với số tiền chưa thuế là 13.549.900 VNĐ (VAT 10%).

Biểu số 2.16: Hoá đơn GTGT

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AA /11P			
Liên 2: Giao khách hàng		0038584			
Ngày 02 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng:.....	CTY TNHH VẬN TẢI MINH KHANG				
Địa chỉ:	AN ĐỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG				
Số tài khoản:.....	MST: 0200534045				
Điện thoại:.....					
<p>Họ tên người mua hàng:</p> <p>Tên đơn vị: Chi nhánh số 1 Cty CP thép và vật tư Hải Phòng- Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện.</p> <p>Địa chỉ: Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - Hải Phòng.....</p> <p>Số tài khoản:</p> <p>Hình thức thanh toán:..TM.....MS.....0200421693</p>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Vận chuyển thép tấm từ Hải Phòng ra Hưng Yên	Kg	32	314.286	10.057.000
Cộng tiền hàng					10.057.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		1.005.700	
Tổng cộng tiền thanh toán					11.062.700
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu không trăm sáu hai ngàn bảy trăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0038584 (Biểu số 2.16) ngày 02/12, kế toán tiến hành viết phiếu chi (Biểu số 2.17).

Biểu số 2.17: Phiếu chi

**CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI
PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP**

Mẫu số 02
*Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

PHIẾU CHI

Số CT 27/T12

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

TK ghi	Số tiền
1331	1.005.700
6417	10.057.000

Người nhận tiền: Nguyễn Văn Ba

Địa chỉ : Công ty TNHH vận tải Minh Khang

Lý do : Thanh toán cước vận chuyển hàng

Số tiền: 11.062.700 VNĐ

Bằng chữ: Mười một triệu không trăm sáu hai ngàn bảy trăm đồng./.

Kèm theo.....01.....chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền.: Mười một triệu không trăm sáu hai ngàn bảy trăm đồng./.

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ
tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

**Người nhận
tiền**
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18: Hoá đơn GTGT

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AA /11P			
Liên 2: Giao khách hàng		0085751			
Ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng:.....	CTY TNHH MTVXD, TM VÀ DỊCH VỤ ANH VIỆT KHU 5-PHƯỜNG TRÀNG MINH-Q.KIẾN AN-HP MST: 0201036408				
Địa chỉ:					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:.....					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Chi nhánh số 1 Cty CP thép và vật tư Hải Phòng- Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện. Địa chỉ: Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - Hải Phòng..... Số tài khoản: Hình thức thanh toán:..TM.....MS.....0200421693					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Gia công lập là thép	Kg	14.890	910	13.549.900
Cộng tiền hàng					13.549.900
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		1.354.990	
Tổng cộng tiền thanh toán					14.904.890
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu chín trăm linh bốn ngàn tám trăm chín mươi đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0085751 (Biểu số 2.18), kế toán tiến hành viết phiếu chi (Biểu số 2.19).

Biểu số 2.19: Phiếu chi

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số 02
Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

SỐ CT 126/T12

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

TK ghi	Số tiền
1331	1.354.990
6418	13.549.900

Người nhận tiền: Ông Tuấn

Địa chỉ : Công ty TNHH MTV XD Thương Mại và dịch vụ Anh Việt

Lý do : Chi trả tiền gia công lập là

Số tiền: 14.904.890 VNĐ

Bằng chữ: Mười bốn triệu chín trăm linh bốn ngàn tám trăm chín mươi đồng chẵn./.

Kèm theo.....01.....chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền: Mười bốn triệu chín trăm linh bốn ngàn tám trăm chín mươi đồng chẵn./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Trích nhật ký chung năm 2011

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03a-DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		
01/12	01/12	PC07/T12	Mua nước sx của cty cấp nước Hải Phòng	6427 1331 1111	852.898 37.083	889.981
02/12	02/12	PC27/T12	Thanh toán tiền cước vận chuyển hàng	6417 1331 1111	10.057.000 1.005.700	11.062.700
		
03/12	03/12	PC29/T12	Chi phí tiếp khách	6428 1331 1111	5.470.000 547.000	6.017.000
		
20/12	20/12	PXK132/T12	Xuất kho Thép tròn C45 $\phi 40 \div \phi 110$	632 156	15.234.000	15.234.000
20/12	20/12	PT98/T12	Bán thép tròn C45 $\phi 40 \div \phi 110$ cho doanh nghiệp tư nhân Tiến Độ thu bằng tiền mặt	111 5111 3331	18.234.700	16.577.000 1.657.700
31/12	31/12	PC126/T12	Chi trả tiền gia công lập là	6418 1331 1111	13.549.900 1.354.990	14.904.890
			
			Cộng số phát sinh		987.341.605.712	987.341.605.712

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21: Trích Sổ cái TK 641

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CÁP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03b-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng****Năm 2011****Đơn vị tính: VNĐ**

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
	
PC27/T12	02/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển hàng	1111	10.057.000	
	
PC31/T12	07/12	Thanh toán DV VT - BĐ HP	1111	537.431	
	
BLT12	31/12	Chi phí tiền lương nhân viên bán hàng T12	334	7.340.000	
BLT12	31/12	Các khoản trích theo quy định	338	2.238.700	
PC126/T12	31/12	Chi trả tiền gia công lập là	1111	13.549.900	
	
PKT05	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911	911		9.674.827.914
		Cộng		9.674.827.914	9.674.827.914
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Là những chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác....

- + Bên nợ : Tập hợp toàn bộ chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ
- + Bên có : Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4.1. Các chứng từ sổ sách sử dụng

- + Phiếu chi
- + Hoá đơn GTGT
- + Lệnh chi
- + Sổ cái TK 642, TK 112....

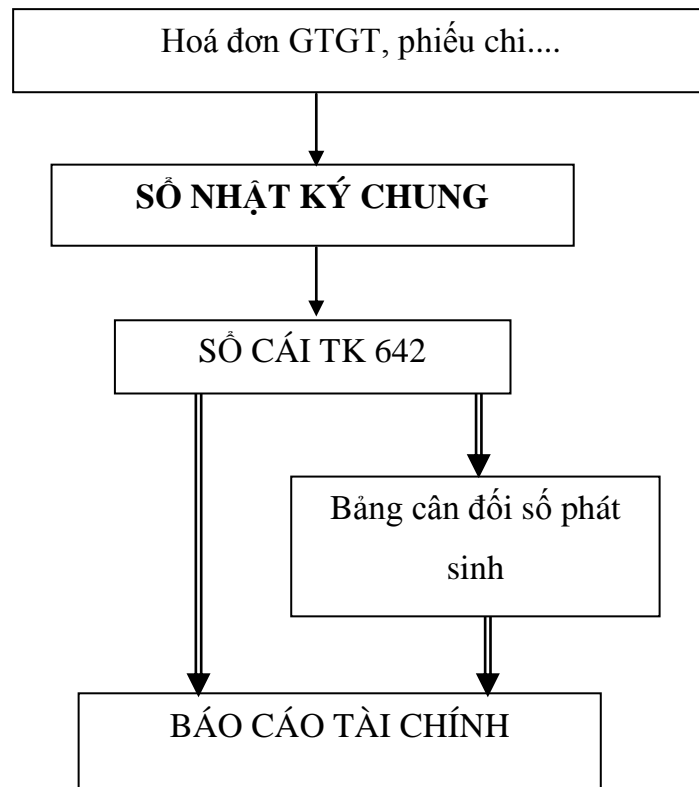
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng Tài khoản 642 - "Chi phí quản lý doanh nghiệp" để hạch toán.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm các loại chi phí sau:

- + TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6424 : Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6427 : Chi điện thoại, nước, dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428 : Chi phí khác

2.2.4.3. Quy trình hạch toán



Chú thích:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow


Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

2.2.4.4. Ví dụ

Ví dụ 1: Ngày 19/12/2011, Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn điện mua xăng của Công ty xăng dầu khu vực III - Cửa hàng xăng dầu An Lạc 74 lít xăng không chì RON 95, đơn giá chưa có VAT 10% là 1.574.182đ, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Ví dụ 2: Ngày 28/12/2011, Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn điện chi tiền mua văn phòng phẩm của Bà Đào Thị Chiến, số tiền 300.000đ, không có thuế VAT, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Biểu số 2.22: Hoá đơn GTGT

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III	Ngày 19 tháng 12 năm 2011 Mã xuất..54..Mã nguồn...30... Số hoá đơn: KV3001322-54-117799	Mẫu số 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số: 0052349			
Đơn vị bán: Công ty Xăng dầu khu vực III Địa chỉ: Số 1 - Sở Dầu - Hồng Bàng - HP Kho xuất: CHKV3001322 Mã số thuế: 0200120833	Đơn vị mua: Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện Địa chỉ: Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - Hải Phòng Mã số thuế: 0200421693Hình thức thanh toán: Tiền mặt				
LIÊN 2: GIAO CHO KHÁCH HÀNG					
STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng không chì RON 95	LTT	74,00	21.272,73	1.574.182đ
1. Tổng cộng tiền hàng:					1.574.182 đ
2. Tiền thuế GTGT (1×10%)					157.418 đ
3. Phí xăng dầu (xxx đ/l):					xxx
Tổng cộng tiền thanh toán (1+2+3)					1.731.600 đ
<i>(Bằng chữ: Một triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, sáu trăm đồng chẵn.....)</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, họ tên)</i>	
CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III Số 1 - Sở Dầu - Hồng Bàng - Hải Phòng Tel: 031 3850 533 - Fax: 031 3850 333 MST: 0200120833					
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0052349 (Biểu số 2.22) kê toán tiến hành viết phiếu chi (Biểu số 2.23).

Biểu số 2.23: Phiếu chi

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số 02
Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số CT 87/T12

Ngày 19 tháng 12 năm 2011

TK ghi	Số tiền
1331	157.418
6427	1.574.182

Người nhận tiền: Nguyễn Văn Chung

Địa chỉ : Chi nhánh số 1 Cty CP thép và vật tư Hải Phòng- Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn
điện Lý do : Thanh toán tiền mua xăng

Số tiền: 1.731.600 VNĐ

Bằng chữ: Một triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, sáu trăm đồng chẵn./.

Kèm theo.....02.....chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền: Một triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, sáu trăm đồng chẵn./.

Ngày 19 tháng 12 năm 2011

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.24: Hoá đơn GTGT

HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG THÔNG THƯỜNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 28 tháng 12 năm 2011		Mẫu số: 02 GTTT - 3LL DL/2011B 0031407			
Đơn vị bán hàng:.....	ĐÀO THỊ CHIẾN 194 Phan Bội Châu - Hải Phòng MST: 02001662744			
Địa chỉ:			
Số tài khoản:.....				
Điện thoại.....MS.....				
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Chi nhánh số 1 Cty CP thép và vật tư Hải Phòng- Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện.					
Địa chỉ: Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - Hải Phòng.....					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:..TM.....MS.....0200421693					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Mua hàng văn phòng phẩm				300.000
Cộng tiền bán hàng hoá, dịch vụ					300.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba trăm ngàn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (<i>Ký, ghi rõ họ tên</i>)		Người bán hàng (<i>Ký, ghi rõ họ tên</i>)		Thủ trưởng đơn vị (<i>Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên</i>)	

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0031407 (Biểu số 2.24) kế toán tiến hành viết phiếu chi (Biểu số 2.25)

Biểu số 2.25: Phiếu chi

**CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI
PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP**

Mẫu số 02
*Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

PHIẾU CHI

Số CT 115/T12

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

TK ghi	Số tiền
6428	300.000

Người nhận tiền: Ông Hiếu

Địa chỉ : Chi nhánh số 1 Cty CP thép và vật tư Hải Phòng- Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn
điện Lý do : Chi mua văn phòng phẩm

Số tiền: 300.000 VNĐ

Bằng chữ: Ba trăm ngàn đồng chẵn./.

Kèm theo.....01.....chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền: Ba trăm ngàn đồng chẵn./.

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.26: Trích nhật ký chung năm 2011

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03a-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG*Năm 2011***Đơn vị tính: VNĐ**

Ngày	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		
01/12	01/12	PC07/T12	Mua nước sx của cty cấp nước Hải Phòng	642 1331 1111	852.898 37.083	889.981
03/12	03/12	PC29/T12	Chi phí tiếp khách	6428 1331 1111	5.470.000 547.000	6.017.000
		
19/12	19/12	PC87/T12	Mua xăng không chì của công ty xăng dầu khu vực III	6428 1331 1111	1.574.182 157.418	1.731.600
		
28/12	28/12	PC115/T12	Mua văn phòng phẩm của Bà Đào Thị Chiến	6428 1111	300.000	300.000
		
31/12	31/12	PC126/T12	Chi trả tiền gia công lập là	6418 1331 1111	13.549.900 1.354.990	14.904.890
		
			Cộng số phát sinh		987.341.605.712	987.341.605.712

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.27: Trích Sổ cái TK 642

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03b-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp***Năm 2011***Đơn vị tính: VND**

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
	
PC29/T12	03/12	Chi phí tiếp khách	1111	5.470.000	
PC36/T12	10/12	Cước máy bán VNPT	1111	813.575	
	
PC87/T12	19/12	Mua xăng không chì của công ty xăng dầu khu vực III	1111	1.574.182	
	
PC115/T12	28/12	Mua văn phòng phẩm của Bà Đào Thị Chiên	1111	300.000	
PB214/T12	30/12	Phân bổ khấu hao TSCĐ vào CPQL T12	214	74.525.126	
PKT06	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN sang TK 911	911		6.574.475.700
	
		Cộng		6.574.475.700	6.574.475.700
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính tại Chi nhánh số 1 công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện là các khoản lãi tiền gửi từ ngân hàng, hàng tháng được nhập lãi.

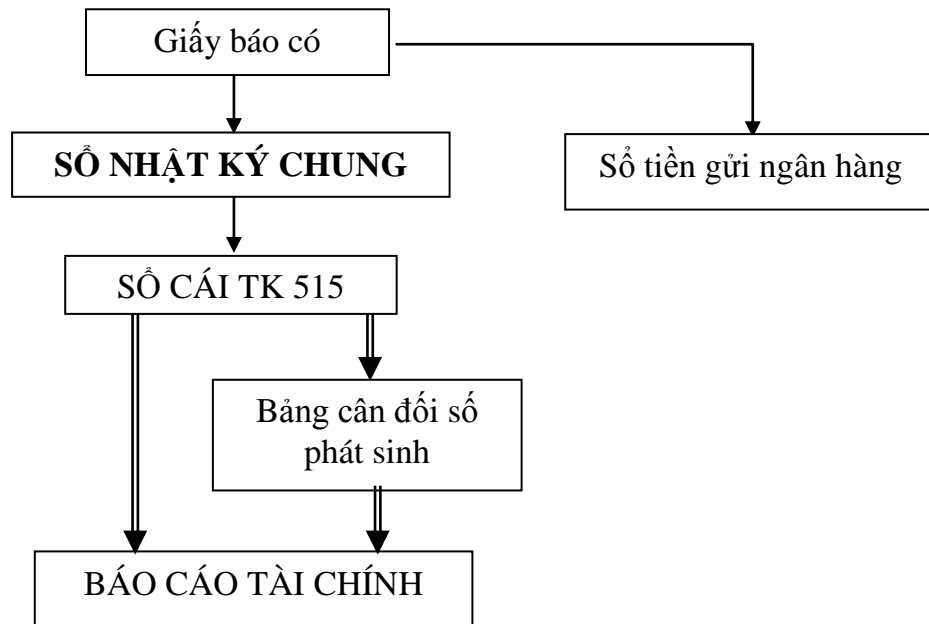
2.2.5.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Giấy báo lãi (Giấy báo có)
- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 515

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: TK 515 - "Doanh thu hoạt động tài chính" để hạch toán.

2.2.5.3. Quy trình hạch toán



Chú thích:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: ==>

Căn cứ vào giấy báo có, sổ phụ ngân hàng kế toán ghi sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 515, 112.

2.2.5.4. Ví dụ

Ví dụ: Chi nhánh số 1 công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện nhận được giấy báo lãi của Ngân hàng công thương Việt

Nam - Chi nhánh Hải Phòng về lãi tiền gửi được hưởng vào ngày 31/12/2011.

Biểu số 2.28: Giấy báo lãi của ngân hàng

Date printed: 01/01/11 0:52:01				
Vietinbank		Branch: 00166	DDT065P	PAGE
Branch: 00166 CHI NHANH HAI PHONG - NHTMCP CONG THUONG VN				
GIAY BAO LAI				
(Tu ngay 01/12/2011 den het ngay 31/12/2011)				
Kinh gui: CHI NHANH SO 1 CTY CO PHAN THEP VAT TU HP - NHA MAY CAP THEP FCT VA DAY HAN DIEN				
So tai khoan:		102010000213303	Loai tien te: VND	
Mo tai ngan hang chung toi duoc huong so tien lai tuong ung voi lai suat va so du tai khoan nhu sau:				
Stt	Ngay	So du	Lai suat (% nam)	So tien lai cong don
1	5/12/11	16,779,195.00	3.000000000	6,991.00
2	6/12/11	2,350,396.00	3.000000000	7,187.00
3	7/12/11	2,330,396.00	3.000000000	7,381.00
4	8/12/11	79,507,030.00	3.000000000	14,007.00
5	11/12/11	77,528,957.00	3.000000000	33,389.00
6	12/12/11	101,956,133.00	3.000000000	41,886.00
7	13/12/11	762,196,200.00	3.000000000	105,402.00
8	14/12/11	110,839,189.00	3.000000000	114,639.00
9	15/12/11	74,817,189.00	3.000000000	120,873.00
10	18/12/11	73,766,139.00	3.000000000	139,315.00
11	19/12/11	523,766,139.00	3.000000000	182,962.00
12	20/12/11	1,978,931,648.00	3.000000000	347,873.00
13	21/12/11	2,033,860,648.00	3.000000000	517,361.00
14	22/12/11	2,479,167,598.00	3.000000000	723,959.00
15	23/12/11	3,070,798,945.00	3.000000000	979,859.00
16	25/12/11	2,570,798,945.00	3.000000000	1,408,325.00
17	26/12/11	1,350,508,457.00	3.000000000	1,520,867.00
18	27/12/11	1,475,980,878.00	3.000000000	1,643,866.00
19	28/12/11	6,272,479.00	3.000000000	1,644,389.00
20	29/12/11	126,272,479.00	3.000000000	1,654,911.00
21	30/12/11	144,968,173.00	3.000000000	1,666,992.00
22	31/12/11	288,024,425.00	3.000000000	1,690,994.00
Lai duoc huong (bang so):			1,690,994.00	
Lai duoc huong (bang chu):			Mot trieu sau tram chin muoi nghin chin tram chin muoi bon	
Ngan hang: CN HAI PHONG - NHTMCP CONG THUONG VN				
Kinh bao				
Nguoi lap bang			Kiem soat vien	
-----			-----	

Biểu số 2.29: Trích nhật ký chung năm 2011

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03a-DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày	CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		
01/12	01/12	PC07/T12	Mua nước sx của cty cấp nước Hải Phòng	642 1331 1111	852.898 37.083	889.981
03/12	03/12	PC29/T12	Chi phí tiếp khách	6428 1331 1111	5.470.000 547.000	6.017.000
		
31/12	31/12	GBC178/T12	Nhập lãi tiền gửi T12/11-NHCTVN	112 515	1.690.994	1.690.994
		
			Cộng số phát sinh		987.341.605.712	987.341.605.712

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.30: Trích Sổ cái TK 515

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SH TK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
	
GBC178/T12	31/12	Nhập lãi tiền gửi T12/11-NHCTVN	112		1.690.994
	
PKT02	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911	911	1.980.491.143	
	
		Cộng		1.980.491.143	1.980.491.143
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6. Kế toán chi phí tài chính tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện

Do nguồn vốn chủ sở hữu không đủ để duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh do đó công ty đã huy động vốn bằng nhiều cách trong đó có việc đi vay tiền từ các tổ chức tài chính. Do đó, tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện việc ghi nhận vào chi phí tài chính liên quan đến các tài khoản:

- Trả lãi tiền gửi ngân hàng
- Hạch toán chênh lệch tỷ giá

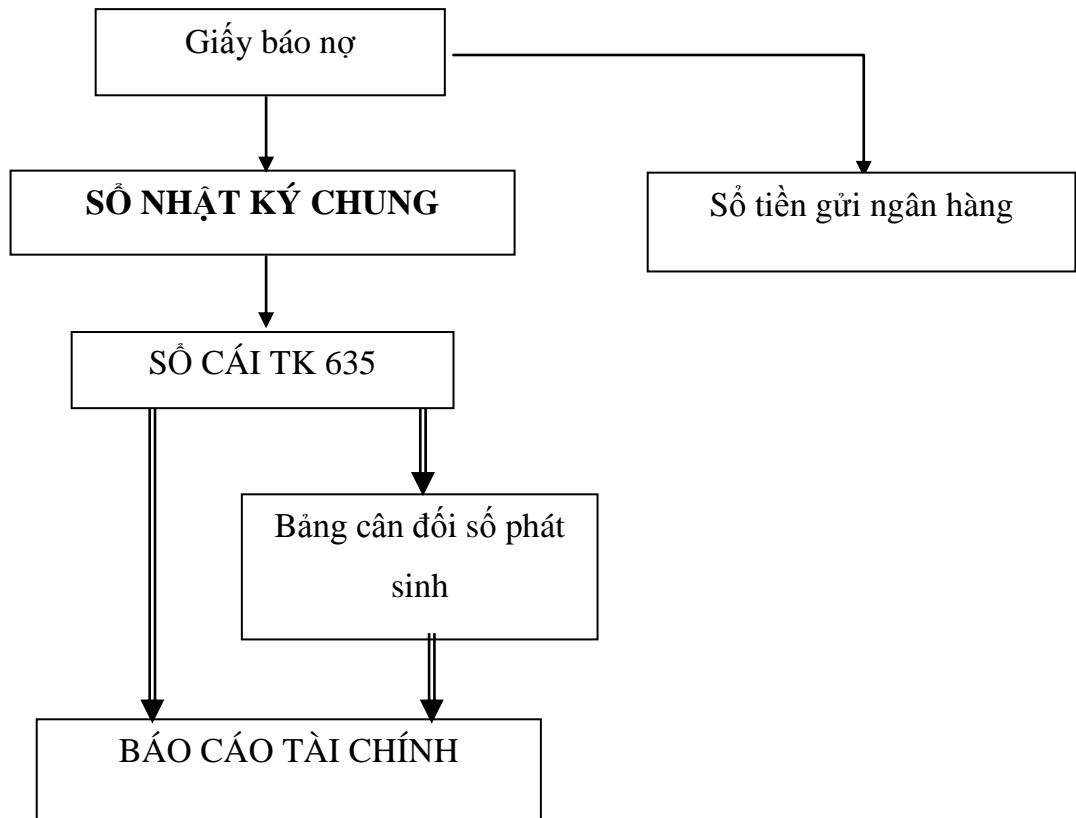
2.2.6.1. Chứng từ và sổ sách sử dụng để hạch toán

- Giấy báo có của ngân hàng
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 635

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

2.2.6.3. Quy trình hạch toán



Chú thích:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán có liên quan đến các khoản lãi tiền vay ngân hàng phải trả để ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 635.

2.2.6.4. Ví dụ

Ví dụ: Ngày 30/12/2011, Ngân hàng Quốc tế gửi Phiếu báo nợ thông báo thu tiền lãi vay tháng 12.

Biểu số 2.31: Phiếu báo nợ ngân hàng



PHIẾU BÁO NỢ
RECEIPT ADVICE

Số (Seq. No./Ref No.): **CL- 00142**
Ngày (date): 30/12/2011
Giờ (time): 22:56:55

Chi nhánh (Branch name): 009

Mã số thuế (Tax code): 0100233488-002

Tên khách hàng (Client Name): CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HP -
NHÀ MÁY CẤP THÉP FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN

Số hợp đồng: **0000450263**
(Loan No)

Mã khách hàng (Client No): 00176110

Mã số thuế (Tax Code): 0200421693

Tài khoản ghi Nợ (Debit account): 009704060021728

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HP -
NHÀ MÁY CẤP THÉP FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN

Số tiền thu nợ (Amount): 26,087,569 VND

Tran Seq No: 1003954476

Số tiền bằng chữ (Amount in word): Hai mươi sáu triệu tám mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi chín đồng.
(Twenty-Six Million Eighty-Seven Thousand Five Hundre Sixty-Nine) VND.

Nội dung (Narrative): TRẢ TIỀN LÃI THÁNG 12 CỦA CHI NHÁNH SÔ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HP - NHÀ MÁY CẤP THÉP
FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN

Số tiền lãi/Interest: 26,087,569 VND

GIAO DỊCH VIÊN/NV NGHIỆP VỤ

KIỂM SOÁT

User ID

Supervisor

EOD 5224

Biểu số 2.32: Sổ chi tiết tài khoản khách hàng**CHI TIẾT TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG**

Statement of Account

Từ ngày: 30/12/2011 đến ngày 30/12/2011

Tran date from To

Khách hàng: 00176110 CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG - NHÀ MÁY CẤP THÉP FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Client Inf**TÀI KHOẢN**

009704060021728

VND

602

Account Detail

Chứng từ Voucher Inf		Mã NV Officer ID/Ref	Nội dung Remarks	MGD Tran_type	PS Nợ Debit	PS Có Credit	Số dư Balance
Ngày Tran Date	Số CT Seq No						
30-12-2011 14:56:02	1003932374	0091067247695	TRA TIEN HANG	FTDR	28,552,095		122,741,387
30-12-2011 14:56:02	1003932375	0091067247695	TRA TIEN HANG	FTDR	33,000		122,708,387
30-12-2011 16:46:35	1003942873	1000912102029	THU PHI THANH TOAN USD529.00 + PHI KY HAU USD 10.00 + DIEN PHI USD15.00 (CHUA BAO GOM 10% VAT), BILL 1000912102029, LC 1000911101364, NHÀ MÁY CẤP THÉP FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN, TG: 19500	TFDR	11,990,550		110,717,837
30-12-2011 00:25:41	1003954476	0000450263	TRẢ TIỀN LẠI THANG 12 CUA CHI NHANH SO 1 CTY CP THEP VÀ VAT TU HP - NHA MAY CAP THEP FCT VÀ DÂY HAN DIEN	CLDR	26,087,569		84,630,268
			Số dư đầu kỳ (Previous Bal)				151,293,482.00
			Phát sinh nợ (Total Debit Amt)				66,663,214.00
			Phát sinh có (Total Credit Amt)				00
			Số dư cuối kỳ (Actual Bal)				84,630,268.00

Biểu số 2.33: Trích nhật ký chung năm 2011

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03a-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG*Năm 2011***Đơn vị tính: VNĐ**

Ngày	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		
15/12	15/12	PT54/T12	Rút séc bằng tiền mặt từ ngân hàng quốc tế - CN Hải Phòng	1111 112	500.000.000	500.000.000
17/12	17/12	GBN101/T12	Phí chuyển khoản	635 112	11.000	11.000
		
26/12	26/12	GBN122/T12	Trả lãi vay ngân hàng công thương CN Hải Phòng	635 112	48.985.183	48.985.183
27/12	27/12	GBN125/T12	Trả lãi vay NHNT Hải Phòng	635 112	149.302.408	149.302.408
30/12	30/12	GBN140/T12	Phí chuyển khoản	635 112	33.000	33.000
30/12	30/12	GBN142/T12	Trả lãi vay Tháng 12 cho ngân hàng quốc tế CN Hải Phòng	635 112	26.087.569	26.087.569
		
			Cộng số phát sinh		987.341.605.712	987.341.605.712

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.34: Trích Sổ cái TK 635

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03b-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**Tài khoản 635 – Chi phí tài chính***Năm 2011***Đơn vị tính: VND**

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
	
GBN101/T12	17/12	Phí chuyên khoản	112	11.000	
	
GBN122/T12	26/2	Trả lãi vay ngân hàng công thương CN Hải Phòng	112	48.985.183	
GBN125/T12	27/12	Trả lãi vay NHNT Hải Phòng	112	149.302.408	
GBN140/T12	30/12	Phí chuyển khoản	112	33.000	
	
GBN142/T12	30/12	Trả lãi vay Tháng 12	112	26.087.569	
	
PKT07	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911	911		12.524.266.713
	
		Cộng		12.524.266.713	12.524.266.713
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12.năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

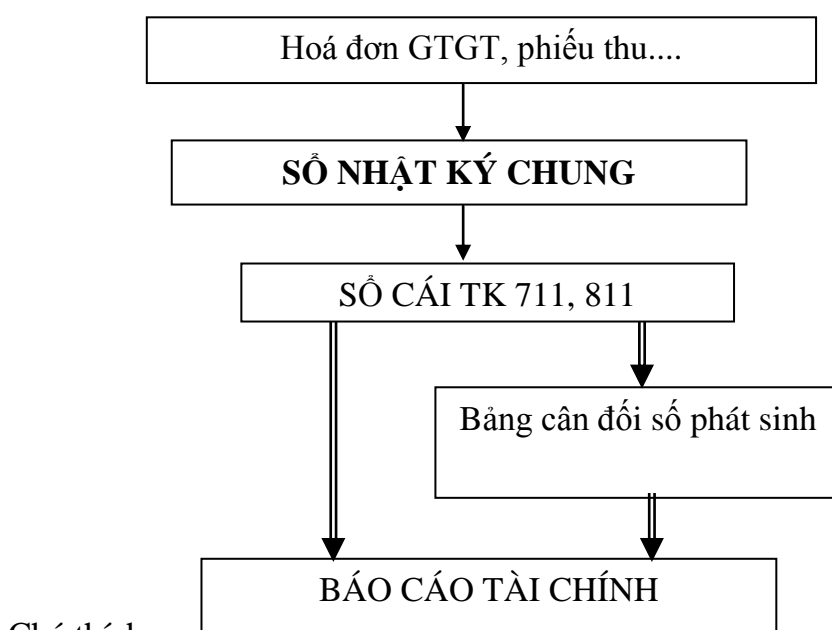
2.2.7.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng thông thường
- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản thanh lý, nhượng bán
- Giấy báo có của ngân hàng

2.2.7.2. Tài khoản sử dụng

- TK 711 - Thu nhập khác
- TK 811 - Chi phí khác

2.2.7.3. Quy trình hạch toán



Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán phát sinh kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ cái TK 711, TK 811.

Trong năm công ty chỉ phát sinh nghiệp vụ thu nhập khác mà không phát sinh đến nghiệp vụ chi phí khác.

2.2.7.4. Ví dụ:

Ví dụ 1: Ngày 02/12/2011, Công ty TNHH Thương mại Đức Năng bồi thường tổn thất làm thủng sàn Container, số tiền: 1.600.000đ, công ty chuyển khoản trả qua ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Biểu số 2.35: Giấy báo có của ngân hàng

Hoa đơn được ban hành kèm theo QĐ số 153 ngày 06/04/2011 của TGD Vietcombank

NGAN HANG TMCP NGOAI
THUONG VN
HAI PHONG - 11 HOANG DIEU - HONG BANG - HAI
PHONG

CHUNG TU GIAO DICH

GIAY BAO CO - IBT C

Ngày: 02/12/2011

Số HD: 021111.0U43.0003404

KH: VC/2011T

LIEN 2: KH

Số chung tu: 007.0U43.03404

Số chuyển tiền: 307911110221618

NHNT TP Hồ Chí Minh

Người trả tiền: CTY TNHH TM DUC NANG

Số tài khoản: 12010100368

Địa chỉ: 4102000140#

NHNT Hải Phòng

Người hưởng: CHI NHANH SỐ 1 CTY CP THEP VA VAT TU HP - NHA
MAY CAP THEP FCT VA DAY HAN DIEN STEEL&MATERIAL J

Số tài khoản: 0031000089858

Số CMT:

Địa chỉ:

Số tiền: **VND**

Một triệu sáu trăm ngàn

Ngày giao nhận:

TK Ghi No:

TK Ghi Co: 31000089858

Tại NH: VCB HAI PHONG

1,600,000.00

VND

Nội dung: IBPS/SE: 79204034. DD: 021111. SH: 10000070. BO: CTY TNHH TM DUC NANG 4102000140#. TT 1/2 TON THAT LAM THUNG SAN CONTAINER

GIAO DICH VIEN

KIEM SOAT VIEN

GIAM DOC

Biểu số 2.36: Trích nhật ký chung năm 2011

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03a-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG*Năm 2011***Đơn vị tính: VNĐ**

Ngày	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		
02/12	02/12	GBC74/T12	Thu tiền bồi thường tổn thất làm thủng sàn Container	112 711	1.600.000	1.600.000
		
16/12	16/12	GBC162/T12	Thu tiền bồi thường của công ty Bảo Hiểm HP	112 711	16.456.800	16.456.800
24/12	24/12	GBC169/T12	Công ty Bảo hiểm HP bồi thường bảo hiểm hàng	112 711	26.763.700	26.763.700
26/12	26/12	PT109/T12	Thù lao được hưởng 5% Thuế TNCN 6 tháng đầu năm	1388 711	138.996	138.996
		
31/12	31/12	GBC252/T12	Thu tiền bồi thường Cty Bảo hiểm HP	112 711	18.091.800	18.091.800
		
			Cộng số phát sinh		987.341.605.712	987.341.605.712

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.37: Trích Sổ cái TK 711

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03b-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**Tài khoản 711 – Thu nhập khác****Năm 2011****Đơn vị tính: VNĐ**

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
	
GBC74/T12	02/12	Thu tiền bồi thường tổn thất làm thủng sàn Container	112		1.600.000
GBC162/T12	16/12	Thu tiền bồi thường của công ty Bảo Hiểm HP	112		16.456.800
	
GBC169/T12	24/12	Công ty Bảo hiểm HP bồi thường bảo hiểm hàng	112		26.763.700
	
PT109/T12	26/12	Thù lao được hưởng 5% Thuế TNCN 6 tháng đầu năm	1388		138.996
	
GBC252/T12	31/12	Thu tiền bồi thường Cty Bảo hiểm HP	112		18.091.800
PKT03	31/12	Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911	911	840.232.591	
	
		Cộng		840.232.591	840.232.591
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

2.2.8.1. Nguyên tắc hạch toán

Sau một kỳ kế toán cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời. Chú ý tới nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ kế toán.

Trên tài khoản 911 cần phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hạch toán theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính.

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần về thu nhập thuần.

$$\begin{array}{rcl} \text{DTT về bán hàng và} & & \text{Doanh thu bán hàng và} & & \text{Các khoản giảm trừ} \\ \text{cung cấp dịch vụ} & = & \text{cung cấp dịch vụ} & - & \text{doanh thu} \end{array}$$

2.2.8.2. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp thực hiện bút toán kết chuyển các tài khoản. Căn cứ vào các phiếu kế toán để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\begin{array}{rcl} \text{Kết quả} & & \text{Doanh} & & \text{Chi} & & \text{Kết quả} & & \text{Lợi} \\ \text{kinh doanh} & = & \text{thu thuần} & - & \text{phí} & + & \text{tài chính} & + & \text{nhuận} \\ & & & & & & & & \text{khác} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{rcl} \text{Chi phí} & = & \text{Giá vốn} & + & \text{Chi phí} & + & \text{Chi phí} \\ & & \text{hàng bán} & & \text{bán hàng} & & \text{QLDN} \end{array}$$

$$\begin{array}{rcl} \text{Kết quả tài} & & \text{Doanh thu hoạt} & & \text{Chi phí tài} \\ \text{chính} & = & \text{động tài chính} & - & \text{chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{rcl} \text{Lợi nhuận khác} & = & \text{Thu nhập khác} & - & \text{Chi phí khác} \end{array}$$

Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có TK 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác sang bên Nợ TK 911.

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421.

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì chứng tỏ trong năm doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước như sau:

+ Xác định thu nhập chịu thuế = SPS bên Có TK 911 - SPS bên Nợ TK 911

+ Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

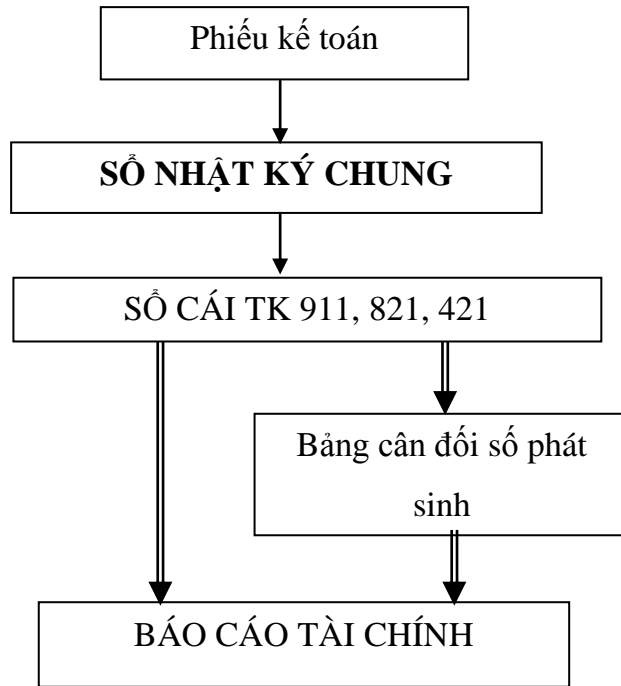
Khi xác định số thuế thu nhập phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp đầu kỳ để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm.

Kế toán xác định số lợi nhuận chưa phân phối của doanh nghiệp là khoản lợi nhuận sau thuế để kết chuyển sang bên Có TK 421.

Nợ TK 911

Có TK 421

2.2.8.3. Quy trình hạch toán



Chú thích:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

2.2.8.4. Ví dụ

Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh của năm 2011 như sau:

- Tổng số phát sinh bên Có TK 911 trong năm 2011:

+ K/c doanh thu thuần: 478.081.318.736

+ K/c thu nhập khác: 840.232.591

+ K/c doanh thu hoạt động tài chính: 1.980.491.143

Tổng: 480.902.042.470

- Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 năm 2011:	
+ K/c giá vốn hàng bán:	450.693.455.811
+ K/c chi phí bán hàng:	9.674.827.914
+ K/c chi phí quản lý doanh nghiệp:	6.574.475.700
+ K/c chi phí tài chính:	12.524.266.713
	<hr/>
Tổng:	479.467.026.138

- Thu nhập chịu thuế = **480.902.042.470 - 479.467.026.138 = 1.435.016.332**

- Thuế TNDN phải nộp = **1.435.016.332 x 25% = 358.754.083**

- Lợi nhuận sau thuế = **1.435.016.332 - 358.754.083 = 1.076.262.249**

Dựa vào các kết quả tính toán được kế toán lập phiếu kết chuyển doanh thu và chi phí để làm căn cứ ghi sổ:

Biểu số 2.38: Phiếu kế toán số 01

**CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN**

Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 01

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
01	K/c doanh thu bán hàng	511	911	478.081.318.736
	Cộng			478.081.318.736

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.39: Phiếu kế toán số 02

**CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN**

Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 02

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
02	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.980.491.143
	Cộng			1.980.491.143

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.40: Phiếu kế toán số 03

**CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN**

Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 03

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
03	K/c thu nhập khác	711	911	840.232.591
	Cộng			840.232.591

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.41: Phiếu kế toán số 04

**CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN**

Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 04

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
04	K/c giá vốn hàng bán	911	632	450.693.455.811
	Cộng			450.693.455.811

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.42: Phiếu kế toán số 05

**CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN**

Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 05

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
05	K/c chi phí bán hàng	911	641	9.674.827.914
	Cộng			9.674.827.914

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.43: Phiếu kế toán số 06

**CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN**

Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 06

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
06	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	6.574.475.700
	Cộng			6.574.475.700

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.44: Phiếu kế toán số 07

**CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN**

Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 07

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
07	K/c chi phí tài chính	911	635	12.524.266.713
	Cộng			12.524.266.713

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.45: Phiếu kế toán số 08

**CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN**

Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 08

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
08	Xác định thuế TNDN phải nộp	8211	3334	358.754.083
	Cộng			358.754.083

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.46: Phiếu kế toán số 09

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG

NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN

Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 09

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
09	K/c chi phí thuế TNDN hiện hành	911	821	358.754.083
	Cộng			358.754.083

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.47: Phiếu kế toán số 10

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG

NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN

Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2011

Số: 10

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
10	K/c lợi nhuận sau thuế	911	421	1.076.262.249
	Cộng			1.076.262.249

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.48: Trích nhật ký chung năm 2011

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03a-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG*Năm 2011***Đơn vị tính: VNĐ**

Ngày	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		
31/12	31/12	PKT01	Kết chuyển doanh thu bán hàng sang TK 911	511 911	478.081.318.736	478.081.318.736
31/12	31/12	PKT02	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911	515 911	1.980.491.143	1.980.491.143
31/12	31/12	PKT03	Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911	711 911	840.232.591	840.232.591
31/12	31/12	PKT04	Kết chuyển giá vốn hàng bán sang TK 911	911 632	450.693.455.811	450.693.455.811
31/12	31/12	PKT05	Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911	911 641	9.674.827.914	9.674.827.914
31/12	31/12	PKT06	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911	911 642	6.574.475.700	6.574.475.700
31/12	31/12	PKT07	Kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911	911 635	12.524.266.713	12.524.266.713
31/12	31/12	PKT08	Xác định thuế TNDN phải nộp	8211 3334	358.754.083	358.754.083
31/12	31/12	PKT09	Kết chuyển chi phí thuế TNDN sang TK 911	911 8211	358.754.083	358.754.083
31/12	31/12	PKT10	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	1.076.262.249	1.076.262.249
			Cộng số phát sinh quý IV		987.341.605.712	987.341.605.712

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.49: Trích Sổ cái TK 911

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
 NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
 Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03b-DN
 Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 911- Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng sang TK 911	511		478.081.318.736
PKT02	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911	515		1.980.491.143
PKT03	31/12	Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911	711		840.232.591
PKT04	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán sang TK 911	632	450.693.455.811	
PKT05	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911	641	9.674.827.914	
PKT06	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911	642		
PKT07	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911	635	12.524.266.713	
PKT09	31/12	Kết chuyển chi phí chi phí thuế TNDN sang TK 911	8211	358.754.083	
PKT10	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	1.076.262.249	
		Cộng		480.902.042.470	480.902.042.470
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.50: Trích Sổ cái TK 8211

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHT K	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
	
PKT08	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	358.754.083	
PKT09	31/12	Kết chuyển chi phí chi phí thuế TNDN sang TK 911	911		358.754.083
		Cộng		358.754.083	358.754.083
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.51: Trích Sổ cái TK 421

CHI NHÁNH SỐ 1 CTY CP THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP VÀ DÂY HÀN ĐIỆN
Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - HP

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			374.114.941
PKT10	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911		1.076.262.249
		Cộng		-	1.076.262.249
		Số dư cuối kỳ			1.450.377.190

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc

**CHI NHÁNH SỐ 1 CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VÀ
VẬT TƯ HẢI PHÒNG
NHÀ MÁY CẤP THÉP FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN**

Địa chỉ: Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B02-DN

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.15	478.081.318.736	291.065.929.131
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	IV.16	-	6.405.300
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10	IV.17	478.081.318.736	291.059.523.831
4	Giá vốn hàng bán	11	IV.18	450.693.455.811	272.553.506.007
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		27.387.862.925	18.506.017.824
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	IV.19	1.980.491.143	375.449.228
7	Chi phí tài chính	22	IV.20	12.524.266.713	6.253.091.612
	- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		12.099.823.294	5.985.137.864
8	Chi phí bán hàng	24		9.674.827.914	6.953.021.840
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.574.475.700	5.396.412.061
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+21-22-24)	30		594.783.741	278.941.539
11	Thu nhập khác	31		840.232.591	353.181.838
12	Chi phí khác	32		-	203.020.086
13	Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		840.232.591	150.161.752
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		1.435.016.332	429.103.291
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	IV.21	385.754.083	107.275.823
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51)	60		1.076.262.249	321.827.469
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

Năm 2011, nền kinh tế thế giới lâm vào cuộc khủng hoảng và suy thoái lớn. Đây cũng là năm tình hình trong và ngoài nước có nhiều sự biến động lớn về kinh tế. Có thể nhận ra rằng nền kinh tế thế giới đang ở thời điểm khó khăn, cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu đã và đang tác động tiêu cực tới tất cả các nền kinh tế trên thế giới, trong đó tất yếu có Việt Nam. Điều này đã làm ảnh hưởng tới nhịp độ tăng trưởng và phát triển kinh tế, làm sụt giảm các kế hoạch và chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước cũng như các kế hoạch mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Nền kinh tế nước ta trong xu thế chung cũng không nằm ngoài cuộc khủng hoảng này, các chỉ tiêu kinh tế năm 2011 đã bị chậm lại nhiều so với kế hoạch đặt ra trước đó. Ảnh hưởng của nó đã làm cho các ngành kinh tế trong đó có ngành thép gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên Chi nhánh số 1 công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện đã vươn lên khẳng định mình và cố gắng hoàn thành kế hoạch doanh thu, tiêu thụ và tăng trưởng trong vài năm gần đây.

Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty có những chuyển biến thông qua việc phân tích một số chỉ tiêu sau:

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Chênh lệch	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	291.065.929.131	478.081.318.736	187.015.389.605	64,25%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	6.405.300	-	(6.405.300)	(100)%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	291.059.523.831	478.081.318.736	187.021.794.905	64,26%
4	Giá vốn hàng bán	272.553.506.007	450.693.455.811	178.139.949.804	65,36%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	18.506.017.824	27.387.862.925	8.881.845.101	47,99%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	375.449.228	1.980.491.143	1.605.041.915	427,5%
7	Chi phí tài chính	6.253.091.612	12.524.266.713	6.271.175.101	100,29%
	- Trong đó : Chi phí lãi vay	5.985.137.864	12.099.823.294	6.114.685.430	102,16%
8	Chi phí bán hàng	6.953.021.840	9.674.827.914	2.721.806.074	39,15%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.396.412.061	6.574.475.700	1.178.063.639	21,83%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+21-22-24)	278.941.539	594.783.741	315.842.202	113,23%
11	Thu nhập khác	353.181.838	840.232.591	487.050.753	137,90%
12	Chi phí khác	203.020.086	-	(203.020.086)	(100)%
13	Lợi nhuận khác(40=31-32)	150.161.752	840.232.591	690.070.839	459,55%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	429.103.291	1.435.016.332	1.005.913.041	234,42%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	107.275.823	385.754.083	278.478.260	259,59%
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51)	321.827.469	1.076.262.249	754.434.780	234,42%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0	0	-	-

Thông qua số liệu ta thấy doanh thu bán hàng tăng 187.021.794.905 đồng tương đương với 64,26%. Doanh thu tăng là kết quả tốt, chứng tỏ hoạt động tiêu thụ và sản xuất của công ty tiến triển thuận lợi, sản phẩm của công ty ngày càng được biết đến

nhiều hơn. Mặt khác giá vốn hàng bán của công ty cũng tăng 178.139.949.804 đồng tương đương với 65,36%, giá vốn của công ty tăng với mức gần bằng với doanh thu bán hàng, điều đó thực sự là một bất lợi cho công ty, nguyên nhân của sự tăng chi phí giá vốn là do giá nguyên vật liệu quặng sắt, than, dầu, phôi thép, thép phế, điện năng và một số nguyên liệu khác cao hơn so với giá cả năm 2010; sẽ có một số sản phẩm thép theo lộ trình quy định WTO sẽ không còn được hưởng ưu đãi và bảo hộ cao về thuế nhập khẩu, tính cạnh tranh với sản phẩm thép nhập khẩu sẽ khốc liệt hơn; một số dự án mới về thép đi vào sản xuất chính thức làm cho sự mất cân đối giữa nguồn cung và mức tiêu thụ của thị trường càng cách xa, dẫn đến cạnh tranh quyết liệt giữa các thành phần kinh tế ở thị trường trong nước, nhất là đối với sản phẩm thép xây dựng, cuộn cán nguội, ống thép hàn, tôn mạ kim loại, sơn phủ màu.... Vì thế, năm 2011, giá thép trong nước tăng do giá các nguyên liệu đầu vào tăng. Do tác động của giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, khiến cho chi phí sản xuất của doanh nghiệp cũng tăng theo.

Lợi nhuận gộp của công ty tăng 8.881.845.101 đồng tương đương với 47,99%. Do giá vốn hàng bán tăng nhanh, vượt quá tốc độ tăng doanh thu thuần. Vì vậy, cần phải đi sâu phân tích để làm rõ nguyên nhân của sự gia tăng giá vốn hàng bán là do chủ quan hay khách quan (do doanh nghiệp không kiểm soát được chi phí trực tiếp, giá bán sản phẩm tăng, số lượng hàng hóa bán ra ít hơn trước đây...).

Bên cạnh đó doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp năm 2011 so với năm 2010 tăng 1.605.041.915 đồng nhưng chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp lại tăng 6.271.175.101 đồng cho thấy tình hình tài chính của doanh nghiệp không mấy khả quan. Điều đó chứng tỏ nguồn vốn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong công ty phụ thuộc phần lớn vào vốn đi vay. Nguyên nhân công ty phải chịu mức lãi suất đi vay cao có thể do nguồn vốn công ty đi vay để duy trì hoạt động kinh doanh nhưng lại bị khách hàng chiếm dụng vốn do đó lợi nhuận mà doanh nghiệp có được chỉ vừa đủ để bù đắp chi phí hoặc chỉ thu được một phần lợi nhuận.

So với năm 2010 chi phí bán hàng trong năm 2011 tăng 2.721.806.074 đồng tương ứng với 39,15%. Sự gia tăng của chi phí bán hàng là một trong những nguyên nhân chính làm giảm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Chi phí bán hàng tăng có thể do áp lực cạnh tranh buộc công ty phải tăng chi phí quảng cáo, khuyến mãi, dành cho

các đại lý mức hoa hồng cao hơn. Việc mở thêm các thị trường mới cho các sản phẩm sẵn có cũng tác động mạnh tới mức tăng của chi phí bán hàng.

Tốc độ tăng chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1.178.063.639 đồng tương đương với 21,83%. Chi phí quản lý là những khoản chi phí để duy trì bộ máy quản lý và hành chính của doanh nghiệp, đa phần là chi phí bất biến. Do vậy, doanh thu tăng, nhưng tốc độ tăng chi phí quản lý ít hơn tốc độ tăng doanh thu. Điều này góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty tăng 315.842.202 đồng, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty tăng không cao là do các khoản chi phí của doanh nghiệp trong năm 2011 tăng cao như: giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao.

Lợi nhuận khác tăng 690.070.839 đồng. Lợi nhuận khác tăng chưa hẳn là kết quả tốt, tuy vậy nhờ có khoản lợi nhuận này mà kết quả tài chính cuối cùng của công ty được cứu vãn phần nào.

Lợi nhuận sau thuế năm 2011 so với năm 2010 tăng 754.434.780 đồng, nguyên nhân chủ yếu là do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng chậm và lãi vay phải trả tăng, cộng với các khoản chi phí cả bất biến và khả biến đều tăng cao, nếu lợi nhuận khác không tăng thì lợi nhuận sau thuế của công ty sẽ còn tăng ít hơn.

Năm 2011, nền kinh tế thế giới khủng hoảng làm cho một số ngành công nghiệp nặng gặp không ít khó khăn trong đó ngành thép cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ, nhiều doanh nghiệp thép đang trong bờ vực phá sản. Nhưng Chi nhánh số 1 công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện vẫn không ngừng cố gắng để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Đề quản lý tài chính tốt hơn thì vấn đề cơ bản được đặt ra là công ty phải đưa ra được các giải pháp đúng đắn để có thể sử dụng nguồn vốn sao cho tiết kiệm và hiệu quả nhất.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CHI NHÁNH SỐ 1 CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG - NHÀ MÁY CẤP THÉP FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Chi nhánh số 1 công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn điện

3.1.1. Ưu điểm:

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán tại Chi nhánh số 1 công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn điện. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả và khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng.....Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

Chi nhánh số 1 công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn điện là doanh nghiệp đầu tiên sản xuất và kinh doanh các loại thép chịu lực và dây hàn điện. Thời gian hoạt động của doanh nghiệp không quá dài mà cũng không quá ngắn nhưng doanh nghiệp đã khẳng định được vị trí của mình trên thương trường, tạo uy tín với bạn hàng trong cả nước. Bộ máy quản lý của công ty được bố trí một cách hết sức khoa học và chặt chẽ tạo điều kiện cho hoạt động của doanh nghiệp được diễn ra nhịp nhàng và có hiệu quả.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong

việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và cho biết các nguồn tài chính hiện tại của công ty phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty rất nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học chặt chẽ mang một ý nghĩa rất lớn. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ chuyên môn cao am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp.

Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán, mở tài khoản cấp 2 của các tài khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

Về tổ chức bộ sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “ Nhật ký chung”, các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng, các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất trên toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực, điều kiện trang thiết bị và yêu cầu quản lý của công ty.

Về khâu tổ chức hạch toán ban đầu: Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng. Công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Đồng thời trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học hợp lý, giúp cho việc hạch toán bán hàng được sắp xếp, phân loại bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán.

Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí

tại công ty bước đầu được đảm bảo đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

PHIẾU ĐIỀU TRA

❖ **Thông tin về người điều tra:**

- Họ và tên: Bùi Thị Phương

- Chức danh: Sinh viên - Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

❖ **Thông tin về doanh nghiệp:**

- Tên doanh nghiệp: Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện

- Địa chỉ: Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão - Hải Phòng

- Số lượng nhân viên: 80 - 150 người

1. Chi phí lãi vay, lượng hàng tồn kho, giá phôi thép ảnh hưởng như thế nào đến tình hình tài chính của công ty và ảnh hưởng như thế nào?

Trưởng phòng kinh doanh: Chi phí lãi vay tăng cao ảnh hưởng rất lớn đến công ty do phần lớn nguồn vốn của công ty là vay ngắn hạn, mức lãi suất từ 22-25% trong năm 2011 làm cho lợi nhuận của công ty ảnh hưởng đáng kể.

- Lượng hàng tồn kho quá lớn, để đẩy mạnh tiêu thụ thì công ty phải chịu lỗ khoảng 50 - 100USD/tấn.

- Giá phôi thép thế giới tăng hơn 50% so với năm 2010 và việc điều chỉnh tỷ giá hối đoái năm ảnh hưởng lớn đến chi phí đầu vào, do phần lớn nguyên liệu đầu vào vẫn phải nhập khẩu.

2. Tình hình tiêu thụ bình quân thép trong năm 2011?

Trưởng phòng kinh doanh: Mức tiêu thụ bình quân của công ty chỉ đạt 70-74% so với cùng kỳ năm 2010, do đó lượng hàng tồn kho của công ty đến thời điểm hiện tại khoảng 300 tấn/tháng, nguyên nhân do tình hình thị trường vật liệu xây dựng bị giảm

mạnh. Giá thép bán trong nước luôn biến động, lượng cung lớn hơn lượng cầu tiêu thụ cho nên công ty đang phải chịu lỗ.

3. Giá trị hàng tồn kho của công ty năm 2011 như thế nào?

Kế toán trưởng: Thông qua báo cáo tài chính năm 2011 của công ty, lượng hàng tồn kho tăng, tiền mặt giảm, công nợ của khách hàng tăng, kết quả từ việc hàng hóa tiêu thụ chậm, bị đọng vốn. Giá trị hàng tồn kho tăng lên 7.171.842.154 đồng, khoản phải thu khách hàng tăng thêm là 22.294.094.257 đồng (so với đầu năm). Nguồn vốn bị ứ đọng, công ty không thể quay vòng vốn kinh doanh, do đó để giải phóng lượng hàng tồn kho công ty phải chấp nhận lỗ.

4. Công ty bán hàng bằng cách nào?

Trưởng phòng kinh doanh: Lượng hàng tồn kho lớn, công ty đã thúc đẩy bán hàng bằng nhiều chính sách ưu đãi khác nhau như: cho hưởng chiết khấu thương mại, giảm giá..., công ty cũng đang hướng tới việc xuất khẩu ra bên ngoài.

5. Lợi nhuận của công ty năm 2011 đạt ở mức nào?

Kế toán trưởng: Nguồn vốn của công ty chủ yếu hình thành bằng hai nguồn vốn chính là vốn chủ sở hữu và vốn vay (nợ). Năm 2011, công ty làm ăn có lãi nhưng khi phải thanh toán mức lãi vay ngân hàng quá cao như vậy thì lợi nhuận thu được chỉ ở con số lãi ít.

3.1.2. Hạn chế:

Thông qua phiếu điều tra trên ta thấy được tình hình kinh tế của công ty đang thực sự khó khăn. Những khó khăn đó có thể là do nguyên nhân khách quan của ngành thép nói chung, tuy nhiên cũng có một số nguyên nhân chủ quan là do doanh nghiệp. Sau đây là một số hạn chế của công ty thông qua việc tìm hiểu thực tế và điều tra tại doanh nghiệp:

Về việc quản lý nguồn vốn: Doanh thu của công ty qua các năm đều tăng lên năm 2010 là 291.065.929.131đ, năm 2011 là 478.081.318.736đ tương ứng tăng 187.015.389.605đ . Doanh thu hàng năm tăng với tốc độ nhanh tuy nhiên lợi nhuận lại tăng lên không đáng kể so với doanh thu, lợi nhuận năm 2010 là 321.827.469đ, năm 2011 là 1.076.262.249đ tương ứng tăng 754.434.780đ. Nguyên nhân là do ảnh hưởng rõ rệt của suy thoái kinh tế trong mấy năm vừa qua đã làm cho giá cả nguyên vật liệu

đầu vào tăng như: quặng sắt, than, dầu, phôi thép, thép phế, điện năng và một số loại nguyên vật liệu khác cao hơn và cao hơn từ 40 - 50% so với giá năm 2010; tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu tăng ở mức 93,64% trong năm 2010 sang mức 94,27% trong năm 2011, gánh nặng chi phí tài chính lớn, theo như phiếu điều tra thì mức lãi suất mà công ty phải trả là 22-25% trong năm 2011, tỷ trọng chi phí tài chính so với doanh thu tăng ở mức 2,14% trong năm 2010 sang mức 2,62% năm 2011, nguyên nhân chủ yếu do các khoản phải thu cuối năm 2011 ở con số cao là 75.413.984.989đ, trong khi vốn kinh doanh chủ yếu là do đi vay từ các tổ chức tín dụng đến 80%, khách hàng chiếm dụng vốn trong thời gian dài làm cho chi phí lãi vay phải trả ở con số lớn. Đây là những sức ép không nhỏ tác động tới kết quả sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy vậy cũng phải thấy rằng công ty chưa thực sự quản lý tốt các khoản mục chi phí, có thể thấy rằng các khoản mục chi phí của công ty như chi phí bán hàng năm 2011 là 9.674.827.914đ tăng 39,15% so với năm 2010, còn chi phí quản lý doanh nghiệp là 6.574.475.700đ tăng 21,83% so với năm 2010, các khoản chi phí này của công ty cần phải được tiết kiệm hơn để có thể gia tăng được lợi nhuận thu về, bởi vì chi phí cao ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận thu về. Có như vậy nguồn vốn của công ty mới được sử dụng hiệu quả.

Về công tác quản lý công nợ phải thu: Rủi ro tài chính thường thấy nhất trong doanh nghiệp đó là vấn đề nợ. Khó khăn lớn nhất tại công ty trong quá trình kinh doanh là làm sao có thể nhanh chóng thu hồi được tiền hàng từ khách hàng. Khoản phải thu khách hàng tại Chi nhánh số 1 Công ty cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện năm 2010 là 50.356.987.452đ, chiếm 22,06% trong tổng tài sản (228.231.074.388đ) và chiếm 54,52% trong tổng tài sản ngắn hạn (92.363.868.129đ), năm 2011 khoản phải thu khách hàng là 72.651.081.709đ, chiếm 31,83% trong tổng tài sản (228.231.074.388đ) và chiếm 50,40% trong tổng tài sản ngắn hạn (144.155.312.422đ), so với năm 2010 thì khoản phải thu khách hàng tăng lên 44,27%, khoản phải thu tăng nhiều như vậy có thể là do chính sách bán chịu của công ty chưa phù hợp, trong một thời gian ngắn mà công ty không quản lý chặt chẽ khoản nợ phải thu sẽ rất nguy hiểm cho sự phát triển bền vững của công ty đồng thời có thể làm gián đoạn quá trình sản xuất kinh doanh nếu khoản nợ của khách hàng lớn lại

không có khả năng thu hồi do khách hàng gặp khó khăn hoặc phá sản trong kinh doanh.

Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Các mặt hàng của công ty là sắt thép, rất nhanh han gỉ và giá cả lại luôn biến động. Theo như điều tra, hàng tồn kho liên tục tăng cao trong nhiều tháng nay cho thấy: thị trường hàng hóa đang bị tắc nghẽn, hàng sản xuất ra không bán được, khiến công ty rơi vào cảnh khó khăn chồng chất, đình trệ sản xuất, thua lỗ, do đó buộc công ty phải chấp nhận lỗ để giải phóng lượng hàng tồn kho. Chính vì vậy, việc công ty không trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính của mình.

3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Chi nhánh số 1 công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cấp thép FCT và dây hàn điện

Việc quản lý tài chính hiệu quả giữ vị trí vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp. Điều này mang lại sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, sự nỗ lực của các đối tác về một công ty nghiêm túc và mở thêm nhiều cơ hội hợp tác cho doanh nghiệp.

Mang lại sức mạnh đầu tư: Quản lý nguồn vốn hiệu quả mang lại sức mạnh đầu tư cho doanh nghiệp. Một doanh nghiệp với khả năng tài chính mạnh luôn đủ lực khi được huy động cho việc đầu tư các lĩnh vực mới. Tỷ lệ thành công khi đó cũng luôn cao hơn so với các doanh nghiệp với nguồn vốn nhỏ. Bên cạnh đó, doanh nghiệp luôn bền sức trong các cuộc cạnh tranh dài hơi với đối thủ trên thương trường.

Cơ cấu nhân sự vững chắc: Một hệ thống tài chính vững vàng sẽ mang lại các chế độ lương, thưởng hậu hĩnh cho nhân viên. Việc xây dựng các chính sách đãi ngộ và giữ chân người tài hiệu quả càng giúp cho cơ cấu doanh nghiệp thêm bền vững và phát triển hơn.

Nổi tiếng và thêm nhiều cơ hội hợp tác: Nguồn tài chính dồi dào, doanh nghiệp có nhiều cơ hội quảng bá cho hình ảnh của mình qua các hoạt động quảng cáo trên truyền hình, báo chí..., qua các hoạt động xã hội: từ thiện, tài trợ... Doanh nghiệp theo đó sẽ ngày càng được biết đến nhiều hơn. Các đối tác sẽ rất vị nể một doanh nghiệp nổi tiếng nghiêm túc về tài chính. Cơ hội hợp tác của sẽ tăng theo cấp số cộng vì các

doanh nghiệp khác luôn sẵn sàng dành các cơ hội hợp tác với các doanh nghiệp có uy tín và hình ảnh "đẹp" trong lòng họ.

3.3. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Chi nhánh số 1 công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện

Mục đích chủ yếu của đề tài là gắn những lý luận đã học về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cùng với việc nghiên cứu, tham khảo tài liệu vào hoạt động thực tiễn để thấy được thực trạng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh số 1 công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện. Trên cơ sở đi sâu tìm hiểu, phân tích đánh giá và đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường việc quản lý tài chính tại công ty. Với các doanh nghiệp việc hoàn thiện không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, tuy nhiên cũng phải tuân theo các nguyên tắc sau:

- ✓ Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.

Mỗi quốc gia cần phải có một cơ chế tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

- ✓ Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc áp dụng các chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- ✓ Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được các thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

- ✓ Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi mang lại hiệu quả.

3.4. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện

Qua quá trình thực tập tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải

Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện, trên cơ sở tìm hiểu, điều tra nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế mà nếu khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện như sau:

3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc quản lý nguồn vốn

Để quản lý nguồn vốn một cách tối ưu và hiệu quả thì công ty cần phải xây dựng một số giải pháp để giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2011, tình hình kinh tế khó khăn thì việc giảm thiểu chi phí là giải pháp mà công ty nên áp dụng hàng đầu để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Các biện pháp tiết giảm chi phí như sau:

- Phần lớn nguyên liệu đầu vào của công ty vẫn phải nhập khẩu, giá phôi thép thế giới năm 2011 tăng hơn 50% so với năm 2010 và việc điều chỉnh tỷ giá hối đoái đầu năm ảnh hưởng lớn đến chi phí đầu vào. Điều này không những gây tổn kém chi phí cho công ty mà chất lượng của các loại phôi thép không đảm bảo. Minh chứng cụ thể, năm 2011, công ty nhập 800 tấn phôi thép nhưng lại không đạt chất lượng dẫn đến lượng sản phẩm tạo ra không lớn và không đạt yêu cầu, phế liệu tăng và làm tăng chi phí rất lớn. Theo đó, thay vì phải phụ thuộc nguyên liệu nước ngoài, Công ty nên chủ động tận dụng quặng để sản xuất từ nguồn nguyên liệu trong nước để tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm. Quặng nhập từ nước ngoài về sẽ có giá khoảng 179 USD/tấn, trong khi quặng ở trong nước có giá 400.000 đồng/tấn. Nếu công ty sử dụng được quặng ở trong nước thì sẽ rất kinh tế.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các khâu đầu vào, đầu ra của từng công đoạn để tiết kiệm nguyên vật liệu góp phần giảm chi phí nguyên vật liệu.

- Sử dụng hợp lý lao động hiện có, công ty có thể cắt giảm những lao động không cần thiết bởi vì tình hình khó khăn, lượng tiêu thụ cũng kém cho nên công ty sản xuất ở mức cầm chừng hoặc có thể cho một người quản lý từ 2 - 3 phân xưởng để giảm bớt

chi phí thuê nhân công. Ngoài ra cũng nên chú ý đào tạo nguồn lao động để họ có thêm nhiều kinh nghiệm và sáng kiến phục vụ sản xuất, cần xem xét mối quan hệ giữa tăng tiền lương và tăng năng suất lao động nhằm khuyến khích người lao động hăng say làm việc và thực hiện tiết kiệm.

- Lượng thép phế tại công ty hàng năm rất lớn ước tính khoảng 14 tấn/năm, công ty có thể tái chế để tiết kiệm chi phí sản xuất và chi phí lưu kho...

- Xây dựng ý thức tinh thần tiết kiệm chi phí của toàn thể cán bộ công nhân viên, thường xuyên nhắc nhở nhân viên tiết kiệm chi phí. Đồng thời có thể trợ cấp thêm cho bộ phận bán hàng tiền xăng xe khoảng 1.500.000đ/1 người, tiền đi lại khoảng 2.500.000đ/1 người, cho hưởng lương theo sản phẩm bán ra nhằm kích thích việc tìm các mối hàng mới, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, tăng doanh thu cho công ty.

3.4.2. Kiến nghị 2: Về công tác quản lý công nợ phải thu

Trong quá trình hoạt động kinh doanh hầu hết các doanh nghiệp đều phát sinh các khoản phải thu nhưng ở mức độ nhiều ít khác nhau. Nguyên nhân chủ yếu hình thành nên các khoản phải thu chính là chính sách hoạt động của doanh nghiệp. Trong đó chính sách bán chịu ảnh hưởng mạnh nhất đến các khoản phải thu và sự kiểm soát của giám đốc tài chính trong doanh nghiệp. Giám đốc tài chính có thể thay đổi mức độ bán chịu để kiểm soát khoản phải thu sao cho phù hợp. Nếu bán chịu hàng hoá nhiều thì chi phí cho khoản phải thu tăng và nguy cơ phát sinh các khoản nợ khó đòi, vì vậy, rủi ro không thu hồi được công nợ cũng gia tăng. Từ đó vấn đề đặt ra ở đây là doanh nghiệp cần phải có chính sách bán chịu hàng hoá thích hợp. Và đương nhiên để kích thích tiêu thụ hàng hoá không một doanh nghiệp nào lại thu tiền hàng ngay khi giao hàng cho khách hàng, do vậy các khoản nợ phải thu đặc biệt khoản phải thu khách hàng kéo dài là một hiện tượng không tốt đối với hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Nó có thể làm cho hoạt động này xấu đi và đẩy doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn về luân chuyển vốn. Do đó hầu hết các doanh nghiệp nên chú ý việc kiểm soát và quản lý các khoản phải thu. Việc tăng cường quản lý các khoản phải thu làm giảm mức rủi ro trong thu hồi công nợ, giảm bớt các chi phí như chi phí thu hồi công nợ, chi phí hoạt động tài chính, tránh thất thoát vốn, hạn chế rủi ro và nhanh chóng thu hồi vốn.

Chính vì vậy Công ty có thể tăng cường việc thu hồi công nợ bằng việc đưa ra những chính sách chiết khấu thanh toán đối với khách hàng để khách hàng có thể thanh toán tiền hàng trước hoặc đúng hạn giúp công ty nhanh chóng thu hồi vốn, tránh bị tình trạng chiếm dụng vốn kinh doanh. Tuy nhiên cũng không thể tránh khỏi những rủi ro tiềm ẩn trong việc thu hồi công nợ, việc có những khách hàng mua hàng chịu của công ty nhưng công ty của họ lại lâm vào tình trạng khó khăn, không có khả năng chi trả, công ty cũng nên lập quỹ dự phòng phải thu khó đòi đối với những khách hàng này để giúp cho công ty chủ động hơn khi gặp khó khăn đối với những khoản nợ khó đòi này vì từ trước đến nay công ty vẫn chưa trích lập khoản dự phòng phải thu. Như vậy, để quản lý công nợ phải thu tốt công ty có thể thông qua hai giải pháp sau:

3.4.2.1. Giải pháp 1: Áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Để đẩy nhanh công tác bán hàng, thu hồi tiền bán hàng nhanh chóng, công ty cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng thì Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán.

Tùy vào từng đối tượng và thời hạn thanh toán mà công ty có thể đưa ra tỷ lệ phần trăm (%) chiết khấu phù hợp. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 - " Chi phí hoạt động tài chính". Phản ánh chiết khấu thanh toán cho người mua hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 111, 112, 131: Chiết khấu thanh toán khách hàng được hưởng

Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thanh toán sang TK 911 - " Xác định kết quả kinh doanh".

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp và có thể đưa ra tỷ lệ chiết khấu theo quy định của công ty đề ra.

Ví dụ: Ngày 30/12/2011, Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện bán thép tấm cho công ty Cổ phần cơ khí Thương mại Hợp Tiến với số lượng là 12.717 Kg, đơn giá mua chưa có VAT 10% là 170.488.004 đồng. Thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày nhận hàng nhưng công ty Cổ phần cơ khí Thương mại Hợp Tiến thanh toán trước hạn, vào ngày thứ 20.

Trong trường hợp này công ty cho công ty Cổ phần cơ khí Thương mại Hợp Tiến hưởng chiết khấu do thanh toán sớm.

Thông thường, tỷ lệ chiết khấu thanh toán được áp dụng từ 1% đến 2% trên tổng giá thanh toán. Theo ví dụ trên, công ty nên áp dụng tỷ lệ chiết khấu là 1% tức là:

$$187.536.804 \times 1\% = 1.875.368 \text{ VNĐ}$$

Kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 635: 1.875.368 VNĐ

Có TK 131: 1.875.368 VNĐ

3.4.2.2. Giải pháp 2: Trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi

Công ty nên lập dự phòng phải thu khó đòi bởi vì hoạt động của Công ty có hoạt động thương mại, hơn nữa công ty có bán chịu cho khách hàng, do vậy khoản phải thu khách hàng của công ty là cao. Theo báo cáo công nợ của công ty tài thời điểm 31/12/2011 có tới gần 10% số nợ đã quá hạn thanh toán trong khoảng thời gian trên 2 năm. Khi công ty không lập dự phòng phải thu khó đòi cho 10% số nợ quá hạn này thì có thể dẫn đến tình trạng là đến thời điểm các khoản nợ này được liệt vào các khoản nợ phải được xử lý thì công ty sẽ mất đi một khoản vốn kinh doanh đột ngột mà không lập dự phòng nên sẽ không có gì bù đắp vào khoản vốn bị mất ấy, từ đó sẽ dẫn đến tình trạng công ty bị thiếu hụt vốn kinh doanh. Đây là một điều không tốt đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào đặc biệt là doanh nghiệp có kinh doanh thương mại nơi mà nguồn vốn kinh doanh nắm giữ một vai trò vô cùng quan trọng. Do vậy để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, đảm bảo ổn định và chủ động về tình hình tài chính thì việc lập dự phòng phải thu khó đòi là rất cần thiết và thiết thực. Công ty có thể trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án,... thì doanh nghiệp

dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Sau khi tính toán được khoản trích lập dự phòng, kế toán định khoản các nghiệp vụ phát sinh liên quan như sau:

1. Cuối kỳ kế toán căn cứ vào khoản nợ phải thu khó đòi, tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Nếu dự phòng năm nay > dự phòng cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: trích lập dự phòng phải thu khó đòi

2. Nếu số dự phòng trích lập năm nay < số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cuối niên độ trước chưa được sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

3. Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (theo quy định chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi kế toán ghi:

Nợ TK 139: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131: Phải thu khách hàng

Hoặc ghi Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi đơn Nợ TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý (Để theo dõi thu nợ khi khách hàng có điều kiện trả nợ)

4. Đối với những khoản phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi lại được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ 111, 112,...

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

Ví dụ cụ thể:

Theo như Sổ chi tiết công nợ của Công ty, Công ty cổ phần Thép Tân Dân Phú có một khoản nợ phát sinh từ tháng 05/2009 do mua hàng thép tấm $84 \times 1,5 \times 6^m$. Trên hợp đồng kinh tế đối với công ty cổ phần thép Tân Dân Phú thì khoản nợ này phải được thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng tức thời hạn thanh toán là tháng 07/2009 nhưng trên thực tế thì đến tháng 12/2011 doanh nghiệp này vẫn chưa thanh toán hết nợ. Mặt khác, theo Báo cáo công nợ thì hiện tại doanh nghiệp này đang trong giai đoạn khó khăn và không tiếp tục mua hàng của công ty nữa. Vì vậy, kế toán có thể tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với công ty Cổ phần thép Tân Dân Phú như sau:

Do khoản nợ tính đến tháng 01/2011 là hơn 1 năm (15 tháng) nên kế toán được phép trích 50% khoản nợ 485.462.804 VNĐ. Như vậy khoản dự phòng cho năm 2011 của công ty Cổ phần thép Tân Dân Phú sẽ bằng:

$$485.462.804 \times 50\% = 242.731.402 \text{ VNĐ}$$

Kế toán sẽ định khoản là:

Nợ TK 642: 242.731.402 VNĐ

Có TK 139: 242.731.402 VNĐ

Trường hợp công ty có nhiều đối tượng phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi thì kế toán sau khi tính từng khoản trích lập dự phòng cho từng đối tượng thì phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.4.3. Kiến nghị 3: Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Hàng hoá của công ty là mặt hàng thép các loại, giá bán của hàng hoá này chịu sự chi phối rất lớn từ sự biến động của thị trường thế giới cũng như trong nước. Mọi sự trệ trệ trong công tác tiêu thụ hay giá cả tăng giảm đột biến đều có thể ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả kinh doanh cũng như tình hình tài chính của công ty. Kế toán nên trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, đó là điều cần thiết để đảm bảo tính ổn định cho hoạt động kinh doanh của công ty.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là biện pháp nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, hàng hoá tồn kho bị giảm giá; đồng thời cũng để phản

ánh giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhằm đưa ra một hình ảnh trung thực về tài sản của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính cuối kỳ hạch toán.

*** Điều kiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

- Cuối niên độ kế toán (31/12), nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện đối với từng loại hàng tồn kho.

- Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy.

*** Tài khoản sử dụng:** Để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Kết cấu của TK 159 như sau:

Bên Nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Số dư bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

*** Phương pháp xác định mức dự phòng:**

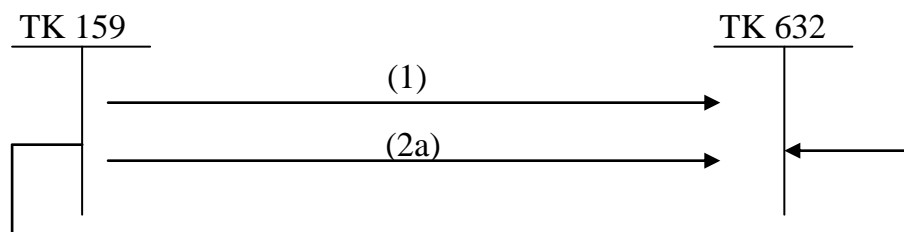
Mức trích lập được tính theo công thức như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng cần} \\ \text{lập cho hàng} \\ \text{tồn kho i} \\ \text{năm N+1} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng hàng} \\ \text{hoá i tồn kho} \\ \text{tại thời điểm} \\ \text{ngày 31/12/N} \end{array} * \left(\begin{array}{l} \text{Giá gốc đơn vị} \\ \text{của hàng tồn} \\ \text{kho i ghi sổ kế} \\ \text{toán ngày} \\ \text{31/12/N} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần đơn} \\ \text{vị có thể thực} \\ \text{hiện được của} \\ \text{hàng tồn kho i} \\ \text{ngày 31/12/N} \end{array} \right)$$

Giá gốc đơn vị của hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí thu mua và chi phí liên quan trực tiếp khác theo quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

* Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:



(1): Cuối kỳ kế toán năm N (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên:

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán} \\ \text{Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho} \end{array} \right.$$

2. Cuối kỳ kế toán năm N+1 (hoặc quý) tiếp theo:

(2a): Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì doanh nghiệp phải trích lập thêm bằng số chênh lệch đó, ghi:

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)} \\ \text{Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho} \end{array} \right.$$

(2b) Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì doanh nghiệp phải hoàn nhập số chênh lệch đó, ghi:

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 259: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho} \\ \text{Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).} \end{array} \right.$$

Trong niên độ kế toán tiếp theo, với những hàng tồn kho đã lập dự phòng từ kỳ trước, nếu đã bán thì ngoài việc ghi nhận bút toán doanh thu, giá vốn, kế toán phải hoàn nhập dự phòng đã lập cho số hàng tồn kho với giá trị đúng bằng với số dự phòng cần lập.

• Chú ý:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Việc đánh giá giá trị thuần đơn vị có thể thực hiện được của hàng tồn kho là một công việc ước tính đòi hỏi nhà quản lý phải dựa trên những bằng chứng tin cậy thu thập được ở thời điểm ước tính, phải biết lựa chọn đánh giá chính xác và có chọn lọc sao cho giá trị ước tính phải hợp lý, sát thực.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải đảm bảo tuân theo đúng quy định theo thông tư 13/2006/TT-BTC: hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

*** Ví dụ minh họa:**

Ngày 30/12/2011, số lượng mặt hàng Thép tấm Q345Bδ25×2000×6000TQ là 9.420 kg với đơn giá là 19.250 đ/kg. Tại thời điểm này, giá trên thị trường chỉ có 18.600 đ/kg.

Khi đó, công ty sẽ lập mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

$$= 9.420 * (19.250 - 18.600) = 6.123.000 \text{ đ}$$

Kế toán ghi bút toán:

$$\left\{ \begin{array}{l} \text{Nợ TK 632: 6.123.000} \\ \text{Có TK 159: 6.123.000} \end{array} \right.$$

Việc lập dự phòng được thực hiện cho từng loại hàng hoá mà doanh nghiệp xét thấy có sự biến động lớn gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Sau khi lập dự phòng cho từng mặt hàng thì kế toán sẽ tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Năm 2011

Tên HH	Mã HH	ĐVT	Số lượng	ĐG ghi sổ	ĐG thực tế	Mức chênh lệch	Mức dự phòng
Thép góc CT3L50×50×5HViệt		Kg	1.991	16.650	16.500	150	298.650
Thép góc CT3L50×50×5HViệt		Kg	1.989	16.650	16.500	150	298.350
Thép tấm Q345Bδ25×2000×6000TQ		Kg	9.420	19.250	18.600	650	6.123.000
....
Thép tròn S45Cφ100×6000TQ		Kg	5.916	21.755	21.500	255	1.508.580
Thép tấm SS400δ5×1500×6000TQ		Kg	4.946	17.860	17.600	260	1.285.960
Thép tấm SS400δ6×1500×6000TQ		Kg	848	17.860	17.600	260	220.480
Thép tấm SS400δ8×1500×6000TQ		Kg	5.652	17.860	17.600	260	1.469.520
....						
Cộng							

KẾT LUẬN

Là một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thép. Chi nhánh số 1 Công ty cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện luôn khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Hàng năm công ty nhận được nhiều danh hiệu thi đua, đây là một trong những động lực thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty ngày một phát triển hơn. Để đạt được công tác như vậy phải kể đến công tác kế toán, công ty đã chú trọng đầu tư cho công tác kế toán ngày một hoàn thiện hơn phục vụ cho công việc quản lý ngày một tốt hơn, mà khâu vô cùng quan trọng là nâng cao doanh thu, tiết kiệm chi phí. Có như vậy mới tăng được lợi nhuận, thực hiện đúng nghĩa vụ với nhà nước và nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên. Có thể nói công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty tương đối khoa học hợp lý song vẫn song vẫn không thể tránh khỏi hạn chế đặc biệt trong công tác quản lý tài chính.

Qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu em nhận thấy rằng:

- Về mặt ưu điểm của công ty:

+ Bộ máy kế toán gọn nhẹ, hiệu quả, đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ.

+ Hệ thống tài khoản áp dụng thống nhất theo quy định của bộ tài chính.

+ Bộ sổ kế toán đồng bộ, thống nhất trên toàn công ty.

+ Quá trình luân chuyển chứng từ hợp lý, khoa học.

- Về mặt hạn chế của công ty trong việc quản lý tài chính:

+ Việc quản lý nguồn vốn không hiệu quả chủ yếu do công ty chưa tìm ra được giải pháp để quản lý tốt lượng hàng tồn kho và các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Việc quản lý công nợ phải thu chưa được quan tâm đúng mức thông qua việc công ty áp dụng chính sách bán chịu chưa phù hợp và chưa trích lập dự phòng.

+ Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho bởi vì lượng hàng tồn kho luôn là một vấn đề đáng lo ngại của nhiều doanh nghiệp, hơn nữa giá cả biến động lên xuống rất nhiều ảnh hưởng lớn đến tài chính của công ty.

- Từ những hạn chế trên giải pháp đề ra là:

+ Quản lý nguồn vốn chặt chẽ bằng cách giảm giá vốn hàng bán thông qua tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu đầu vào, đầu ra; tiết kiệm chi phí nhân công; sử dụng nguyên vật liệu trong nước để giảm thiểu chi phí.

+ Quản lý công nợ bằng việc cho đưa ra chính sách bán hàng phù hợp như cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán, đồng thời phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi để tránh việc mất vốn lớn trong kinh doanh.

+ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để có thể giải phóng lượng hàng tồn kho, tránh được sự bất lợi khi biến động giá nhằm quản lý hiệu quả nguồn lực tài chính trong công ty.

Từ những kiến thức đã học cùng với tiếp cận thực tế, em đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Chi nhánh số 1 Công ty cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Văn Nhị (2007), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (2009), Bộ tài chính ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
 - *Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán.*
 - *Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán.*
3. Hệ thống báo cáo sổ sách kế toán tại Chi nhánh số 1 Công ty cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cán thép FCT và dây hàn điện.
4. Chuẩn mực số 14 "Doanh thu và Thu nhập khác" trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
5. Ngô Thế Chi và Trương Thị Thủy (2008), *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VÀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	4
1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	4
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu	6
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu	7
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	17
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	20
1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	25
1.5.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	29
1.5.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động khác	32
1.5.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	35
1.5.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	37
1.6. Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp	39
1.6.1. Hình thức Nhật ký - sổ cái	39
1.6.2. Hình thức Nhật ký chung	40
1.6.3. Hình thức Nhật ký chứng từ.....	40
1.6.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	41
1.6.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	43
1.7. Tài chính và quản lý tài chính trong doanh nghiệp.....	43
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH SỐ 1	

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG - NHÀ MÁY CÁP THÉP FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN	46
2.1. Đặc điểm chung tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện.....	46
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện.....	46
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện.....	49
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện	49
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện	52
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện.....	56
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện	56
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện	70
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng.....	78
2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	86
2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	94
2.2.6. Kế toán chi phí tài chính tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện	98
2.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	108
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CHI NHÁNH SỐ 1	

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG - NHÀ MÁY CÁP THÉP FCT VÀ DÂY HÀN ĐIỆN	126
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Chi nhánh số 1 công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện	126
3.1.1. Ưu điểm:.....	126
3.1.2. Hạn chế:.....	129
3.3. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Chi nhánh số 1 công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện.....	132
3.4. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Chi nhánh số 1 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng - Nhà máy cáp thép FCT và dây hàn điện	132
3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc quản lý nguồn vốn	133
3.4.2. Kiến nghị 2: Về công tác quản lý công nợ phải thu.....	134
3.4.3. Kiến nghị 3: Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:.....	138
KẾT LUẬN	143
TÀI LIỆU THAM KHẢO	145